

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông
trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của
Chính phủ về Khuyến nông;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại
Tờ trình số 574/TTr-SNN ngày 29 tháng 7 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông để làm cơ sở, căn cứ xây dựng, phê duyệt thuyết minh, dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí đối với các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Hòa Bình sử dụng nguồn kinh phí ngân sách địa phương tỉnh Hòa Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Hòa Bình sử dụng nguồn kinh phí ngân sách địa phương tỉnh Hòa Bình.

Điều 3. Quy định về định mức kinh tế kỹ thuật

Quyết định này quy định các định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông như sau:

1. Định mức kinh tế kỹ thuật lĩnh vực Trồng trọt - Bảo vệ thực vật (Phụ lục I).
2. Định mức kinh tế kỹ thuật lĩnh vực Chăn nuôi - Thú y (Phụ lục II).

3. Định mức kinh tế kỹ thuật lĩnh vực Thủy sản (Phụ lục III).
4. Định mức kinh tế kỹ thuật lĩnh vực Lâm nghiệp (Phụ lục IV).
5. Định mức kinh tế kỹ thuật lĩnh vực Đào tạo, tập huấn (Phụ lục V).
6. Định mức kinh tế kỹ thuật lĩnh vực Thông tin tuyên truyền (Phụ lục VI).

(Chi tiết tại các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này)

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2022.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện Quyết định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như khoản 2, Điều 5;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Chánh VP, Phó CVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTN(Đg).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đinh Công Sứ

MỤC LỤC
ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT KHUYẾN NÔNG
Lĩnh vực: Trồng trọt - Bảo vệ thực vật

1. Cây Lương thực	4
1.1. Mô hình sản xuất lúa thuần	4
1.2. Mô hình sản xuất lúa hữu cơ	6
1.3. Mô hình sản xuất lúa bản địa	8
1.4. Mô hình nhân giống lúa chất lượng	10
1.5. Mô hình nhân giống lúa lai	12
1.6. Ứng dụng phân hữu cơ Nano trong sản xuất lúa	14
2. Cây ngô lai	16
2.1. Mô hình sản xuất ngô sinh khối	16
2.2. Mô hình canh tác ngô trên đất dốc	18
2.3. Mô hình sản xuất ngô thương phẩm	20
3. Mô hình cây có củ	22
3.1. Mô hình sản xuất cây khoai lang	22
3.2. Mô hình sản xuất cây khoai tây	24
3.3. Mô hình sản xuất cây khoai sọ	26
3.4. Mô hình sản xuất sắn bền vững trên đất dốc	28
3.5. Mô hình sản xuất thâm canh sắn an toàn dịch bệnh	30
3.6. Mô hình sản xuất dong riềng	32
4. Mô hình cây đậu đỗ	34
4.1. Mô hình sản xuất đậu xanh	34
4.2. Mô hình sản xuất đậu tương	36
4.3. Mô hình sản xuất lạc	38
4.4. Mô hình nhân giống lạc	40
4.5. Mô hình sản xuất vừng	42
4.6. Mô hình sản xuất đậu đỏ	44
5. Mô hình sản xuất rau ăn lá	46
5.1. Mô hình sản xuất rau ăn lá, TGST 60-75 ngày (cải xanh ăn lá, mùng toi, rau rền...)	46
5.2. Mô hình sản xuất rau ăn lá TGST 90 - 100 ngày (bắp cải, súp lơ, cải thảo...)	49
5.3. Mô hình sản xuất cây rau ăn lá TGST 90 – 100 ngày (su hào, hành lá...)	52
5.4. Mô hình sản xuất rau ăn quả (cà chua, dưa chuột, mướp đắng, đậu quả, bí xanh, đậu tương rau, lạc lầy...)	54
5.5. Mô hình sản xuất rau ăn củ (cà rốt, cải củ...)	57
5.6. Mô hình ứng dụng phân hữu cơ nano trong sản xuất rau	59
5.7. Mô hình ứng dụng giá thể để sản xuất rau, quả	61

5.8 Mô hình sản xuất măng tây Theo hướng hữu cơ	63
5.9. Mô hình sản xuất rau cải cúc an toàn	65
5.10. Mô hình sản xuất rau bò khai	67
5.11. Mô hình sản xuất rau gia vị (rau mùi, húng quế, thì là, tía tô)	69
5.12. Mô hình trồng tỏi tía	71
5.13. Mô hình trồng ớt	73
6. Mô hình sản xuất Nấm	75
6.1. Mô hình sản xuất nấm mỡ	75
6.2. Mô hình sản xuất nấm sò	77
6.3. Mô hình sản xuất nấm rơm	79
6.4. Mô hình sản xuất nấm mộc nhĩ	81
6.5. Mô hình sản xuất nấm hương	83
6.6. Mô hình sản xuất nấm linh chi	85
6.7. Mô hình sản xuất nấm đùi gà và nấm kim châm	87
7. Mô hình cây hoa	89
7.1. Mô hình sản xuất hoa cúc	89
7.2. Mô hình sản xuất hoa hồng	91
7.3. Mô hình sản xuất hoa đồng tiền chậu	93
7.4. Mô hình sản xuất hoa lily chậu	95
7.5. Mô hình sản xuất hoa sen trồng ruộng, đầm, ao	97
7.6. Mô hình sản xuất hoa sen trồng chậu	99
7.7. Mô hình sản xuất hoa lay on	101
7.8. Mô hình sản xuất hoa thực dược	103
7.9. Mô hình sản xuất hoa huệ	105
7.10. Mô hình sản xuất hoa hướng dương	107
8. Mô hình trồng cây công nghiệp ngắn ngày	109
8.1. Mô hình sản xuất cây dâu	109
8.2. Mô hình sản xuất cây mía	111
8.3. Mô hình sản xuất thạch đen	113
9. Cây ăn quả	115
9.1. Mô hình trồng, thâm canh nhãn, vải theo GAP	115
9.2. Mô hình ghép cải tạo nhãn, vải	117
9.3. Mô hình trồng, thâm canh bưởi theo GAP	119
9.4. Mô hình trồng, thâm canh cam, quýt theo GAP	121
9.5. Mô hình trồng, thâm canh thanh long kiểu giàn chữ T theo GAP	123
9.6. Mô hình trồng, thâm canh xoài theo GAP	125
9.7. Mô hình trồng, thâm canh mít theo GAP	127

9.8. Mô hình trồng, thâm canh bơ theo GAP.....	129
9.9. Mô hình trồng, thâm canh vú sữa theo GAP	131
9.10. Mô hình trồng, thâm canh na theo GAP	133
9.11. Mô hình trồng, thâm canh lê giống mới theo GAP	135
9.12. Mô hình trồng, thâm canh dứa Queen	137
9.13. Mô hình trồng, thâm canh dứa Cayen có che phủ nilon.....	139
9.14. Mô hình vườn ươm sản xuất cây giống chanh leo sạch bệnh (cây chanh dây, lạc tiên) sạch bệnh	141
9.15. Mô hình trồng, thâm canh chanh leo (cây chanh dây, lạc tiên) theo GAP.....	143
9.16. Mô hình trồng, thâm canh hồng không hạt theo GAP.....	145
9.17. Mô hình trồng, thâm canh giống nho mới theo GAP	147
9.18. Mô hình trồng, thâm canh chuối theo GAP	149
9.19. Mô hình trồng hồng xiêm	151
9.20. Mô hình trồng dâu tây	153
9.21. Mô hình trồng dưa lê	155
9.22. Mô hình trồng dưa hấu	157
9.23. Mô hình trồng dưa lưới.....	159
9.24. Mô hình trồng đu đủ	161
9.25. Mô hình trồng ổi	163
9.26. Mô hình trồng táo	165
9.27. Mô hình trồng đào	167
9.28. Mô hình trồng mận	169
10. Cây công nghiệp dài ngày	171
10.1. Mô hình trồng chè hữu cơ	171
10.2. Mô hình thâm canh chè theo VietGAP.....	173
10.3. Mô hình thâm canh chè hữu cơ thời kỳ kinh doanh từ năm thứ 4 trở đi.....	175
11. Mô hình khác.....	177
11.1. Mô hình trồng thâm canh cỏ làm thức ăn chăn nuôi	177
11.2. Mô hình chế biến cỏ bằng phương pháp ủ chua.....	179
11.3. Mô hình sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh từ chế phẩm Biotech Japan EM...	181
11.4. Mô hình trồng cây gai xanh.....	183

Phụ lục I
ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT KHUYẾN NÔNG

Lĩnh vực: Trồng trọt - Bảo vệ thực vật

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

1. Cây Lương thực

1.1. Mô hình sản xuất lúa thuần

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	
2	Khâu gieo cấy				
-	Máy sạ hàng				
-	Máy trộn đất				
-	Máy gieo hạt				
-	Máy cấy				
3	Máy phun thuốc BVTV				
4	Máy gạt đập liên hợp				

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống lúa	Kg	35	Từ cấp xác nhận trở lên	
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	90	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	70		
4	Ka li nguyên chất (K ₂ O)	Kg	70		
5	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	2.000		
6	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000		
7	Vật liệu rẻ tiền mau hỏng phục vụ sản xuất			Theo quy trình kỹ thuật	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

1.2. Mô hình sản xuất lúa hữu cơ

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	
2	Khâu gieo cấy				
-	Máy sạ hàng				
-	Máy trộn đất				
-	Máy gieo hạt				
-	Máy cấy				
3	Máy gặt đập liên hợp				

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống lúa	Kg	50	Từ cấp xác nhận trở lên, sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ	
2	Phân hữu cơ sinh học	Kg	1.000	TCCS	
3	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	2.000		
4	Thuốc phòng trừ sâu bệnh, thảo mộc, sinh học	Đồng	600.000		
5	Vật liệu rẻ tiền mau hỏng phục vụ sản xuất			Theo quy trình kỹ thuật	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

1.3. Mô hình sản xuất lúa bản địa

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/mô hình trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	
2	Máy gặt đập liên hợp				

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Kg	40-50	Các chỉ tiêu tương đương cấp XN	
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	80-100	TCCS	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	90	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	90		
5	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	1.200	TCCS	
6	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.000		
7	Vật liệu rẻ tiền mau hỏng phục vụ sản xuất			Theo quy trình kỹ thuật	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

1.4. Mô hình nhân giống lúa chất lượng

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	
2	Máy phun thuốc BVTV				(Động cơ đeo vai)

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống lúa				
-	Sản xuất cấp NC	Kg	30-35	Cấp SNC	
-	Sản xuất xác nhận	Kg	30-35	Cấp NC	
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	90	TCCS	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	70	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
4	Ka li nguyên chất (K ₂ O)	Kg	70		
5	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	2.000		
6	Thuốc BVTV	1.000	1.000		
7	Vật liệu rở tiền mau hỏng phục vụ sản xuất			Theo quy trình kỹ thuật	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

1.5. Mô hình nhân giống lúa lai

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	(Động cơ đeo vai)
2	Máy phun thuốc BVTV				

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hạt giống lúa			TCCS	
-	Hạt giống lúa bố	Kg	8 -10		
-	Hạt giống lúa mẹ	Kg	35 - 40		
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	120	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	93		
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	150		
5	KH ₂ PO ₄	Kg	4,5		
6	GA3				
-	Tổ hợp 3 dòng	Gam	250		
-	Tổ hợp 2 dòng	Gam	200		
7	Thuốc BVTV	1.000đ	5.000		
8	Vật liệu rẽ tiền mau hỏng phục vụ sản xuất			Theo quy trình, kỹ thuật	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

1.6. Ứng dụng phân hữu cơ Nano trong sản xuất lúa

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống lúa	Kg	50	Từ cấp xác nhận trở lên	- Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành; - Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó
2	Phân hữu cơ sinh học			TCCS	
-	Sản xuất vụ thứ nhất	Kg	3.000		
-	Sản xuất lặp lại vụ thứ hai	Kg	2.500		
-	Sản xuất lặp lại vụ thứ ba	Kg	1.200		
3	Phân hữu cơ Nano	Gram	35	TCCS	
4	Thuốc trừ sâu sinh học (Neem Ferno,...)	Lít	4	TCCS	
5	Thuốc trừ bệnh sinh học	1.000đ	700	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Cho 1 vụ
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01 - 02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

2. Cây ngô lai

2.1. Mô hình sản xuất ngô sinh khối

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy gieo hạt			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống ngô lai	Kg	25-28	Hạt lai F1	
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	180	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	100		
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	100		
5	Phân hữu cơ sinh học	Kg	1.200		
6	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

2.2. Mô hình canh tác ngô trên đất dốc

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống ngô lai	Kg	18-20	Hạt lai F1	
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	160	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	80		
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	85		
5	Thuốc BVTV	1.000đ	600		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

2.3. Mô hình sản xuất ngô thương phẩm

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy gieo hạt			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống ngô lai	Kg	18	Hạt lai F1	Ngô đường, ngô ngọt, ngô nếp theo lượng khuyến cáo
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	160	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	80		
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	85		
5	Phân hữu cơ sinh học	Kg	1.000		
6	Thuốc BVTV	1.000đ	600		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biên báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

3. Mô hình cây có củ

3.1. Mô hình sản xuất cây khoai lang

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	
2	Máy lên luống				
3	Máy thu hoạch				

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng		Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
			MH nhân giống	MH sản xuất		
1	Hom giống	Kg	2500	1500	Từ cấp xác nhận trở lên	
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	90	90	TCCS, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	60	60		
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	90	100		
5	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	700	1.000		
6	Vôi bột	Kg	500	500		
7	Thuốc BVTV	1.000đ	700	700	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

3.2. Mô hình sản xuất cây khoai tây

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	
2	Máy lên luống				
3	Máy thu hoạch				

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Kg	1.500		
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	150	TCCS, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	150		
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	180		
5	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	2.000		
6	Vôi bột	Kg	1.000		
7	Thuốc BVTV	1.000đ	3.000	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

3.3. Mô hình sản xuất cây khoai sọ

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Kg	1.400	Từ cấp xác nhận trở lên	
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	150	TCCS, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	100		
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	180		
5	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	2.000		
6	Vôi bột	Kg	1.000		
7	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biên báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

3.4. Mô hình sản xuất sản bền vững trên đất dốc

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống sắn	Hom	12.000	85% diện tích	
	Giống cỏ/cây họ đậu	Kg	1,0-1,5/ 18-20	15% diện tích, phân bón cây trồng xen đối ứng hoàn toàn	
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	120	TCCS, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	55		
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	110		
5	Thuốc BVTV	1.000đ	3.000	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biên báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

3.5. Mô hình sản xuất thâm canh sản an toàn dịch bệnh

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy cày (rạch hàng)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	
2	Máy rạch hàng cầm tay				

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống sản	Hom	12.000-14.000	Giống sạch bệnh, tinh lệ nảy mầm trên 95%	
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	140	TCCS, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	50		
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	180		
5	Thuốc xử lý hom giống	1.000đ	2.000		
6	Thuốc cỏ	1.000đ	2.400		
7	Thuốc BVTV	Kg	04	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biên báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

3.6. Mô hình sản xuất dong riềng

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống*	Kg	2.300	TCCS	
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	230	TCCS, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	108		
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	216		
5	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	3.000	TCCS	
6	Thuốc BVTV	1.000đ	1.500	TCCS	

* Củ giống (*trung đương 33.000 – 33.500 mầm củ giống*); nếu năm tiếp theo triển khai tại địa điểm của năm trước thì không hỗ trợ giống.

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biên báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

4. Mô hình cây đậu đỗ

4.1. Mô hình sản xuất đậu xanh

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	3	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Kg	30	Cấp xác nhận trở lên	
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	46	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	66		
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	72		
5	Vôi bột	Kg	280		
6	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biên báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

4.2. Mô hình sản xuất đậu tương

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Kg	90	TCCS	
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	40	TCCS, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	90		
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	80		
5	Vôi bột	Kg	280		
6	Thuốc BVTV sinh học	1.000đ	2.000	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

4.3. Mô hình sản xuất lạc

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	1 vụ

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống lạc	Kg	220	Cấp Xác nhận trở lên	
2	Nilon che phủ	Kg	100	TCCS	
3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	46	TCCS	
4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	120	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5 , K_2O tương ứng	
5	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	90		
6	Phân hữu cơ sinh học	Kg	1.000	TCCS	
7	Vôi bột	Kg	500	TCCS	
8	Thuốc BTVT	1.000đ	1.000	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

4.4. Mô hình nhân giống lạc

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	1 vụ

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống lạc	Kg	220	QCVN 01-48:2011/BNNPTNT	<ul style="list-style-type: none"> - Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành; - Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức phân bón theo quy trình kỹ thuật của loại phân bón đó
2	Nilon che phủ (tùy vụ)	Kg	100	TCCS	
3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	46	TCCS	
4	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	120	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
5	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	90		
6	Phân hữu cơ sinh học	Kg	1.000	TCCS	
7	Vôi bột	Kg	500	TCCS	
8	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	<ul style="list-style-type: none"> - Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình. 	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biên báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

4.5. Mô hình sản xuất vùng

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	3	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	1 vụ

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Kg	30	TCCS	
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	46	TCCS,	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	80	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	72		
5	Vôi bột	Kg	400	TCCS	
6	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

4.6. Mô hình sản xuất đậu đỗ

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	3	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Kg	50	TCCS	
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	33	TCCS, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	45		
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	60		
5	Phân hữu cơ	Kg	500	TCCS	
6	Vôi bột	Kg	280		
7	Thuốc BVTV	1.000đ	900	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

5. Mô hình sản xuất rau ăn lá

5.1. Mô hình sản xuất rau ăn lá, TGST 60-75 ngày (cải xanh ăn lá, mùng toi, rau rền...)

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	3	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
<i>a</i>	<i>Sản xuất hữu cơ nhóm rau 65 – 75 ngày</i>				
<i>1</i>	<i>Giống</i>				
	Cải xanh ăn lá	Kg	6	TCCS	
	Rau rền	Kg	15		
	Mùng toi	Kg	25		
	Rau muống	Kg	80		
	Xà lách, rau diếp	Kg	0,4		
<i>2</i>	<i>Phân bón (lượng như nhau cho các chủng loại)</i>				
	Phân hữu cơ sinh học	Kg	1500	TCCS	
	Phân bón lá hữu cơ	Lít	3	TCCS	

	Phân bón gốc hữu cơ	Kg	250	TCCS
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	56	Sử dụng phân tự nhiên (Roc phosphate $P_2O_5 \geq 28\%$ hoặc Apatit $P_2O_5 \geq 14\%$)
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	18	Sử dụng Kali sulphate ($K_2O \leq 30\%$)
	Chất điều hòa sinh trưởng	Kg	700	Vôi bột hoặc Dolomit
3	<i>Thuốc bảo vệ thực vật (lượng như nhau cho các chủng loại)</i>			
	Trichoderma	Kg	30	
	Chế phẩm sinh học BVTV	Kg/lít	3	
	Bẫy Feromom	Chiếc	20	
	Xử lý phế phụ phẩm	1000 đ	500	
b	<i>Sản xuất an toàn Theo VietGAP nhóm rau 65 – 75 ngày</i>			
1	Giống			
	Cải xanh ăn lá	Kg	6	TCCS
	Rau rền	Kg	15	
	Mùng toi	Kg	25	
	Rau muống	Kg	80	
	Xà lách, rau diếp	Kg	0,4	
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	35	TCCS, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5 , K_2O tương ứng
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	25	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	45	
5	Phân hữu cơ sinh học	Kg	1.500	TCCS
6	Phân bón lá	1000 đ	500	TCCS
7	Thuốc BVTV	1000 đ	500	TCCS

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

5.2. Mô hình sản xuất rau ăn lá TGST 90 - 100 ngày (bắp cải, súp lơ, cải thảo...)

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
<i>a</i>	<i>Sản xuất hữu cơ</i>				
<i>1</i>	<i>Giống</i>				
-	Bắp cải	Kg	0.3	TCCS	
-	Súp lơ	Kg	0.3		
-	Cải thảo	Kg	0.3		
-	Rau ngọt	Hom	100.000		
<i>2</i>	<i>Phân bón (lượng như nhau cho các chủng loại)</i>				
	Phân hữu cơ sinh học	Kg	2000	TCCS	
	Phân bón lá hữu cơ	Lít	5		
	Phân bón gốc hữu cơ	Kg	550		
	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	84	Sử dụng phân tự nhiên (Roc phosphate P ₂ O ₅ ≥ 28% hoặc Apatit P ₂ O ₅ ≥ 14%)	
	Phân Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	48	Sử dụng Kali sulphate (K ₂ O ≤ 30%)	

	Chất điều hòa sinh trưởng	Kg	700	Vôi bột hoặc Dolomit	
3	<i>Thuốc bảo vệ thực vật (lượng như nhau cho các chủng loại)</i>				
	Trichoderma	Kg	30	TCCS	
	Chế phẩm sinh học BVTV	Kg/lít	8		
	Bẫy Feromom	Chiếc	20		
	Xử lý phế phụ phẩm	1000 đ	2000		
b	<i>Sản xuất an toàn Theo VietGAP</i>				
1	Giống			TCCS	
-	Bấp cải	Kg	0.3		
-	Súp lơ	Kg	0.3		
-	Cải thảo	Kg	0.3		
-	Rau ngót	Hom	100.000		
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	120	TCCS, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	60		
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	20		
5	Phân hữu cơ sinh học	Kg	1.500	TCCS	
6	Phân bón lá	1000 đ	1000	TCCS	
7	Thuốc BVTV	1000 đ	1000	TCCS	

B. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

5.3. Mô hình sản xuất cây rau ăn lá TGST 90 – 100 ngày (su hào, hành lá...)

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
<i>a</i>	<i>Sản xuất hữu cơ</i>				
<i>1</i>	<i>Giống</i>				
	Su hào	Kg	0.7	TCCS	
	Hành lá	Kg	6		
<i>2</i>	<i>Phân bón (lượng như nhau cho các chủng loại)</i>				
	Phân hữu cơ sinh học	Kg	1500	TCCS	
	Phân bón lá hữu cơ	Lít	3		
	Phân bón gốc hữu cơ	Kg	250		
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	56	Sử dụng phân tự nhiên (Roc phosphate $P_2O_5 \geq 28\%$ hoặc Apatit $P_2O_5 \geq 14\%$)	
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	75	Sử dụng Kali sulphate ($K_2O \leq 30\%$)	
	Chất điều hòa sinh trưởng	Kg	300	Vôi bột hoặc Dolomit	
<i>3</i>	<i>Thuốc bảo vệ thực vật (lượng như nhau cho các chủng loại)</i>				
	Trichoderma	Kg	30	TCCS	
	Chế phẩm sinh học BVTV	Kg/lít	5	TCCS	
	Bẫy Feromom	Chiếc	20	TCCS	
	Xử lý phế phụ phẩm	1000đ	500	TCCS	

<i>b</i>	<i>Sản xuất an toàn theo VietGAP</i>				
1	Giống				
-	Su hào	Kg	0.7	TCCS	
-	Hành lá	Kg	6		
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	100	TCCS, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	60		
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	90		
5	Phân hữu cơ sinh học	Kg	1.500	TCCS	
6	Phân bón lá	1000 đ	1.000	TCCS	
7	Thuốc BVTV	1000 đ	1.000	TCCS	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

5.4. Mô hình sản xuất rau ăn quả (cà chua, dưa chuột, mướp đắng, đậu quả, bí xanh, đậu tương rau, lặc lây...)

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điển trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
<i>a</i>	<i>Sản xuất hữu cơ rau ăn quả (cà chua, dưa chuột, mướp đắng, đậu quả, bí xanh, đậu tương rau, lặc lây...)</i>				
<i>1</i>	<i>Giống</i>				
-	Cà chua	Kg	0,25	TCCS	
-	Dưa chuột	Kg	0,7		
-	Bí xanh	Kg	1		
-	Đậu quả	Kg	45		
-	Đậu tương rau	Kg	80		
-	Mướp đắng: Hạt hoặc cây giống	Kg Cây	2,5 10.000		
-	Mướp hương, bí đỏ	Kg	0,7		
-	Susu	Cây	1200		
-	Cà pháo, cà tím: Hạt hoặc cây giống	Kg Cây	0,35 30.000		
-	Lặc lây: Hạt	Kg	2,8		
<i>2</i>	<i>Phân bón (lượng như nhau cho các chủng loại)</i>				
-	Phân hữu cơ sinh học	Kg	2000	TCCS	
-	Phân bón lá hữu cơ	Lít	5	TCCS	
-	Phân bón gốc hữu cơ	Kg	400	TCCS	
-	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	78	Sử dụng phân tự nhiên	

				(Roc phosphate $P_2O_5 \geq 28\%$ hoặc Apatit $P_2O_5 \geq 14\%$)
-	Phân Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120	Sử dụng Kali sulphate ($K_2O \leq 30\%$)
-	Chất điều hòa sinh trưởng	Kg	700	Vôi bột hoặc Dolomit
3	<i>Thuốc bảo vệ thực vật (lượng như nhau cho các chủng loại)</i>			
-	Trichoderma	Kg	30	
-	Chế phẩm sinh học BVTV	Kg/lít	8	
-	Bẫy Feromom	Chiếc	30	
-	Xử lý phế phụ phẩm	1000 đ	2000	
b	<i>Sản xuất VietGAP rau ăn quả (cà chua, dưa chuột, mướp đắng, đậu quả, bí xanh, đậu tương rau...)</i>			
1	Giống			
-	Cà chua	Kg	0,25	TCCS
-	Dưa chuột	Kg	0,7	
-	Bí xanh	Kg	1	
-	Đậu quả	Kg	45	
-	Đậu tương rau	Kg	80	
-	Mướp đắng: Hạt hoặc cây giống	Kg Cây	2,5 10.000	
-	Mướp hương, bí đỏ	Kg	0,7	
-	Susu	Cây	1200	
-	Cà pháo, cà tím: Hạt hoặc cây giống	Kg Cây	0,35 30.000	
-	Lạc lầy: Hạt	Kg	2,8	
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	120	TCCS, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5 , K_2O tương ứng
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	90	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120	
5	Phân hữu cơ sinh học	Kg	2000	TCCS
6	Phân bón lá	1000 đ	1000	TCCS
7	Thuốc BVTV	1000 đ	1000	TCCS
8	Vật liệu rẻ tiền mau hỏng phục vụ sản xuất			<i>Theo quy trình kỹ thuật</i>

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biên báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

5.5. Mô hình sản xuất rau ăn củ (cà rốt, cải củ...)

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống				
	Cà rốt	Kg	3	TCCS	
	Cải củ	Kg	3	TCCS	
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	120	TCCS,	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	90	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	120		
5	Phân hữu cơ sinh học	Kg	2.000	TCCS	
6	Phân bón lá	1.000đ	1.000	TCCS	
7	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biên báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

5.6. Mô hình ứng dụng phân hữu cơ nano trong sản xuất rau

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
a	Mô hình cải bắp, súp lơ				Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó
1	Giống:			TCCS	
-	Hạt giống	Kg	0,4		
-	Hoặc Cây giống	Cây	33.000		
2	Phân hữu cơ sinh học			TCCS	
-	Sản xuất vụ thứ nhất	Kg	3.000		
-	Sản xuất lặp lại vụ thứ 2	Kg	2.000		
-	Sản xuất lặp lại vụ thứ 3	Kg	1.000		
3	Phân hữu cơ Nano	Gram	25	TCCS	
4	Thuốc trừ sâu sinh học (Neem ferno,...)	Lít	4	TCCS	
5	Thuốc trừ bệnh sinh học	1.000đ	500	TCCS	
b	Mô hình cải ăn lá các loại				
1	Hạt giống	Kg	6	TCCS	
2	Phân hữu cơ sinh học			TCCS	
-	Sản xuất vụ thứ nhất	Kg	1.500		
-	Sản xuất lặp lại vụ thứ 2	Kg	1.000		
-	Sản xuất lặp lại vụ thứ 3	Kg	500		
3	Phân hữu cơ Nano	Gram	25	TCCS	
4	Thuốc trừ sâu sinh học (Neem ferno,...)	Lít	3	TCCS	
5	Thuốc trừ bệnh sinh học	1.000đ	500	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

5.7. Mô hình ứng dụng giá thể để sản xuất rau, quả

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
a	Mô hình dưa thơm				
1	Giá thể:				
-	Xơ dừa	Tấn	40		
-	Hỗn hợp đất	M ²	33		
2	Hạt giống	Hạt	22.000-23.000	Hạt lai F1	- N, P ₂ O ₅ , K ₂ O nguyên chất trong phân tổng hợp có thể chứa SW, ME,..
3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	135	TCCS, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
4	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	125		
5	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	135		
6	MgSO ₄	Kg	300		
7	Ca(NO ₃) ₂	Kg	50		
8	Thuốc BVTV sinh học	1.000đ	1.000	TCCS	
9	Vật liệu rẻ tiền mau hỏng phục vụ sản xuất			Theo quy trình kỹ thuật	
b	Mô hình dưa chuột				
1	Giá thể:				
-	Xơ dừa	Tấn	30		
-	Hỗn hợp đất	M ²	100		
2	Hạt giống	Hạt	22.000-23.000	Hạt lai F1	TCCS, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng
3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	135		
4	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	125		
5	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	135		
6	MgSO ₄	Kg	100		
7	Ca(NO ₃) ₂	Kg	50		
8	Thuốc BVTV sinh học	1.000đ	1.000	TCCS	

<i>c</i>	<i>Mô hình cà chua</i>				
1	Giá thể:				
-	Xơ dừa	Tấn	35		
-	Hỗn hợp đất	m ³	66		
2	Hạt giống	Hạt	22.000- 23.000	TCCS	
3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	190	TCCS, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
4	Lân nguyên chất(P ₂ O ₅)	Kg	190		
5	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	190		
6	MgSO ₄	Kg	400		
7	Ca(NO ₃) ₂	Kg	50		
8	Thuốc BVTV sinh học	1.000đ	1.000	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			-Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

5.8 Mô hình sản xuất măng tây Theo hướng hữu cơ

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Máy lên luống				

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

Thời kỳ	TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Năm thứ nhất	1	Hạt giống	Hạt	18.500	TCCS	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó
	-	Hạt giống trồng dặm	Hạt	3.500	TCCS	
	2	Vật tư làm giàn				
	-	Cọc	Cây	1.200	Cao 1,5 m	
	-	Sợi dây cước PE	Kg	160		
	-	Dây buộc (cước PE)	Kg	30		
	3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	345	TCCS, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
	4	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	288		
	5	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	300		
	6	Phân hữu cơ sinh học	Kg	4.000	TCCS	
7	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	1.500	TCCS		
8	Chế phẩm BVTV sinh học	Kg	10	TCCS		
Năm thứ hai	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	345	TCCS, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
	2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	288		
	3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	325		
	4	Phân hữu cơ sinh học	Kg	2.000	TCCS	
	5	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	750	TCCS	
	6	Chế phẩm BVTV sinh học	Kg	10	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

5.9. Mô hình sản xuất rau cải cúc an toàn

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	2	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/diểm điều tra

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hạt giống	Kg	30	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	50		
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	70		
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	50		
5	Phân hữu cơ sinh học	Kg	2.000		
6	Phân bón lá	1.000đ	500		
7	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

5.10. Mô hình sản xuất rau bò khai

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	2	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm điều tra

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống			TCCS	
-	Trồng mới	Cây	2.000		
-	Trồng dặm	Cây	200		
2	<i>Chăm sóc năm 1:</i>				
-	Đạm nguyên chất (N)	Kg	92	TCCS,	
-	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	85	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
-	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	107		
-	Phân hữu cơ	Kg	1.000	TCCS	
-	Thuốc BVTV	1.000đ	1.100	TCCS	
-	Nấm đối kháng	Kg	3		
3	<i>Chăm sóc năm 2:</i>				
-	Đạm nguyên chất (N)	Kg	115	TCCS,	
-	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	85	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
-	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	150		

-	Phân hữu cơ	Kg	1.000	TCCS	
-	Thuốc BVTV	1.000đ	1.100	TCCS	
-	Nấm đối kháng	Kg	3		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biên báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

5.11. Mô hình sản xuất rau gia vị (rau mùi, húng quế, thì là, tía tô)

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống			TCCS	
-	Rau mùi	Kg	12		
-	Rau húng quế	Kg	0,8		
-	Rau thì là	Kg	15		
-	Tía tô	Kg	0,5		
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	40		
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	93		
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	71	TCCS, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
5	Phân hữu cơ	Kg	500	TCCS	
6	Thuốc BVTV	1.000đ	1.100	TCCS	
7	Nấm đối kháng	Kg	2,5		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

5.12. Mô hình trồng tỏi tía

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Củ giống	Kg	1000		
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	160	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	82		
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	270		
5	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	3.000	TCCS	
6	Vôi bột	Kg	700	TCCS	
7	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

5.13. Mô hình trồng ớt

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống				
-	Hạt giống	Gam	400		
-	Cây giống	Cây	19.000		
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	138	TCCS	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	48	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	240		
5	Phân hữu cơ	Kg	2.500	TCCS	
6	Vôi bột	Kg	500	TCCS	
7	Thuốc BVTV	1.000đ	1.100		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

6. Mô hình sản xuất Nấm.

6.1. Mô hình sản xuất nấm mỡ

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 01 tấn nguyên liệu thô

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Kg	15		
2	Nguyên liệu	Kg	1.000		
3	Đạm SA (Sulfatamon)	Kg	20	TCCS	
	Đạm Urê	Kg	5	TCCS	
4	Supe lân	Kg	30	TCCS	
5	Bột nhẹ	Kg	30		
6	Vật liệu rẻ tiền mau hỏng phục vụ sản xuất			Theo quy trình kỹ thuật	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	02	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biên báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

6.2. Mô hình sản xuất nấm sò

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Kg	45		
2	Nguyên liệu	Kg	1.000		
3	Túi PE (30 x 45)	Kg	6		
4	Nút, Bông, chun...	Kg	12		
5	Giàn giá, dụng cụ	1.000đ	2.000		

D. Định mức triển khai

Định mức cho 01 tấn nguyên liệu thô

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	02	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biên báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

6.3. Mô hình sản xuất nấm rơm

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 01 tấn nguyên liệu thô

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Kg	15		
2	Nguyên liệu	Kg	1.000		
3	Giàn giá, dụng cụ	1.000đ	1.000		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

6.4. Mô hình sản xuất nấm mộc nhĩ

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 01tán nguyên liệu thô

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Que	1.800		
2	Nguyên liệu	Kg	1.000		
3	Cám và phụ gia				
-	Cám gạo	Kg	50	5%	
-	Bột nhẹ (CaCO ₃)	Kg	10	1%	
-	MgSO ₄	Kg	1,0	1,5‰	
-	KH ₂ PO ₄	Kg	0,5	0,5 ‰	
4	Túi PE (19 x 38)	Kg	10		
5	Nút, Bông, chun...	Kg	12		
6	Giàn giá, dụng cụ	1.000đ	1.500		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	02	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biên báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

6.5. Mô hình sản xuất nấm hương

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 01tấn nguyên liệu thô

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Chai	60		
2	Nguyên liệu	Kg	1.000		
3	Cám và phụ gia				
-	Cám gạo	Kg	70	7%	
-	Bột nhẹ (CaCO ₃)	Kg	20	2%	
4	Túi PE (25 x 35)	Kg	10		
5	Nút, Bông, chun...	Kg	12		
6	Giàn giá, dụng cụ	1.000đ	2.000		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	02	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

6.6. Mô hình sản xuất nấm linh chi

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 01tân nguyên liệu thô

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Chai	60		
2	Nguyên liệu	Kg	1.000		
3	Cám và phụ gia				
-	Cám gạo	Kg	50	5%	
-	Cám ngô	Kg	70	7%	
-	Bột nhẹ (CaCO ₃)	Kg	10	1%	
-	Đường ăn	Kg	50	5 %	
4	Túi PE (25 x 35)	Kg	10		
5	Nút, Bông, chun...	Kg	12		
6	Giàn giá, dụng cụ	1.000đ	2.000		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	02	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

6.7. Mô hình sản xuất nấm đùi gà và nấm kim châm

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 01 tấn nguyên liệu thô

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Chai	60		
2	Nguyên liệu	Kg	1.000		
3	Túi PE (25 x 35)	Kg	10		
4	Nút, Bông, chun...	Kg	12		
5	Cám và phụ gia				
-	Cám gạo	Kg	200	20%	
-	Cám ngô	Kg	50	5%	
-	Bột đậu tương	Kg	20	2%	
-	Bột nhẹ (CaCO ₃)	Kg	10	1%	
-	Đường ăn	Kg	5,0	0.5%	
6	Giàn giá, dụng cụ	1.000đ	2.000		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	02	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

7. Mô hình cây hoa

7.1. Mô hình sản xuất hoa cúc

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống cúc	Cây	400.000		
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	140	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	175		
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	150		
5	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000		
6	Phân bón lá	1.000đ	3.000		
7	Thuốc BVTV	1.000đ	3.000	TCCS	
8	Vôi bột	Kg	800		
9	Vật liệu rẻ tiền mau hỏng phục vụ sản xuất			Theo quy trình kỹ thuật	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
-	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

7.2. Mô hình sản xuất hoa hồng

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Cây	50.000		
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	460	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	400		
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	480		
5	Phân hữu cơ sinh học	Kg	5.000		
6	Phân bón lá + Kích thích sinh trưởng	1.000đ	5.000	TCCS	
7	Thuốc BVTV	1.000đ	5.000	TCCS	
8	Vật liệu rẻ tiền mau hỏng phục vụ sản xuất			Theo quy trình kỹ thuật	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
-	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

7.3. Mô hình sản xuất hoa đồng tiền chậu

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống (01 chậu trồng 01 cây)	Cây	80.000		
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	500	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	500		
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	375		
5	Phân bón lá + Kích thích sinh trưởng	1.000đ	5.000	TCCS	
6	Thuốc BVTV	1.000đ	3.000	TCCS	
7	Chậu trồng cây (Đường kính x chiều cao); (20 x 22) cm	Cái	80.000		
8	Giá thể (Phân chuồng hoai mục + đất + xơ dừa/mùn cưa)	Kg	65.000	Tương đương 500m ³	
9	Lưới đen che nắng 60%	M ²	10.000		
10	Màng che nilon (Diện tích x 1,3)	M ²	13.000		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
-	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

7.4. Mô hình sản xuất hoa lily chậu

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống (01 chậu trồng 3 cây)	Cây	150.000		
	Giống (01 chậu trồng 5 cây)	Cây	150.000		
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	500	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	500		
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	375		
5	Phân bón lá + Kích thích sinh trưởng	1.000đ	15.000	TCCS	
6	Thuốc BVTV	1.000đ	7.500	TCCS	
7	Chậu trồng 3 cây (Đường kính x chiều cao); (22 x 25) cm	Cái	50.000		
8	Chậu trồng 5 cây (Đường kính x chiều cao); (32 x 30) cm	Cái	30.000		
9	Giá thể (Phân chuồng hoai mục + đất + xơ dừa/mùn cưa)	Kg	50.000	Tương đương 315m ³	
10	Lưới đen che nắng 60%	M ²	10.000		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
-	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

7.5. Mô hình sản xuất hoa sen trồng ruộng, đầm, ao

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Củ/thân	2.000		
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	70	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	24		
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	60		
5	Vôi bột	Kg	150		
6	Phân hữu cơ sinh học	Kg	1.500		
7	Thuốc BVTV	1.000đ	3.000	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

7.6. Mô hình sản xuất hoa sen trồng chậu

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Củ/thân	1.000		
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	30	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	30		
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	20		
5	Phân hữu cơ sinh học	Kg	150		
6	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000	TCCS	
7	Chậu trồng	Cái	1.000		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
-	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

7.7. Mô hình sản xuất hoa lay ơn

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Củ	120.000		
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	115	TCCS	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	64	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	180		
5	Vôi bột	Kg	500		
6	Phân hữu cơ	Kg	1.500	TCCS	
7	Thuốc BVTV	1.000đ	900	TCCS	
8	Vật liệu rẻ tiền mau hỏng phục vụ sản xuất			Theo quy trình kỹ thuật	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.
-	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

7.8. Mô hình sản xuất hoa thực dược

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Cây	50.000		
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	30	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	80		
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	70		
5	Phân hữu cơ	Kg	1.000		
6	Vôi bột	Kg	300		
7	Thuốc BVTV	1.000đ	900	TCCS	
8	Vật liệu rẻ tiền mau hỏng phục vụ sản xuất			Theo quy trình kỹ thuật	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

7.9. Mô hình sản xuất hoa huệ

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Củ	250.000		
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	207	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	200		
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	90		
5	Phân hữu cơ	Kg	1.500		
6	Vôi bột	Kg	500		
7	Thuốc BVTV	1.000đ	900	TCCS	
8	Vật liệu rè tiền mau hồng phục vụ sản xuất			Theo quy trình kỹ thuật	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.
-	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

7.10. Mô hình sản xuất hoa hướng dương

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Kg	6		
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	60	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	45		
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	50		
5	Phân hữu cơ	Kg	1.500		
6	Vôi bột	Kg	500		
7	Thuốc BVTV	1.000đ	900	TCCS	
8	Vật liệu rẻ tiền mau hỏng phục vụ sản xuất			Theo quy trình kỹ thuật	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

8. Mô hình trồng cây công nghiệp ngắn ngày

8.1. Mô hình sản xuất cây dâu

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

Thời kỳ	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
Năm thứ nhất (trồng mới)	1	Giống dâu trồng mới	Cây	40.000		
	2	Giống dâu trồng dặm	Cây	2.000		
	3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	140	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
	4	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	100		
	5	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	150		
	6	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	1.000		
	7	Vôi bột	Kg	1.000		
Năm thứ hai (KTCB)	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	230	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
	2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	130		
	3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	180		
	4	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	1.500		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
-	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

8.2. Mô hình sản xuất cây mía

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy cày (rạch hàng)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	
2	Máy rạch hàng cầm tay				

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống (trồng mới + trồng dặm tương đương 40.000 hom)	Kg	10.000	TCCS	
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	300	TCCS	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	150	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	260		
5	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	2.000	TCCS	
6	Vôi bột	Kg	500		
7	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
-	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

8.3. Mô hình sản xuất thạch đen

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Cây	1.500	Hom giống đạt tiêu chuẩn	
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	35	TCCS	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	30	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	60		
5	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	3.500		
6	Thuốc BVTV	1.000đ	500	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
-	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

9. Cây ăn quả

9.1. Mô hình trồng, thâm canh nhãn, vải theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

Thời kỳ	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú		
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm 2)	1	Giống trồng mới	Cây	400	Cây giống ghép, mầm ghép ≥ 30 cm	Giống hỗ trợ năm thứ nhất	
	2	Giống trồng dặm	Cây	20			
	3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	70	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	Lượng vật tư sử dụng cho từng năm	
	4	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	65			
	5	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	90			
	6	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000	TCCS		
	7	Vôi bột	Kg	400			
	8	Thuốc BVTV	1.000đ	1.500	TCCS		
Năm thứ 3	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	92	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng		Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại
	2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	65			
	3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	120			
	4	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000	TCCS		
	5	Thuốc BVTV	1.000đ	1.500	TCCS		
Thời	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	140	TCCS		

kỳ kinh doanh (năm thứ 4 trở đi)	2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	100	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	phân bón đó
	3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	210		
	4	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000	TCCS	
	5	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000	TCCS	

D. Định mức triển khai

T	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

9.2. Mô hình ghép cải tạo nhãn, vải

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

Thời kỳ	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú		
Năm thứ nhất + năm 2	1	Mắt ghép	Mắt	6.000	Mắt ghép là đoạn cành	Mắt ghép, dây ghép hỗ trợ năm thứ nhất	
	2	Dây ghép	Cuộn	4			
	3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	70	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó	
	4	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	48			
	5	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	60			
	6	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000	TCCS		
	7	Thuốc BVTV	1.000đ	1.500	TCCS		
Năm thứ 3	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	92	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng		
	2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	72			
	3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	90			
	4	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000	TCCS		
	5	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000	TCCS		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
-	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

9.3. Mô hình trồng, thâm canh bưởi theo GAP

A A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

Thời kỳ	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú		
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm 2)	1	Giống trồng mới	Cây	400	Cây giống ghép, mầm ghép ≥ 30 cm	Giống hỗ trợ năm thứ nhất	
	2	Giống trồng dặm	Cây	20			
	3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	90	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	Lượng vật tư sử dụng cho từng năm	
	4	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	70			
	5	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	120			
	6	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000	TCCS		
	7	Vôi bột	Kg	400			
	8	Thuốc BVTV	1.000đ	1.500	TCCS		
Năm thứ 3	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	190	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng		Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy
	2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	100			
	3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	180			
	4	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000	TCCS		
	5	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000	TCCS		

Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 4 trở đi)	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	190	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	trình của loại phân bón đó. (đậu tương, khô dầu chỉ dùng cho mô hình bưởi Diễn, Đoàn hùng)
	2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	100		
	3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	300		
	4	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000	TCCS	
	5	Đậu tương hoặc khô dầu	Kg	1.200		
	6	Túi bao trái	Túi	20.000		
	7	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
-	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

9.4. Mô hình trồng, thâm canh cam, quýt theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

Thời kỳ	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú		
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm 2)	1	Giống trồng mới	Cây	625	Cây giống ghép, mầm ghép $\geq 30\text{cm}$	Giống hỗ trợ năm thứ nhất	
	2	Giống trồng dặm	Cây	30			
	3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	100	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	Lượng vật tư sử dụng cho từng năm	
	4	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	100			
	5	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	120			
	6	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000	TCCS		
	7	Vôi bột	Kg	625			
	8	Thuốc BVTV	1.000đ	1.500	TCCS		
Năm thứ 3	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	120	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng		Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy
	2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	100			
	3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	150			
	4	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000	TCCS		
	5	Thuốc BVTV	1.000đ	1.500	TCCS		
Thời	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	140	Có thể sử dụng		

kỳ kinh doanh (năm thứ 4 trở đi)	2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	120	phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	trình của loại phân bón đó
	3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	180		
	4	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000	TCCS	
	5	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000	TCCS	

D. Định mức triển khai

T	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

9.5. Mô hình trồng, thâm canh thanh long kiểu giàn chữ T theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

Thời kỳ	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất)	1	Giống trồng mới	hom	5.555		Giống, trụ bê tông hỗ trợ năm thứ nhất
	2	Trụ xi măng	Trụ	1.200		
	3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	220	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
	4	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	300		
	5	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	150		
	6	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000	TCCS	
	7	Vôi bột	Kg	550		
	8	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000	TCCS	
Năm thứ 2	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	440	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân
	2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	440		
	3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	300		
	4	Phân hữu cơ sinh học	Kg	6.000	TCCS	
	5	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000	TCCS	
Thời	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	660	Có thể sử dụng	

kỳ kinh doanh (năm thứ 3 trở đi)	2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	660	phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	bón đó
	3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	450		
	4	Phân hữu cơ sinh học	Kg	9.000	TCCS	
	5	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000	TCCS	
	6	Vật rẻ tiền mau hỏng			Theo quy trình kỹ thuật	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
-	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

9.6. Mô hình trồng, thâm canh xoài theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

Thời kỳ		Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm 2)	1	Giống trồng mới	Cây	400	Cây giống ghép, mầm ghép ≥ 30 cm	Giống hỗ trợ năm thứ nhất	
	2	Giống trồng dặm	Cây	20			
	3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	90	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	Lượng vật tư sử dụng cho từng năm	
	4	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	65			
	5	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	90			
	6	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000	TCCS		
	7	Vôi bột	Kg	400			
	8	Thuốc BVTV	1.000đ	1.500	TCCS		
Năm thứ 3	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	120	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng		Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại
	2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	80			
	3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	240			
	4	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000	TCCS		
	5	Thuốc BVTV	1.000đ	1.500	TCCS		
Thời	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	250	Có thể sử dụng		

kỳ kinh doanh (năm thứ 4 trở đi)	2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	100	phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	phân bón đó
	3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	200		
	4	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000	TCCS	
	5	Túi bao trái	Cái	70.000	TCCS	
	6	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
-	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

9.7. Mô hình trồng, thâm canh mít theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

Thời kỳ	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú		
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm 2)	1	Giống trồng mới	Cây	400	Cây giống ghép, mầm ghép ≥ 30 cm	Giống hỗ trợ năm thứ nhất	
	2	Cây trồng dặm	Cây	20			
	3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	200	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	Lượng vật tư sử dụng cho từng năm	
	4	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	100			
	5	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	100			
	6	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000	TCCS		
	7	Vôi bột	Kg	400			
	8	Thuốc BVTV	1.000đ	1.500	TCCS		
Năm thứ 3	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	240			Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại
	2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	240			
	3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	240			
	4	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000	TCCS		
	5	Thuốc BVTV	1.000đ	1.500	TCCS		
Thời	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	280	Có thể sử dụng		

kỳ kinh doanh (năm thứ 4 trở đi)	2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	280	phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	phân bón đó
	3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	280		
	4	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000	TCCS	
	5	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
-	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

9.8. Mô hình trồng, thâm canh bơ theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

Thời kỳ		Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (Năm thứ nhất + năm 2)	1	Giống trồng mới	Cây	200	Cây giống ghép, mầm ghép ≥ 30 cm	Giống hỗ trợ năm thứ nhất	
	2	Cây trồng dặm	Cây	10			
	3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	50	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó	
	4	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	35			
	5	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	40			
	6	Phân hữu cơ sinh học	Kg	2.000	TCCS		
	7	Vôi bột	Kg	200			
	8	Thuốc BVTV	1.000đ	1.500	TCCS		
Năm thứ 3 trở đi	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	90	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng		
	2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	70			
	3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	120			
	4	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000	TCCS		
	5	Thuốc BVTV	1.000đ	2.500	TCCS		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
-	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

9.9. Mô hình trồng, thâm canh vú sữa theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

Thời kỳ	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú		
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm 2)	1	Giống trồng mới	Cây	100	Cây giống ghép, mầm ghép ≥ 30 cm	Giống hỗ trợ năm thứ nhất	
	2	Cây trồng dặm	Cây	5			
	3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	90	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng		
	4	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	80			
	5	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	90			
	6	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000	TCCS		
	7	Vôi bột	Kg	200			
	8	Thuốc BVTV	1.000đ	1.500	TCCS		
Năm thứ 3	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	140	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng		Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón
	2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	120			
	3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	180			
	4	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000	TCCS		
	5	Thuốc BVTV	1.000đ	1.500	TCCS		

Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 4 trở đi)	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	190	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	theo quy trình của loại phân bón đó
	2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	150		
	3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	240		
	4	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000	TCCS	
	5	Túi bao trái	Túi	50.000		
	6	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
-	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

9.10. Mô hình trồng, thâm canh na theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

Thời kỳ	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú		
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất)	1	Giống trồng mới	Cây	1.100	Cây giống ghép, mầm ghép $\geq 30\text{cm}$	Giống hỗ trợ năm thứ nhất	
	2	Cây trồng dặm	Cây	50			
	3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	230	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	Lượng vật tư sử dụng cho từng năm	
	4	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	160			
	5	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	120			
	6	Phân hữu cơ sinh học	Kg	2.000	TCCS		
	7	Vôi bột	Kg	1.000			
	8	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000	TCCS		
Năm thứ 2 + năm thứ 3	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	230	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng		Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại
	2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	160			
	3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	180			
	4	Phân hữu cơ sinh học	Kg	2.000	TCCS		
	5	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000	TCCS		
Thời	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	300	Có thể sử dụng		

kỳ kinh doanh (năm thứ 4 trở đi)	2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	240	phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	phân bón đó
	3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	360		
	4	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000	TCCS	
	5	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
-	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

9.11. Mô hình trồng, thâm canh lê giống mới theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

Thời kỳ	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú		
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm 2)	1	Giống trồng mới	Cây	400	Cây giống ghép, mầm ghép $\geq 30\text{cm}$	Giống hỗ trợ năm thứ nhất	
	2	Cây trồng dặm	Cây	20			
	3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	85	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	Lượng vật tư sử dụng cho từng năm	
	4	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	80			
	5	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	90			
	6	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000	TCCS		
	7	Vôi bột	Kg	200			
	8	Thuốc BVTV	1.000đ	1.500	TCCS		
Năm thứ 3	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	90	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng		Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại
	2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	80			
	3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	120			
	4	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000	TCCS		
	5	Thuốc BVTV	1.000đ	1.500	TCCS		
Thời	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	120			

kỳ kinh doanh (năm thứ 4 trở đi)	2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	90		phân bón đó
	3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	180		
	4	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000	TCCS	
	5	Túi bao trái	Túi	50.000		
	6	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

9.12. Mô hình trồng, thâm canh dưa Queen

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	
2	Máy lên luống				
3	Hệ thống tưới nhỏ giọt kết hợp bón phân				

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

Thời kỳ	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú		
Năm thứ nhất	1	Chòi giống trồng mới	Chòi	60.000	Chòi loại 1 250 – 300g/chòi	Giống hỗ trợ năm thứ nhất	
	2	Chòi giống trồng dặm	Chòi	3.000			
	3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	460	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	- Lượng phân sử dụng cho từng năm - Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó	
	4	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	320			
	5	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	840			
	6	Phân hữu cơ sinh học	Kg	5.000	TCCS		
	7	Vôi bột	Kg	1.000			
	8	Thuốc BVTV	1.000đ	3.000	TCCS		
Năm thứ 2	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	90	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng		
	2	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	180			
	3	Điều hòa bảo	Lít	5			
	4	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000	TCCS		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
-	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

9.13. Mô hình trồng, thâm canh dưa Cayen có che phủ nilon

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	
2	Máy lên luống				
3	Hệ thống tưới nhỏ giọt kết hợp bón phân				

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

Thời kỳ	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
Năm thứ nhất	1	Chòi giống trồng mới	Chòi	50.000	Chòi loại 1 250 – 300g/chòi	Giống hỗ trợ năm thứ nhất
	2	Chòi giống trồng dặm	Chòi	1.000		
	3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	550	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	- Lượng phân sử dụng cho từng năm - Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó
	4	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	256		
	5	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	1.080		
	6	Phân hữu cơ sinh học	Kg	5.000	TCCS	
	7	Vôi bột	Kg	1.000		
	8	Nilon	Kg	160		
	9	Thuốc BVTV	1.000đ	3.000	TCCS	
Năm thứ 2	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	550	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
	2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	256		
	3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	1.080		
	4	Điều hoa bảo	Lít	5		
	5	Thuốc BVTV	1.000đ	3.000	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
-	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

9.14. Mô hình vườn ươm sản xuất cây giống chanh leo sạch bệnh (cây chanh dây, lạc tiên) sạch bệnh

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới phun			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hạt giống chanh leo	Kg	4,5	Hạt chanh leo hoa vàng	Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó
2	Giá thể TS2	Kg	31.500		
3	Khay ươm 104	Chiếc	900		
4	Khay 15 lỗ	Chiếc	6.030		
5	Đạm nguyên chất (N)	Kg	25	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
6	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	24		
7	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	24		
8	Túi bầu	Kg	300	10 x 15cm	
9	Phân bón lá	Lít	45		
10	Mắt ghép	Mắt	300.000	Sạch bệnh	
11	Giấy ghép	Cuộn	36		
12	Thuốc BVTV	1.000đ	5.000	TCCS	
13	Test bệnh trước khi xuất vườn	Lần/ha	3		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

9.15. Mô hình trồng, thâm canh chanh leo (cây chanh dây, lạc tiên) theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới nhỏ giọt kết hợp bón phân			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

Thời kỳ	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú		
Năm thứ nhất	1	Giống trồng mới	Cây	1.300	Cây giống ghép, mầm ghép ≥ 30 cm	Giống, cột bê tông hỗ trợ năm thứ nhất	
	2	Giống trồng dặm	Cây	60			
	3	Cột bê tông	Cột	500			
	4	Đạm nguyên chất (N)	Kg	70	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	Lượng phân sử dụng cho từng năm, Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó	
	5	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	160			
	6	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	360			
	7	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	3.000	TCCS		
	8	Chế phẩm sinh học	Kg	60			
	9	Vôi bột	Kg	1.000			
	10	Thuốc BVTV	1.000đ	3.000	TCCS		
Năm thứ 2	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	185	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng		
	2	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	660			
	3	Chế phẩm sinh học	Kg	80			
	4	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000	TCCS		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
-	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

9.16. Mô hình trồng, thâm canh hồng không hạt theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

Thời kỳ		Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm 2)	1	Giống trồng mới	Cây	600	Cây giống ghép, mầm ghép $\geq 30\text{cm}$	Giống hỗ trợ năm thứ nhất	
	2	Cây trồng dặm	Cây	30			
	3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	92	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5 , K_2O tương ứng	Lượng vật tư sử dụng cho từng năm	
	4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	96			
	5	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120			
	6	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000	TCCS		
	7	Vôi bột	Kg	600			
	8	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000	TCCS		
Năm thứ 3	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	125	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5 , K_2O tương ứng		Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	138			
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	150			
	4	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000	TCCS		
	5	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000	TCCS		
Thời	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	138	Có thể sử dụng		

kỳ kinh doanh (năm thứ 4 trở đi)	2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	160	phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	phân bón đó
	3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	300		
	4	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000	TCCS	
	5	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
-	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biên báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

9.17. Mô hình trồng, thâm canh giống nho mới theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

Thời kỳ	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú		
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất+ năm 2)	1	Giống trồng mới	Cây	2.000	Cây giống ghép, mầm ghép $\geq 30\text{cm}$	Giống, cột bê tông hỗ trợ năm thứ nhất	
	2	Giống trồng dặm	Cây	100			
	3	Cột bê tông	Cột	800			
	4	Đạm nguyên chất (N)	Kg	220	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	- Lượng phân sử dụng cho từng năm - Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó	
	5	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	160			
	6	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	300	TCCS		
	7	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000	TCCS		
	8	Vôi bột	Kg	1.000			
	9	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000	TCCS		
Năm thứ 3	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	276	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng		
	2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	160			
	3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	300			
	4	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000	TCCS		
	5	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000	TCCS		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
-	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

9.18. Mô hình trồng, thâm canh chuối theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

Thời kỳ	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
Năm thứ nhất + năm 2	1	Giống trồng mới			Cây giống cao 70 – 80 cm	Giống hỗ trợ năm thứ nhất
	-	Chuối tiêu	Cây	2.000 - 2.500		
	-	Chuối tây	Cây	1.800 - 2.000		
	2	Giống trồng dặm	Cây	100		
	3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	260	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	Lượng vật tư sử dụng cho từng năm
	4	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	160		
	5	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	360		
	6	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000	TCCS	
	7	Vôi bột	Kg	1.000		
8	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000	TCCS		
9	Túi bao bùồng	Túi	2.000		Cho năm thứ 2	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
-	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

9.19. Mô hình trồng hồng xiêm

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

Thời kỳ	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
Năm 1	1 Giống trồng mới	Cây	400		Giống hỗ trợ năm thứ nhất	
	2 Cây trồng dặm	Cây	20			
	3 Đạm nguyên chất (N)	Kg	152	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	Lượng vật tư sử dụng cho từng năm	
	4 Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	96			
	5 Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	198			
	6 Phân hữu cơ	Kg	800	TCCS		
	7 Vôi bột	Kg	500			
	8 Thuốc BVTV	1.000đ	900	TCCS		
	9 Thuốc mới	Kg	4			
Năm 2	1 Đạm nguyên chất (N)	Kg	138	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng		Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước
	2 Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	48			
	3 Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	180			
	4 Phân hữu cơ	Kg	1.000	TCCS		
	5 Thuốc BVTV	1.000đ	1.100	TCCS		

Năm 3	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	138	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó
	2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	48		
	3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	180		
	4	Phân hữu cơ	Kg	1.200	TCCS	
	5	Thuốc BVTV	1.000đ	1.200	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
-	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biên báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

9.20. Mô hình trồng dâu tây

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Cây	40.000		
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	100	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	120		
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	120		
5	Vôi bột	Kg	1.500		
6	Phân hữu cơ	Kg	750	TCCS	
7	Thuốc BVTV	1.000đ	1.100	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

9.21. Mô hình trồng dưa lê

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống				
-	Trồng bò	Kg	1,2		
-	Trồng giàn	Kg	0,5		
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	80	TCCS	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	250	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	110		
5	Vôi bột	Kg	1.100		
6	Phân hữu cơ	Kg	2.000	TCCS	
7	Thuốc BVTV	1.000đ	1.100	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
-	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

9.22. Mô hình trồng dưa hấu

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống				
-	Hạt giống	Kg	0,6		
-	Cây giống	Cây	9.000		
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	115	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	120		
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	180		
5	Vôi bột	Kg	500		
6	Phân hữu cơ	Kg	2.000	TCCS	
7	Thuốc BVTV	1.000đ	1.100	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

9.23. Mô hình trồng dưa lưới

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Cây	10.000		
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	120	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	230		
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	120		
5	Vôi bột	Kg	1.000		
6	Phân hữu cơ	Kg	5.000	TCCS	
7	Thuốc BVTV	1.000đ	1.200	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

9.24. Mô hình trồng đu đủ

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Cây	2.000		
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	276	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	256		
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	420		
5	Vôi bột	Kg	600		
6	Phân hữu cơ	Kg	2.000	TCCS	
7	Thuốc BVTV	1.000đ	1.200	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

9.25. Mô hình trồng ổi

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

Thời kỳ	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú		
Năm 1	1	Giống trồng mới	Cây	1.100		Giống hỗ trợ năm thứ nhất	
	2	Cây trồng dặm	Cây	55			
	3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	88	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	Lượng vật tư sử dụng cho từng năm	
	4	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	103			
	5	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	60			
	6	Phân hữu cơ	Kg	900	TCCS		
	7	Vôi bột	Kg	500			
	8	Thuốc BVTV	1.000đ	900	TCCS		
	9	Thuốc môi	Kg	4			
Năm thứ 2	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	60	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng		
	2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	61			
	3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	114			
	4	Phân hữu cơ	Kg	1.200	TCCS		
	5	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000	TCCS		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
-	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

9.26. Mô hình trồng táo

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

Thời kỳ	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú		
Năm 1	1	Giống trồng mới	Cây	500		Giống hỗ trợ năm thứ nhất	
	2	Cây trồng dặm	Cây	25			
	3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	50	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	Lượng vật tư sử dụng cho từng năm	
	4	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	25			
	5	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	70			
	6	Phân hữu cơ	Kg	750	TCCS		
	7	Vôi bột	Kg	500			
	8	Thuốc BVTV	1.000đ	900	TCCS		
	9	Thuốc mới	Kg	5			
Năm 2	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	160	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng		Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước
	2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	80			
	3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	105			
	4	Phân hữu cơ	Kg	1.000	TCCS		
	5	Thuốc BVTV	1.000đ	1.100	TCCS		

Năm 3	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	207	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó
	2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	120		
	3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	150		
	4	Phân hữu cơ	Kg	1250	TCCS	
	5	Thuốc BVTV	1.000đ	1.200	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
-	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biên báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

9.27. Mô hình trồng đào

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

Thời kỳ	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú		
Năm 1	1	Giống trồng mới	Cây	500		Giống hỗ trợ năm thứ nhất	
	2	Cây trồng dặm	Cây	50			
	3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	75	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	Lượng vật tư sử dụng cho từng năm	
	4	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	80			
	5	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	86			
	6	Phân hữu cơ	Kg	750	TCCS		
	7	Vôi bột	Kg	500			
	8	Thuốc BVTV	1.000đ	900	TCCS		
	9	Thuốc môi	Kg	5			
Năm 2	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	69	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng		Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân
	2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	12			
	3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	72			
	4	Phân hữu cơ	Kg	1.000	TCCS		

	5	Thuốc BVTV	1.000đ	1.100	TCCS	bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó
Năm 3	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	115	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
	2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	48		
	3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	75		
	4	Phân hữu cơ	Kg	1.250	TCCS	
	5	Thuốc BVTV	1.000đ	1.200	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
-	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biên báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

9.28. Mô hình trồng mận

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

Thời kỳ	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú		
Năm 1	1	Giống trồng mới	Cây	500		Giống hỗ trợ năm thứ nhất	
	2	Cây trồng dặm	Cây	25			
	3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	45	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	Lượng vật tư sử dụng cho từng năm	
	4	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	30			
	5	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	30			
	6	Phân hữu cơ	Kg	750	TCCS		
	7	Vôi bột	Kg	500			
	8	Thuốc BVTV	1.000đ	900	TCCS		
	9	Thuốc mới	Kg	5			
Năm 2	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	70	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng		Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước
	2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	40			
	3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	60			
	4	Phân hữu cơ	Kg	1.000	TCCS		
	5	Thuốc BVTV	1.000đ	1.100	TCCS		

Năm 3	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	85	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó
	2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	40		
	3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	95		
	4	Phân hữu cơ	Kg	1.250	TCCS	
	5	Thuốc BVTV	1.000đ	1.200	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
-	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biên báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

10. Cây công nghiệp dài ngày

10.1. Mô hình trồng chè hữu cơ

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy phá gốc, đào hố			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	
2	Hệ thống tưới nhỏ giọt kết hợp bón phân			TCCS; tưới nước kết hợp bón phân	

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng		Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
			Chè shan tập trung	Chè giống mới		
1	Giống, cây che bóng					
-	Giống chè	Bầu	18.000	22.000	Giống chè TCVN 11041 – 6:2018	
-	Giống trồng dặm	Bầu	900	1.100		
-	Cây che bóng	Cây	200	200		
2	Vật tư					
-	Năm thứ nhất				Vật tư phải nằm trong danh mục được phép lưu hành và phải đảm bảo chất lượng theo TCCS	
	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	5.500	7.000		
	Thuốc BVTV sinh học	1.000đ	1.000	1.000		
-	Chăm sóc năm thứ hai					
	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	2.500	3.000		
	Thuốc BVTV sinh học	1.000đ	1.500	1.000		
-	Chăm sóc năm thứ ba					
	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	3.000	3.500		
	Thuốc BVTV sinh học	1.000đ	2.000	2.000		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
-	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

10.2. Mô hình thâm canh chè theo VietGAP

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy hái chè			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	
2	Hệ thống tưới phun mưa			TCCS; tưới nước kết hợp bón phân	

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	276	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	112		
3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	180		
4	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	3.000		
5	Phân sinh học	Kg	25		
6	Thuốc BVTV	1.000đ	3.000		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
-	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

10.3. Mô hình thâm canh chè hữu cơ thời kỳ kinh doanh từ năm thứ 4 trở đi

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy hái chè			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	
2	Hệ thống tưới phun mưa			TCCS; tưới nước kết hợp bón phân	

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng		Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
			Chè shan tập trung	Chè giống mới		
1	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	9.000	10.000	Vật tư phải nằm trong danh mục được phép lưu hành và đảm bảo chất lượng theo TCCS	
2	Phân bón lá sinh học	Lít	15	20		
3	Thuốc BVTV sinh học	1.000đ	3.000	3.000		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
-	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

11. Mô hình khác**11.1. Mô hình trồng thâm canh cỏ làm thức ăn chăn nuôi****A. Định mức lao động**

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư*Định mức cho 1ha*

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống				
-	Trồng bằng hom	Tấn hom	3,5		
-	Trồng bằng hạt	Kg	12		
2	Đạm nguyên chất (N)				
-	Cỏ thân đứng (VA06 và cỏ tương tự)	Kg	250		
-	Cỏ thân bụi, thân bò (cỏ Mombasa và cỏ tương tự)	Kg	280		
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	80		
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	100		
5	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	2.500		

TCCS

Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P₂O₅, K₂O tương ứng

TCCS

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

11.2. Mô hình chế biến cỏ bằng phương pháp ủ chua

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 tấn cỏ nguyên liệu

TT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Cỏ tươi làm nguyên liệu	Kg	1.000		Lượng cỏ tươi theo quy mô ủ
2	Cám gạo, bột ngô hoặc bột sắn	Kg	30		
3	Muối ăn	Kg	5		
4	Ủ bằng bê ủ/ hó ủ (nếu ủ bằng bê)				
-	Bạt giải bê ủ/hó ủ	M ² /tấn cỏ tươi	8		
5	Túi ủ (nếu ủ bằng túi)				
-	Túi nilon ủ: rộng 1.6m, dài 2.5m, dày 0.1mm	Túi/tấn cỏ tươi	2		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
-	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

11.3. Mô hình sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh từ chế phẩm Biotech Japan EM

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	3	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức để sản xuất 01 tấn phân hữu cơ vi sinh

TT	Tên vật tư		Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	Loại phân	Nguyên liệu/ chế phẩm				
1	Sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ phụ phẩm trồng trọt	Phụ phẩm từ trồng trọt (rơm rạ, thân lá, xơ dừa, vỏ quả...)	Kg	1.000		Nguyên liệu và chế phẩm để sản xuất ra 1 tấn phân hữu cơ vi sinh
		Chế phẩm Biotech Japan EM hoặc EM tương tự	Lít	5		
		Đạm nguyên chất (N)	Kg	1	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
		Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	1		
		Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	1		
		Nấm Trichoderma	Kg	1		
		Cám gạo, bột ngô, bột mì...	Kg	10		
Vôi bột	Kg	10				
	Sản	Phế phụ phẩm thủy (bùn)	Tấn	2		Nguyên liệu

2	xuất phân hữu cơ vi sinh từ chất thải thủy	đầy ao nuôi)				và chế phẩm để sản xuất ra 1 tấn phân hữu cơ vi sinh
		Chế phẩm Biotech Japan EM hoặc EM tương tự	Lít	5		
		Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	1		
		Xơ dừa	Kg	250		
		Vôi bột	Kg/tấn	10		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

11.4. Mô hình trồng cây gai xanh

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	Máy tuốt sợi			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	
	Máy cày				

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

Thời kỳ	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú		
Năm 1	1	Giống trồng mới	Cây	28.000		Giống hỗ trợ năm thứ nhất	
	2	Giống trồng dặm	Cây	2800			
	3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	780	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	Lượng vật tư sử dụng cho từng năm	
	4	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	230			
	5	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	430			
	6	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	3000	TCCS		
	7	Vôi bột	Kg	500			
	8	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000	TCCS		
Từ năm thứ 2	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	940	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng		
	2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	200			
	3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	430			
	4	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	2000	TCCS		
	5	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000	TCCS		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
-	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01-02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
-	Thời gian lý thuyết thực hành	Ngày	1,5		
-	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...	Ngày		- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

MỤC LỤC
ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT KHUYẾN NÔNG
Lĩnh vực: Chăn nuôi - Thú y

1. Chăn nuôi gà thương phẩm	3
2. Chăn nuôi gà sinh sản.....	5
3. Chăn nuôi ngan, vịt thương phẩm	8
4. Chăn nuôi ngan, vịt sinh sản	10
5. Chăn nuôi đà điểu thương phẩm	13
6. Chăn nuôi đà điểu sinh sản.....	15
7. Chăn nuôi chim bồ câu	17
8. Chăn nuôi chim cú sinh sản	19
9. Chăn nuôi lợn thương phẩm.....	21
10. Chăn nuôi lợn sinh sản	23
11. Mô hình xử lý môi trường chăn nuôi lợn	25
12. Chăn nuôi lợn thịt theo hướng hữu cơ	27
13. Chăn nuôi lợn rừng lai.....	29
14. Vỗ béo trâu, bò thịt.....	31
15. Chăn nuôi trâu, bò sinh sản	33
16. Cải tạo đàn trâu bò bằng thụ tinh nhân tạo	35
17. Mô hình Chăn nuôi bò sữa	37
18. Trồng, chế biến và bảo quản thức ăn thô xanh	39
19. Chăn nuôi dê thương phẩm	42
20. Chăn nuôi dê sinh sản	44
21. Chăn nuôi dê sữa thương phẩm.....	46
22. Nuôi ong mật.....	48
23. Chăn nuôi thỏ thương phẩm.....	50
24. Chăn nuôi thỏ sinh sản	52
25. Nuôi tằm	54
26. Chăn nuôi hươu sinh sản, nai sinh sản	56
27. Chăn nuôi dúi thịt.....	58
28. Chăn nuôi nhím thịt.....	60
29. Chăn nuôi nhím sinh sản	62
30. Chăn nuôi trùn quế	64
31. Xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh	66

32. Xây dựng vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh động vật cấp huyện	69
33. Liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm	72
34. Hỗ trợ chứng nhận thực hành nông nghiệp tốt, ATTP, hữu cơ, OCOP.....	74

Phụ lục II
ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT KHUYẾN NÔNG

Lĩnh vực: Chăn nuôi - Thú y

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

1. Chăn nuôi gà thương phẩm

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	05	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị (cho 1 trang trại/cơ sở/hộ chăn nuôi)

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống làm mát chuồng	Hệ thống	01	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị	
2	Hệ thống máng ăn	Hệ thống	01		
3	Hệ thống máng uống	Hệ thống	01		
4	Máy phát điện	Chiếc	01		

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con		Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS	
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh	Kg/con	6,0	Số lượng, chất lượng thức ăn theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình	
3	Vắc – xin	Liều/con	07	(2) Gum; (2) ND - IB; (1) New; (1) Đậu, (1) cúm GC	
4	Hoá chất sát trùng	Lít/con	0,5	Dung dịch pha loãng theo quy định	
5	Chế phẩm sinh học	Kg/con	0,05	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				

	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày/lần	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày/lần	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...		hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

2. Chăn nuôi gà sinh sản

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị

1. Máy móc, thiết bị chăn nuôi (cho 1 trang trại/cơ sở/hộ chăn nuôi)

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lồng tầng	Con/m ²	8 - 12	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị	
2	Sàn nhựa	Con/m ²	6 - 8		
3	Hệ thống làm mát chuồng	Hệ thống	01		
4	Hệ thống máng ăn	Hệ thống	01		
5	Hệ thống máng uống	Hệ thống	01		
6	Hệ thống thu trứng	Hệ thống	01		
7	Hệ thống tải phân	Hệ thống	01		
8	Máy phát điện	Chiếc	01		

2. Thiết bị, vật tư ấp trứng gà (Áp dụng cho quy mô ≥ 1000 gà mái/trang trại/cơ sở/hộ)

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy ấp trứng gia cầm	Chiếc	01	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị	
2	Máy nở	Chiếc	01	Công suất = 30% máy ấp	

3	Máy phát điện	Chiếc	01		
4	Máy phun thuốc sát trùng	Chiếc	01		
5	Hoá chất sát trùng	Lít/cơ sở	20	Dung dịch pha loãng theo quy định	

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con		Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS	
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh	Kg/con	12,3	Số lượng, chất lượng thức ăn theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình	
3	Vắc - xin	Liều/con	14	(3) Gum, (1) Đậu, (2) IB, (4) New, (2) ILT, (2) Cúm GC	
4	Hoá chất sát trùng	Lít/con	2,5	Dung dịch pha loãng theo quy định	
5	Chế phẩm sinh học	Kg/con	0,05	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Mô hình nuôi gà sinh sản					
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	02	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	02		
Mô hình ấp trứng gà					
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	7 - 14		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày/lần	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày/lần	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...		hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

3. Chăn nuôi ngan, vịt thương phẩm

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	05	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị (cho 1 trang trại/cơ sở/hộ chăn nuôi)

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống làm mát chuồng	Hệ thống	01	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị	
2	Hệ thống máng ăn	Hệ thống	01		
3	Hệ thống máng uống	Hệ thống	01		
4	Máy phát điện	Chiếc	01		

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con		Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS.	
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh	Kg/con	9,4	Số lượng, chất lượng thức ăn theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình	
3	Vắc - xin	Liều/con	05	(2) Dịch tả; (1) Viêm gan; (1) cúm GC; (1) Tụ huyết trùng	
4	Hoá chất sát trùng	Lít/con	0,5	Dùng dịch pha loãng theo quy định	
5	Chế phẩm sinh học	Kg/con	0,05	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 30 người/lớp	

	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày/lần	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày/lần	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...		hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

4. Chăn nuôi ngan, vịt sinh sản

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/ điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị

1. Máy móc, thiết bị chăn nuôi (cho 1 trang trại/cơ sở/hộ chăn nuôi)

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Sàn nhựa	Con/m ²	3,5 - 4,0	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị	
2	Hệ thống làm mát chuồng	Hệ thống	01		
3	Hệ thống máng ăn	Hệ thống	01		
4	Hệ thống máng uống	Hệ thống	01		
5	Máy phát điện	Chiếc	01		

2. Thiết bị, vật tư ấp trứng vịt (Áp dụng cho quy mô ≥ 1000 vịt mái/trang trại/cơ sở/hộ)

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy ấp trứng gia cầm	Chiếc	01	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị	
2	Máy nở	Chiếc	01	Công suất = 30% máy ấp	
3	Máy phát điện	Chiếc	01		
4	Máy phun thuốc sát trùng	Chiếc	01		
5	Hoá chất sát trùng	Lít/cơ sở	20	Dung dịch pha loãng theo quy định	

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con		Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS.	
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh	Kg/con	30	Số lượng, chất lượng thức ăn theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình	
3	Vắc - xin	Liều/con	11	(3) Viêm gan vịt, (3) Dịch tả vịt, (3) Cúm GC, (2) Tụ huyết trùng	
4	Hoá chất sát trùng	Lít/con	2,5	Dung dịch pha loãng theo quy định	
5	Chế phẩm sinh học	Kg/con	0,05	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Mô hình nuôi ngan, vịt sinh sản					
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	02	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	02		
Mô hình ấp trứng					
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	7 - 14		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày/lần	1,5		

	Thời gian tham quan	Ngày/ lần	0,5		
--	---------------------	--------------	-----	--	--

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

5. Chăn nuôi đà điểu thương phẩm

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Kg/con	$\geq 3,0$ kg	Đà điểu 01 tháng tuổi, giống được công nhận TBKT, công bố TCCS	
2	Thức ăn hỗn hợp	Kg/con	426	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình	
3	Vắc - xin	Liều/con	04	(2) Newcastle, (2) Cúm GC (Liều vắc xin Newcastle dùng cho đà điểu = 4 lần, Cúm GC = 3 lần liều cho gà)	
4	Hoá chất sát trùng	Lít/con	20	Dung dịch pha loãng theo quy định	
5	Chế phẩm sinh học	Kg/con	0,5	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		

2	Hội nghị tổng kết	HN/MH	01		
---	-------------------	-------	----	--	--

D. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày/lần	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày/lần	0,5		

E. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

6. Chăn nuôi đà điểu sinh sản

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	24	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị (*Áp dụng cho quy mô ≥ 50 mái sinh sản/trang trại/cơ sở/hộ*)

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy ấp trứng đà điểu	Chiếc	01	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị	
2	Máy nò	Chiếc	01	Công suất = 30% máy ấp	
3	Máy phát điện	Chiếc	01		
4	Máy phun thuốc sát trùng	Chiếc	01		
5	Hoá chất sát trùng	Lít/cơ sở	20	Dung dịch pha loãng theo quy định	

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Kg/con	$\geq 3,0$ kg	Đà điểu 01 tháng tuổi, giống được công nhận TBKT, công bố TCCS	
2	Thức ăn hỗn hợp	Kg/con	796	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình	
3	Vắc - xin	Liều/con	06	(3) New, (3) Cúm GC (Liều vắc xin Newcastle, Cúm GC = 3 lần liều cho gà)	
4	Hoá chất sát trùng	Lít/con	80	Dung dịch pha loãng theo quy định	
5	Chế phẩm sinh học	Kg/con	0,5	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Mô hình nuôi đà điều sinh sản					
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	02	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	02		
Mô hình áp trứng đà điều					
TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	07 - 14		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày/lần	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày/lần	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

7. Chăn nuôi chim bồ câu

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị (*Áp dụng cho quy mô ≥ 500 mái sinh sản /trang trại/cơ sở/hộ*)

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy ấp trứng bồ câu	Chiếc	01	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị	
2	Máy nở	Chiếc	01	Công suất = 30% máy ấp	
3	Máy phát điện	Chiếc	01		
4	Máy phun thuốc sát trùng	Chiếc	01		
5	Hoá chất sát trùng	Lít/cơ sở	20	Dung dịch pha loãng theo quy định	

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống			Giống bồ câu ngoại và bồ câu lai từ 03 tháng tuổi. Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS.	
2	Thức ăn hỗn hợp	Kg/con	10,8	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình	
3	Vắc - xin	Liều/con	01	Newcastle	
4	Hoá chất sát trùng	Lít/con	02	Dung dịch pha loãng theo quy định	
5	Chế phẩm sinh học	Kg/con	0,03	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Mô hình nuôi bò câu sinh sản					
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	02	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	02		
Mô hình áp trứng bò câu					
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	07 - 14		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày/lần	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày/lần	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biên báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

8. Chăn nuôi chim cú sinh sản

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị (Áp dụng cho quy mô ≥ 4.000 mái sinh sản /trang trại/cơ sở/hộ)

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy ấp trứng chim cú	Chiếc	01	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị	
2	Máy nở	Chiếc	01	Công suất = 30% máy ấp	
3	Máy phát điện	Chiếc	01		
4	Máy phun thuốc sát trùng	Chiếc	01		
5	Hoá chất sát trùng	Lít/cơ sở	20	Dung dịch pha loãng theo quy định	

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống			Chim cú 01 ngày tuổi, giống được công nhận TBKT, công bố TCCS.	
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh	Kg/con	0,7	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình	
3	Vắc - xin	Liều/con	04	Newcastle	
4	Hoá chất sát trùng	Lít/con	01	Dung dịch pha loãng theo quy định	
5	Chế phẩm sinh học	Kg/con	0,01	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Mô hình nuôi chim cú sinh sản					
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	02	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	02		
Mô hình ấp trứng chim cú					
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	07 - 14		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày/lần	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày/lần	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

9. Chăn nuôi lợn thương phẩm

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	08	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị (cho 1 trang trại/cơ sở/hộ chăn nuôi)

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống làm mát chuồng	Hệ thống	01	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị	
2	Hệ thống máng ăn	Hệ thống	01		
3	Hệ thống máng uống	Hệ thống	01		
4	Máy phát điện	Chiếc	01		

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con		Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS.	
1.1	Giống lợn ngoại	Kg/con	10		
1.2	Giống lợn nội	Kg/con	07		
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh		225	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình	
3	Vắc - xin	Liều/con	06	(1) Dịch tả, (1) LMLM, (1) Tai Xanh, (1) Tụ Huyết trùng, (1) Phó Thương hàn, (1) Đóng Dấu lợn	
4	Hoá chất sát trùng	Lít/con	20	Dung dịch pha loãng theo quy định	

5	Thuốc tẩy ký sinh trùng	Liều/con	02		
6	Chế phẩm sinh học	Kg/con	0,1	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình				
	Số lần	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày/lần	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày/lần	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

10. Chăn nuôi lợn sinh sản

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị (cho 1 trang trại/cơ sở/hộ chăn nuôi)

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Thiết bị làm mát chuồng	Bộ	01	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị	
2	Chuồng nuôi lợn nái chữa	Lồng/con	01		
3	Chuồng nuôi lợn nái nuôi con	Lồng/con	01		
4	Sàn nuôi lợn con sau cai sữa	M ² /con	0.6		
5	Hệ thống máng ăn tự động	Bộ	02		
6	Hệ thống máng uống tự động	Bộ	02		

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống			Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS.	
1.1	Giống hậu bị (giống ngoại)	Kg/con	100		
1.2	Giống hậu bị (giống nội)	Kg/con	22		
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh			Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình	
2.1	Thức ăn hỗn hợp cho lợn giống ngoại	Kg/con	534		
2.2	Thức ăn hỗn hợp cho lợn giống nội	Kg/con	482		

3	Vắc - xin	Liều	12	(2) Dịch tả, (2) LMLM, (2) Tai xanh, (2) Tụ huyết trùng, (2) Phó thương hàn, (2) Đổng đầu lợn
4	Hoá chất sát trùng	Lít/con	40	Dung dịch pha loãng theo quy định
5	Thuốc tẩy ký sinh trùng	Liều	02	
6	Chế phẩm sinh học	Kg/con	0.2	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	02	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày/lần	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày/lần	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biên báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

11. Mô hình xử lý môi trường chăn nuôi lợn

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	06	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức vật tư, thiết bị, phân tích, xét nghiệm đánh giá kết quả

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hỗ trợ vật tư xây dựng hệ thống bể lắng xử lý chất thải và bể đá xử lý nước thải	Con/m ³	10	Áp dụng hệ thống cho chăn nuôi lợn với quy mô từ 50 – 1500 con. Vật liệu xây dựng đảm bảo theo quy chuẩn về xây dựng	
2	Men, chế phẩm vi sinh xử lý môi trường, phân và chất thải	Lít/kg/m ³	01	Được phép sản xuất và lưu hành tại Việt Nam	
3	Phân tích mẫu	Mẫu/bể	02	Thực hiện theo quy định hiện hành về phân tích đánh giá nước thải trước và sau xử lý	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

D. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày/lần	1,5		
2	Thời gian tham quan	Ngày/lần	0,5		

E. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc/hộ	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tờ gấp, clip, tin bài...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

12. Chăn nuôi lợn thịt theo hướng hữu cơ

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	08	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/ điểm trình diễn

B. Định mức giống, thiết bị, vật tư (Mức hỗ trợ tính trên 01 con)

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con		Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS.	
	Lợn ngoại	Kg/con	10		
	Lợn nội	Kg/con	5 - 7		
2	Thức ăn hỗn hợp	Kg			
	Lợn ngoại	Kg/con	225	Hàm lượng protein thô 16% - 18%	
	Lợn nội	Kg/con	186	Hàm lượng protein thô 14% - 16%	
3	Vắc - xin	Liều/con	06	(1) Dịch tả, (1) LMLM, (1) Tai xanh, (1) Tụ huyết trùng, (1) Phó thương hàn, (1) Đóng dấu lợn	
4	Hoá chất sát trùng	Lít/con	20	Dung dịch pha loãng theo quy định	
5	Thuốc tẩy ký sinh trùng	Liều/ con	02		
6	Chế phẩm vi sinh			Chế phẩm được phép lưu hành tại Việt Nam	
	Chế phẩm bổ sung vào thức ăn	Tỷ lệ %	0.7		
	Chế phẩm bổ sung vào nước uống	Lít	0.1		

	Chế phẩm phun trong chuồng nuôi		0.1		
	Chế phẩm bổ sung vào chất độn chuồng	Kg	0.1		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

D. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình				
	Số lần	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày/lần	1,5		
2	Thời gian tham quan	Ngày/lần	0,5		

E. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc/hộ	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tờ gấp, clip, tin bài...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

13. Chăn nuôi lợn rừng lai

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lợn giống				
	Lợn rừng đực	Kg/con	35	Lợn rừng Thái Lan định mức	
	Lợn cái bản địa	Kg/con	15	1 con đực/20 con nái	
2	Thức ăn				
	Thức ăn hỗn hợp cho lợn hậu bị	Kg/con	40	Thức ăn có tỷ lệ đạm 13-15%	
	Thức ăn hỗn hợp cho lợn con			Thức ăn có tỷ lệ đạm 18-20%	
	- Lúa 1	Kg/lúa	20		
	- Lúa 2	Kg/lúa	28		
3	Vắc - xin	Liều/ con	3	01 Dịch tả, 01 LMLM, 01 Tai xanh	
4	Hoá chất sát trùng	Lít/con	50	Đã pha loãng theo quy định	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

D. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

E. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biên báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

14. Vĩ b3o tr3u, b3o thĩt

A. Định mức lao động

TT	Di3n gi3i n3i dung	Đ3n vĩ tĩn	S3 l3ng	Ti3u chu3n, y3u c3u kĩ thu3t	Ghi chú
1	C3ng lao động ph33 th3ng	C3ng		Đ3p 3ng y3u c3u kĩ thu3t của m3 hĩn	Người d3n đ3i 3ng
2	C3n b3 chỉ đ3o, h3ng d3n kĩ thu3t	Th3ng/người	05	Trung c3p tr3 l3n, chuy3n m3n ph3 h3p	Người/đĩm trĩn dĩn

B. Định mức máy m3c, thi3t bĩ (cho 1 trang tr3i/c3 s3/h3 ch3n nu3i)

TT	T3n thi3t bĩ máy m3c	Đ3n vĩ tĩn	S3 l3ng	Ti3u chu3n, y3u c3u kĩ thu3t	Ghi chú
1	M3y b3m th3i c3	Chi3c	01	Ph3 h3p v3i quy m3 hĩn, y3u c3u kĩ thu3t của thi3t bĩ	
2	M3y tr3n th3c 3n	Chi3c	01		

C. Định mức giống, thi3t bĩ, v3t t3

TT	T3n giống, v3t t3	Đ3n vĩ tĩn	S3 l3ng	Ti3u chu3n, y3u c3u kĩ thu3t	Ghi chú
1	Gi3ng	Con		Đ3i t3ng b3, tr3u đ3a v3o vĩ b3o theo QĐ 294, 295/QĐ-CNMTCN ngày 23/09/2020 h3ng d3n kĩ thu3t vĩ b3o b3, tr3u tr3c khi gi3t thĩt	
2	Thu3c t3y ngo3i KST	Li3u/con	01		
3	Thu3c t3y n3i KST	Li3u/con	01		
4	Th3c 3n h3n h3p	Kg/con	270	S3 l3ng, ch3t l3ng theo y3u c3u kĩ thu3t của m3 hĩn	
5	<i>Vĩ b3o tr3u, b3o thĩt và xĩ lý m3i tr3ng b3ng ch3 ph3m sinh h3c</i>				
	Nguyên li3u làm đ3m l3t	Kg/con	900	T3 ph3 ph3m n3ng nghi3p: Rom, tr3u....	

	Chế phẩm vi sinh	Kg/con	0,75	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	
--	------------------	--------	------	---	--

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày/lần	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày/lần	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

15. Chăn nuôi trâu, bò sinh sản

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/người	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị (cho 1 trang trại/cơ sở/hộ chăn nuôi)

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy băm thái cỏ	Chiếc	01	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị	
2	Máy trộn thức ăn	Chiếc	01		

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con		Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS	
	Bò cái giống	Kg/con	220		
	Trâu cái giống	Kg/con	350		
2	TAHH cho bò cái chữa	Kg/con	540	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình	
3	TAHH cho trâu cái chữa	Kg/con	660		
4	Tăng đá liếm	Kg/con	03		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật			Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Số lần	Lần	02		
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày/lần	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày/lần	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

16. Cải tạo đàn trâu bò bằng thụ tinh nhân tạo

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/người	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị (cho 1 trang trại/cơ sở/hộ chăn nuôi)

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy băm thái cỏ	Chiếc	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	
2	Máy trộn thức ăn	Chiếc	01		

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con		Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS	
2	Tinh đông lạnh	Liều/con	02		
3	Ni tơ lòng	Lít/con	02		
4	Găng tay, ống gen	Bộ/con	02		
5	TAHH cho bò cái có chữa	Kg/con	540	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình	
6	TAHH cho trâu cái có chữa	Kg/con	660		
7	Tăng đá liềm	Kg/con	03		
8	Bình Nitơ 3,5 - 3,7 lít	Cái/huyện	02		
9	Súng bắn tinh	Cái/huyện	06		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	02	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày/lần	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày/lần	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

17. Mô hình Chăn nuôi bò sữa

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/người	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức máy móc, thiết bị (cho 1 trang trại/cơ sở/hộ chăn nuôi)

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy băm thái cỏ	Chiếc	01	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị	
2	Máy trộn thức ăn	Chiếc	01		

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống			Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS	
2	Tinh đông lạnh	Liều/con	04		
3	TAHH cho bò cái chữa	Kg/con	540	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình	
4	Tảng đá liềm	Kg/con	03		
5	Nguyên liệu ủ chua thức ăn xanh (1 tấn cỏ)				
	Cám gạo, bột ngô hoặc bột sắn	Kg/tấn	30		
	Muối ăn	Kg/tấn	05		
	Ủ bằng bê ủ/hố ủ				
	Bạt lót bê ủ/hố ủ	M ² /tấn	08		
	Ủ bằng túi ủ				

	Túi nilon ù: Rộng 1,6m, dài 2,5m, dày 0,1 mm	Túi/tán	02		
--	--	---------	----	--	--

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	02	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	02		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày/lần	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày/lần	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

18. Trồng, chế biến và bảo quản thức ăn thô xanh

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/người	09	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Mô hình trồng thâm canh cỏ				
	<i>Giống cỏ</i>				
	Trồng bằng hom	Tấn hom/ha	3,5		
	Trồng bằng hạt	Kg/ha	12,0		
	<i>Thiết bị vật tư</i>				
	Phân đạm nguyên chất (N)			Phân đạm nguyên chất (N)	
	Cỏ thân đứng (VA06 và cỏ tương tự)	Kg/ha	250		
	Cỏ thân bụi, thân bò (cỏ Mombasa và cỏ tương tự)	Kg/ha	200		
	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg/ha	80	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	
	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg/ha	100	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	
	Phân hữu cơ vi sinh	Kg/ha	2.500	Phân hữu cơ vi sinh	
2	Kỹ thuật ủ rơm với urea trong túi nilon				

	Rơm lúa	Tấn	01	Rơm khô
	Túi nilon ủ: Rộng 1,6m, dài 2,5m, dày 0,1 mm	Kg/tấn	02	
	Urea	Kg/tấn	40	
	Rỉ mật	Kg/tấn	20	
	Muối	Kg/tấn	5	
3	Kỹ thuật ủ chua thân bắp (ngô) trong túi nilon			
	Thân bắp (ngô)	Tấn	01	Thân ngô
	Túi nilon ủ: Rộng 1,6m, dài 2,5m, dày 0,1 mm	Kg/tấn	02	
	Men vi sinh	Kg/tấn	01	
	Rỉ mật	Kg/tấn	50	
	Muối	Kg/tấn	05	
4	Hỗ trợ chế biến cỏ bằng phương pháp ủ chua			
	Cỏ tươi	Tấn	01	Cỏ tươi
	Cám gạo, bột ngô hoặc bột sắn	Kg/tấn	30	
	Muối	Kg/tấn	05	
	<i>Ủ bằng bể ủ/hố ủ (nếu ủ bằng bể)</i>			
	Bạt lót bể ủ/hố ủ	M ² /tấn cỏ tươi	08	
	<i>Túi ủ (nếu ủ bằng túi)</i>			
	Túi nilon ủ: Rộng 1,6m, dài 2,5m, dày 0,1 mm	Túi/tấn cỏ tươi	02	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	02	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	02		

D. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày/lần	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày/lần	0,5		

E. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

19. Chăn nuôi dê thương phẩm

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/người	05	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Kg/con	15	Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS	
2	Thức ăn hỗn hợp cho dê	Kg/con	45	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình	
3	Vắc - xin	Liều/con	04	(1) Tụ huyết trùng, (1) viêm ruột hoại tử, (1) LMLM, (1) Đậu	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	Lần	01		

D. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày/lần	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày/lần	0,5		

E. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biên báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

20. Chăn nuôi dê sinh sản

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/người	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Dê cái giống ngoại	Kg/con	23 - 27	Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS	
2	Dê cái giống nội	Kg/con	13 - 17		
3	Dê cái lai	Kg/con	18 - 22		
4	Dê đực giống ngoại	Kg/con	30 - 34		
5	Dê đực giống lai	Kg/con	28 - 32		
6	Thức ăn hỗn hợp cho dê đực giống	Kg/con	115	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình	
7	Thức ăn hỗn hợp cho dê cái từ hậu bị đến đẻ	Kg/con	115		
8	Vắc - xin	Liều/con	08	(2) Tụ huyết trùng, (2) viêm ruột hoại tử, (2) LMLM, (2) Đậu	
9	Tàng đá liếm	Kg/con	02		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	02	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	02		

D. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày/lần	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày/lần	0,5		

E. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

21. Chăn nuôi dê sữa thương phẩm

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/người	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Dê cái giống	Kg/con	18 - 22	Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS	
2	Dê đực giống	Kg/con	35 - 40		
3	Thức ăn hỗn hợp cho dê đực	Kg/con	36	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình	
4	Thức ăn hỗn hợp cho dê cái từ hậu bị đến đẻ lứa đầu	Kg/con	120		
5	Vắc - xin	Liều/con	08	(2) Tụ huyết trùng, (2) viêm ruột hoại tử, (2) LMLM, (2) Đậu	
6	Bình đựng sữa thể tích 25 lít	Bình/hộ	01	Bình làm bằng chất liệu nhôm hoặc hợp kim, không bị ô xy hóa	
7	Tảng đá liềm	Kg/con	03		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	02	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		

2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	02		
---	---------------------------	-------	----	--	--

D. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày/lần	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày/lần	0,5		

E. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biên báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

22. Nuôi ong mật

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/ điểm trình diễn

B. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Ong giống				
	- Ong ngoại	Đàn/điểm /cơ sở	100	Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS	
	- Ong nội		50		
2	Thùng kế				
	- Ong ngoại	Thùng /điểm /cơ sở	100	Áp dụng đối với mô hình có thùng kế	
	- Ong nội		50		
3	Đường				
	- Ong ngoại	Kg/đàn	30		
	- Ong nội		18		
4	Phấn hoa				
	- Ong ngoại	Kg/đàn	0,3		
	- Ong nội		0,2		
5	Tàng chân				
	- Ong ngoại	Cái/đàn	10		
	- Ong nội		04		
6	Máng cho ong ăn	Cái/đàn	01		
7	Thùng quay mật	Cái/hộ	01		
8	Bộ dụng cụ nhân đàn (kim di trùng, thùng nhân đàn, bình xịt khói, bảo hộ lao động)	Bộ/hộ	01		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	Lần	01		

D. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

E. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

23. Chăn nuôi thỏ thương phẩm

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	05	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/ điểm trình diễn

B. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Thỏ giống	Kg/con	0,5	Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS	
2	Thức ăn hỗn hợp cho thỏ: Hỗ trợ thức ăn trong 90 ngày	Kg	13,5	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình	
3	Vắc - xin	Liều/con	01	(1) Bại huyết	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	Lần	01		

D. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

E. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biên báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

24. Chăn nuôi thủy sản

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Thỏ giống	Kg/con	2,5 - 3	Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS	
2	Thức ăn hỗn hợp cho thỏ: Hỗ trợ thức ăn trong 120 ngày	Kg	27	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình	
3	Vắc - xin	Liều/con	02	(2) Bại huyết	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	02	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	02		

D. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	

	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

E. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biên báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

25. Nuôi tằm

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ Cán bộ	06	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	Trứng tằm ban đầu (MH nuôi tằm con tập trung) và Tằm con ban đầu (MH nuôi tằm lớn)	Vòng trứng/ ha dâu	120	Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS	
1	MH nuôi tằm con tập trung (tính cho 1 ha)				
	Nong/khay nuôi tằm	Cái	120	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	
	Máy thái dâu	Cái	01		
	Đũa tằm	Cái	10		
	Lò sưởi điện	Cái	01		
	Quạt bay hơi tăng ẩm	Cái	01		
	Bạt phủ lá dâu	M ²	20		
	Thuốc sát trùng nhà, dụng cụ	Lít	04		
	Thuốc xử lý mình tằm	Kg	06		
	Vôi bột	Kg	20		
2	MH nuôi tằm lớn (tính cho 1 ha)				
	Tằm con	Vòng/ha	120		

	Lá dâu	Kg/vòng	200	
	Né đôi	Né/vòng	02	Né gỗ, KT: 1m x 1m
	Thuốc sát trùng nhà, dụng cụ	Lít	04	
	Thuốc xử lý mình tằm	Kg	06	
	Vôi bột	Kg	20	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

D. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

E. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

26. Chăn nuôi hươu sinh sản, nai sinh sản

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống				
	Hươu, nai cái	Kg/con	35	Hươu, nai hậu bị 15-18 tháng	
	Hươu, nai đực	Kg/con	45	Hươu, nai hậu bị 18-24 tháng tuổi	
2	Thức ăn				
	Hỗ trợ thức ăn tinh hươu, nai cái	Kg/con	30	Bổ sung 0,5 kg/con/ngày trong 60 ngày chữa cuối. Hàm lượng Protein thô $\geq 14\%$	
	Hỗ trợ thức ăn tinh hươu, nai đực	Kg/con	48	Bổ sung 0,8 kg/con/ngày trong 60 ngày từ khi mua về. Hàm lượng Protein thô $\geq 14\%$	
	Thức ăn thô, xanh	Kg/con/ ngày	6 - 10		
3	Thuốc thú y, hóa chất sát trùng	Đồng/con	≤ 100.000		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

D. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

E. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biên báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

27. Chăn nuôi dúi thịt

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	07	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Dúi giống	Kg/con	1,5	≥ 3 tháng tuổi	
2	Thức ăn tinh hỗn hợp	Kg/con	1,0	Hàm lượng Protein thô $\geq 14\%$	
3	Thuốc thú y, hóa chất sát trùng	Đồng/con	≤ 15.000		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

D. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

E. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biên báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

28. Chăn nuôi nhím thịt

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	07	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Nhím giống	Kg/con	2 - 3	03 tháng tuổi	
2	Thức ăn tinh hỗn hợp: 0,3kg/con/ngày	Kg/con	54	Hàm lượng Protein thô $\geq 14\%$	
3	Thức ăn thô xanh (rau củ, quả...)	Kg/con/ ngày	0,3 - 1,0		
4	Thuốc thú y, hóa chất sát trùng	Đồng/con	≤ 15.000		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

D. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

E. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

29. Chăn nuôi nhím sinh sản

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/ điểm trình diễn

B. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Nhím giống				
	Nhím cái	Kg/con	8-10	≥ 8 tháng tuổi	
	Nhím đực	Kg/con	10-12	≥ 10 tháng tuổi	
2	Thức ăn tinh hỗn hợp (0,3kg/con/ngày)	Kg/con	100	Hàm lượng Protein thô $\geq 14\%$	
3	Thức ăn thô xanh (rau củ, quả...)	Kg/con/ ngày	0,5		
4	Thuốc thú y, hóa chất sát trùng	Đồng/con	≤ 30.000		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

D. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

E. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết.	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng.	

30. Chăn nuôi trùn quế

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	04	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/ điểm trình diễn

B. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Trùn quế giống	Kg/m ²	3	Trùn tinh	
2	Thức ăn (Phân ủ)	Kg/m ²	200	Phân trâu, bò, lợn, gia cầm ...	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

D. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

E. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

31. Xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên ngành phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức vật tư, thiết bị, phân tích, xét nghiệm đánh giá kết quả

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1. Thiết bị, vật tư (Mức hỗ trợ tính trên 01 cơ sở)					
a.	Máy phun thuốc sát trùng	Máy/ cơ sở	01	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị	
b.	Bảo hộ lao động (Quần áo bảo hộ lao động, ủng, găng tay, khẩu trang)	Bộ/cơ sở	03		
c.	Dụng cụ thú y (Bơm tiêm tự động, panh kẹp, kéo)	Bộ/cơ sở	01		
2. Định mức vắc xin, hóa chất sát trùng					
2.1. Mô hình an toàn dịch bệnh trên gia cầm					
2.1.1. Vắc xin phòng bệnh					
a.	Vắc xin cho thủy cầm nuôi thương phẩm	Liều/con	04	(2) Dịch tả, (2) Cúm GC	
b.	Vắc xin cho thủy cầm sinh sản	Liều/con	05	(3) Dịch tả, (2) Cúm GC	
c.	Vắc xin cho gà thương phẩm	Liều/con	05	(3) Newcastle, (2) Cúm GC	

d.	Vắc xin cho gà sinh sản	Liều/con	08	(4) Newcastle, (4) Cúm GC	
2.1.2. Hoá chất sát trùng					
	Mô hình chăn nuôi gia cầm, thủy cầm thương phẩm	Lít/con	01	Dung dịch pha loãng theo quy định	
	Mô hình chăn nuôi gia cầm thương phẩm, thủy cầm sinh sản	Lít/con	02		
2.2. Mô hình an toàn dịch bệnh trên lợn					
2.2.1. Vắc xin phòng bệnh					
a.	Vắc xin phòng bệnh cho mô hình chăn nuôi lợn thương phẩm	Liều/con/năm	04	(2) Dịch tả, (2) LMLM	
b.	Vắc xin phòng bệnh cho mô hình chăn nuôi lợn sinh sản	Liều/con	06	(3) Dịch tả, (3) LMLM	
2.2.2. Hoá chất sát trùng					
a.	Mô hình chăn nuôi lợn thương phẩm	Lít/con	20	Dung dịch pha loãng theo quy định	
b.	Mô hình chăn nuôi lợn sinh sản	Lít/con	40		
3. Định mức tư vấn, xét nghiệm và công nhận cho 01 cơ sở an toàn dịch bệnh					
3.1	Vật tư, dụng cụ lấy mẫu phân tích	Lần	01		
3.2	Công tác lấy mẫu, gửi mẫu	Lần	01		
3.3	Phân tích xét nghiệm	Lần	01		
3.4	Thẩm định, đánh giá	Lần	01		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	02	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	02		

D. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

E. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

32. Xây dựng vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh động vật cấp huyện

A. Định mức công lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên ngành phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức vật tư, thiết bị, phân tích, xét nghiệm đánh giá kết quả

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1. Định mức vật tư, thiết bị					
a.	Máy phun thuốc sát trùng	Máy/xã	02	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị	
b.	Bảo hộ lao động (quần áo bảo hộ lao động, ủng, găng tay, khẩu trang).	Bộ/xã	12		
c.	Dụng cụ thú y (bơm tiêm tự động, panh kẹp, kéo)	Bộ/xã	03		
2. Định mức vắc xin, hóa chất sát trùng					
2.1	<i>Mô hình an toàn dịch bệnh trên gia cầm</i>				
2.1.1	<i>Vắc xin</i>				
a	Vắc xin cho thủy cầm thương phẩm (1 năm 3 lứa)	Liều/con /lứa	12	DTV (2x3), CGC (2x3)	
b	Vắc xin cho thủy cầm sinh sản	Liều/con	08	DTV (4), CGC (4)	
c	Vắc xin cho gà thương phẩm (1 năm 3 lứa)	Liều/con /lứa	15	Niu-cát-xon (3x3); CGC (2x3)	

d	Vắc xin cho gà sinh sản	Liều/con	08	CGC (4); Niu-cát-xơn (4)
2.1.2	<i>Hoá chất sát trùng</i>			
a	Mô hình chăn nuôi gia cầm sinh sản	Lít/con	02	
b	Mô hình chăn nuôi gia cầm thương phẩm	Lít/con	01	
2.2	<i>Mô hình an toàn dịch bệnh trên lợn</i>			
2.2.1	<i>Vắc xin</i>			
a	Vắc xin phòng bệnh cho lợn sinh sản	Liều/con/năm	06	DTLCĐ (3), LMLM (3)
b	Vắc xin phòng bệnh cho mô hình chăn nuôi lợn thương phẩm (1 năm 2 lứa)	Liều/con/lứa	08	DTLCĐ (2x2), LMLM (2x2)
2.2.2	<i>Hoá chất sát trùng</i>			Dung dịch pha loãng theo quy định
a	Mô hình chăn nuôi lợn sinh sản	Lít/con	40	
b	Mô hình chăn nuôi lợn thương phẩm	Lít/con	20	
3. Định mức lấy mẫu, xét nghiệm và chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh cấp huyện				
3.1	Vật tư, dụng cụ lấy mẫu xét nghiệm	Lần/năm	02	
3.2	Lấy mẫu, gửi mẫu đến phòng xét nghiệm	Lần/năm	02	
3.3	Định lượng kháng thể	Mẫu/xã	81	
3.4	Giám sát lưu hành vi rút	Mẫu/chợ (xã)	30	
3.5	Thẩm định, đánh giá vùng an toàn dịch bệnh	Lần/năm	02	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	04	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	02		

D. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

E. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

33. Liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm

A. Định mức lao động (Áp dụng cho 03 cơ sở)

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức hỗ trợ liên kết (Áp dụng cho 01 chuỗi)

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	<i>Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết</i>				
1.1	<i>Tư vấn xây dựng liên kết</i>			Theo thực tế và chế độ hiện hành	
1.2	<i>Xây dựng chuỗi</i>				
	Kết nối các thành viên	Lần	05	Tổ chức các cuộc họp	
	Thành lập HTX, THT... (liên kết ngang)	Lần	03		
	Xây dựng quy chế hoạt động	Lần	01		
	Thống nhất nguyên tắc tổ chức, hoạt động, quyền, nghĩa vụ của các thành viên	Lần	02		
	Xúc tiến thương mại	Lần	05		
	Triển khai mở rộng thị trường	Lần	05		
2	<i>Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết</i>				
	Máy móc, trang thiết bị, nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm			Theo thực tế và chế độ hiện hành	
3	<i>Hỗ trợ vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm</i>				≤ 40%
	Bao bì, nhãn mác sản phẩm	Chu kỳ sản xuất			

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

D. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

E. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

34. Hỗ trợ chứng nhận thực hành nông nghiệp tốt, ATTP, hữu cơ, OCOP

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/điểm trình diễn

B. Định mức hỗ trợ chứng nhận (*Áp dụng chứng nhận cho 01 cơ sở/hộ*)

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	<i>Thực hành nông nghiệp tốt</i>				
1.1	Tư vấn, hướng dẫn	Lần	01	Chi phí theo thực tế và chế độ hiện hành	
1.2	Chứng nhận thực hành nông nghiệp tốt	Lần	02	Chi phí theo thực tế và chế độ hiện hành	
2	<i>An toàn thực phẩm</i>				
2.1	Tư vấn, hướng dẫn	Lần	01	Chi phí theo thực tế và chế độ hiện hành (TCVN 5603:2008 hoặc TCVN ISO 22000:2018)	
2.2	Chứng nhận An toàn thực phẩm	Lần	02	Chi phí theo thực tế và chế độ hiện hành (TCVN 5603:2008 hoặc TCVN ISO 22000:2018)	
3	<i>Nông nghiệp hữu cơ</i>				
3.1	Tư vấn cơ sở xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn hữu cơ	Lần	01	Chi phí theo thực tế và chế độ hiện hành. Áp dụng tiêu chuẩn hữu cơ TCVN 11041:2017 trong sản xuất, chế biến, ghi nhãn sản phẩm	

3.2	Chứng nhận nông nghiệp hữu cơ	Lần	02	Chi phí theo thực tế và chế độ hiện hành. Chứng nhận quá trình sản xuất, chế biến, ghi nhãn sản phẩm của cơ sở phù hợp tiêu chuẩn TCVN 11041:2017
4	<i>Chứng nhận sản phẩm OCOP</i>			
4.1	Tư vấn, hướng dẫn	Lần	01	Chi phí theo thực tế và chế độ hiện hành. Theo Quyết định số 1048/QĐ-TTg ngày 21/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm chương trình mỗi xã một sản phẩm. Theo TCVN 5603:2008 hoặc TCVN ISO 22000:2018.
4.2	Chứng nhận sản phẩm OCOP	Lần	02	Sản phẩm OCOP đạt hạng 3 sao trở lên Là sản phẩm cấp tỉnh, cấp quốc gia

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

D. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		

	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		
--	---------------------	------	-----	--	--

E. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biên báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

Căn cứ xây dựng định mức:

A. Định mức lao động:

- Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN_KN ngày 24/2/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT). Phụ lục II. (Theo từng định mức chăn nuôi)

B. Định mức máy móc, thiết bị.

- Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/2/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT). Phụ lục II. (Theo từng định mức chăn nuôi)

C. Định mức giống, vật tư; D. Định mức triển khai

- Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/2/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT). Phụ lục II. (Đã ghi chú trong từng định mức)

- Theo Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND tỉnh Điện Biên ngày 19/1/2021 Quyết định ban hành nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động Khuyến nông trên địa bàn tỉnh Điện Biên. (Đã ghi chú trong từng định mức).

- Theo Quyết định số 1107/QĐ-UBND ngày 04/5/2018 của UBND tỉnh Hoà Bình ban hành định mức Kinh tế Kỹ thuật áp dụng trong mô hình nông lâm thủy sản Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Hoà Bình (định mức chăn nuôi lợn rừng lai).

- Theo Quyết định số 663/QĐ-BNN-KN ngày 03/2/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.

D. Định mức đào tạo tập huấn

- Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/2/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT). Phụ lục 7. Trang 10

E. Định mức thông tin truyền truyền

- Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN_KN ngày 24/2/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT). Phụ lục 6.

MỤC LỤC
ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT KHUYẾN NÔNG
Lĩnh vực: Thủy sản

PHỤ LỤC III.....	3
ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT KHUYẾN NÔNG.....	3
LĨNH VỰC: THỦY SẢN.....	3
1. Nuôi cá trắm đen trong ao/hồ.....	3
2. Nuôi cá trắm đen trong lồng/bè	5
3. Nuôi cá Bống trong lồng/bè	7
4. Nuôi cá Lóc bông trong lồng/bè	9
5. Nuôi cá Lóc bông trong ao/hồ.....	11
6. Nuôi cá rô đồng trong ao/hồ	13
7. Nuôi Ba ba trong ao/bể	15
8. Nuôi Éch trong bể/lồng bè	17
9. Nuôi cá rô phi/Diêu hồng trong lồng bè	19
10. Nuôi cá rô phi/Diêu hồng thâm canh trong ao/hồ	21
11. Nuôi cá rô phi/Diêu hồng bán thâm canh trong ao/hồ	23
12. Nuôi ghép cá rô phi/Diêu hồng là chính trong ao/hồ	25
13. Nuôi cá Trắm cỏ trong lồng/bè.....	27
14. Nuôi ghép cá Trắm cỏ là chính trong ao/hồ.....	29
15. Nuôi ghép cá Chép là chính trong ao/hồ.....	31
16. Nuôi cá Chim trắng trong ao/hồ.....	33
17. Nuôi cá Trê trong ao/hồ	35
18. Nuôi cá Nheo mỹ trong lồng/bè.....	37
19. Nuôi cá Lăng nha trong lồng/bè.....	39
20. Nuôi cá Lăng chấm trong lồng/bè.....	41
21. Nuôi cá Lăng chấm trong ao/hồ.....	43
22. Nuôi cá Chiên trong lồng/bè	45
23. Nuôi Lươn trong bể.....	47
24. Nuôi cá Chình nước ngọt trong bể.....	49

25. Nuôi cá Chình nước ngọt trong lồng/bè.....	51
26. Nuôi cá Tầm trong lồng/bè	53
27. Nuôi cá Tầm trong ao/bể.....	55
28. Nuôi cá Chép giòn trong lồng/bè	57
29. Nuôi cá Chép giòn trong ao/hồ	59
30. Nuôi cá Trắm giòn trong lồng/bè.....	61
31. Nuôi cá Trắm giòn trong ao/hồ.....	63
32. Nuôi cá Chạch thương phẩm trong ao/hồ	65
33. Nuôi cá Ngạnh trong lồng/bè	67
34. Nuôi ốc nhồi (ốc bươu đồng) trong ao/hồ.....	69
35. Nuôi ốc nhồi (ốc bươu đồng) trong bể.....	71

Phụ lục III
ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT KHUYẾN NÔNG
LĨNH VỰC: THỦY SẢN

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình)

1. Nuôi cá trắm đen trong ao/hồ

Quy mô áp dụng cho: 01 ha

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Máy	03-04		
6	Dụng cụ: thuyền, chài, lưới, xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02		
7	Sử dụng các dịch vụ khác: thuê lưới, máy nạo vét, gia cố bờ ao..				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Cá Trắm đen	Con/m ²	1	- Cỡ giống: 200 -500 gr/con - Cá khỏe mạnh, đều cỡ, không trầy xước, dị hình - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1.8	- Hàm lượng đạm ≥ 25% - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Hạn sử dụng ≤ 3 tháng.	

3	Thuốc phòng bệnh, hóa chất, chế phẩm sinh học..			Đảm bảo yêu cầu chất lượng, theo quy định hiện hành	
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường...)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			≤ 30 người/lớp	
	Số lần	Lần	01-02		
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01-02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biên báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

2. Nuôi cá trắm đen trong lồng/bè

Quy mô áp dụng cho: $500m^3$

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ hướng dẫn chi đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy bơm nước	Bộ/ mô hình	02-03	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Dụng cụ: thuyền, xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02		
6	Hệ thống lồng	Theo quy trình kỹ thuật, tiến bộ kỹ thuật được công nhận, phù hợp với quy mô mô hình			

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Cá Trắm đen	Con/ m^3	10-15	- Cỡ giống: 0,8-1 kg/con; - Cá khỏe mạnh, đều cỡ, không trầy xước, dị hình - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 3.0	- Hàm lượng đạm $\geq 38\%$ - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Hạn sử dụng ≤ 3 tháng	

3	Thuốc phòng bệnh, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu chất lượng, theo quy định hiện hành	
4	Vật tư thiết yếu khác testkit bệnh, môi trường.			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			≤ 30 người/lớp	
	Số lần	Lần	01-02		
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01-02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...		hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

3. Nuôi cá Bống trong lồng/bè

Quy mô áp dụng cho: $500m^3$

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ hướng dẫn chi đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	24	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy bơm nước	Bộ/ mô hình	02-03	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Dụng cụ: thuyền, xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02		
6	Hệ thống lồng	Theo quy trình kỹ thuật, tiến bộ kỹ thuật được công nhận, phù hợp với quy mô mô hình			

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Cá Bống	Con/ m^3	10-15	- Cỡ giống: 6-10 cm/con - Cá khỏe mạnh, đều cỡ, không trầy xước, dị hình - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 2.0	- Hàm lượng đạm $\geq 30\%$ - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Hạn sử dụng ≤ 3 tháng	

3	Thuốc phòng bệnh, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu chất lượng, theo quy định hiện hành	
4	Vật tư thiết yếu khác testkit bệnh, môi trường.			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			≤ 30 người/lớp	
	Số lần	Lần	01-02		
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01-02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biên báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...		hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

4. Nuôi cá Lóc bông trong lồng/bè

Quy mô áp dụng cho: 500m³

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy bơm nước	Bộ/ mô hình	02-03	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: thuyền, xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02		
5	Hệ thống lồng	Theo quy trình kỹ thuật, tiến bộ kỹ thuật được công nhận, phù hợp với quy mô mô hình			

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Cá Lóc bông	Con/m ³	130	- Cỡ giống: ≥ 8 cm/con; - Cá khỏe mạnh, đều cỡ, không trầy xước, dị hình - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn	FCR	≤ 4.0	- Cá tạp đảm bảo chất lượng, kích cỡ phù hợp với giai đoạn phát triển của cá	

3	Thuốc phòng bệnh, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu chất lượng, theo quy định hiện hành	
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường...)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			≤ 30 người/lớp	
	Số lần	Lần	01-02		
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01-02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biên báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...		hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

5. Nuôi cá Lóc bông trong ao/hồ

Quy mô áp dụng cho: 01ha

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Máy	02-03		
6	Dụng cụ: thuyền, chài, lưới, xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02		
7	Sử dụng các dịch vụ khác: thuê lưới, máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Cá Lóc bông	Con/m ²	10	- Cỡ giống: ≥ 8 cm/con - Cá khỏe mạnh, đều cỡ, không trầy xước, dị hình - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn	FCR	≤ 4.0	- Cá tạp đảm bảo chất lượng, kích cỡ phù hợp với giai đoạn phát triển của cá	

3	Thuốc phòng bệnh, hóa chất, chế phẩm sinh học..			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành	
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường...)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			≤ 30 người/lớp	
	Số lần	Lần	01-02		
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01-02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

6. Nuôi cá rô đồng trong ao/hồ

Quy mô áp dụng cho: 01ha

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Máy	02-03		
6	Dụng cụ: thuyền, chài, lưới, xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02		
7	Sử dụng các dịch vụ khác: thuê lưới, máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Cá rô đồng	Con/m ²	50	- Cỡ giống: ≥ 5 cm/con - Cá khỏe mạnh, đều cỡ, không trầy xước, dị hình - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 2.0	- Hàm lượng đạm $\geq 25\%$ - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Hạn sử dụng ≤ 3 tháng	

3	Thuốc phòng bệnh, hóa chất, chế phẩm sinh học..			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành	
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường...)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			≤ 30 người/lớp	
	Số lần	Lần	01-02		
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01-02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

7. Nuôi Ba ba trong ao/bể

Quy mô áp dụng cho: 500m³

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ hướng dẫn chi đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: thuyền, chài, lưới, xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02		
5	Sử dụng các dịch vụ khác: thuê lưới, máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Ba ba	Con/m ²	2	- Cỡ giống: ≥ 100 gr/con; - Ba ba khỏe mạnh, đều cỡ, không trầy xước, dị hình; - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn	FCR	≤ 10	- Cá tạp đảm bảo chất lượng, kích cỡ phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Ba ba	

3	Thuốc phòng bệnh, hóa chất, chế phẩm sinh học..			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành	
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường...)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			≤ 30 người/lớp	
	Số lần	Lần	01-02		
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01-02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

8. Nuôi Ếch trong bể/lồng bè

Quy mô áp dụng cho: 500m³

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: Xô, chậu, vợt..	Bộ	01-02		
5	Hệ thống lồng	Theo quy trình kỹ thuật, tiến bộ kỹ thuật được công nhận, phù hợp với quy mô mô hình			

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Ếch	Con/m ³	80	- Cỡ giống: ≥ 20 gr/con; - Ếch khỏe mạnh, đều cỡ, không trầy xước, dị hình; - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1.8	- Hàm lượng đạm $\geq 25\%$ - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Hạn sử dụng ≤ 3 tháng	

3	Thuốc phòng bệnh, hóa chất, chế phẩm sinh học..			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành	
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường...)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			≤ 30 người/lớp	
	Số lần	Lần	01-02		
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01-02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

9. Nuôi cá rô phi/Điêu hồng trong lồng bè

Quy mô áp dụng cho: 500m³

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	7	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: Thuyền, chài lưới, xô, chậu, vợt..	Bộ	01-02		
5	Hệ thống lồng	Theo quy trình kỹ thuật, tiến bộ kỹ thuật được công nhận, phù hợp với quy mô mô hình			

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Cá rô phi/Điêu hồng	Con/m ³	100	- Cỡ giống: ≥ 6 cm/con; - Cá khỏe mạnh, đều cỡ, không trầy xước, dị hình; - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1.8	- Hàm lượng đạm $\geq 24\%$ - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Hạn sử dụng ≤ 3 tháng	

3	Thuốc phòng bệnh, hóa chất, chế phẩm sinh học..			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành	
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường...)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			≤ 30 người/lớp	
	Số lần	Lần	01-02		
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01-02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

10. Nuôi cá rô phi/Điêu hồng thâm canh trong ao/hồ

Quy mô áp dụng cho: 01ha

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Máy	02-03		
6	Dụng cụ: thuyền, chài, lưới, xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02		
7	Sử dụng các dịch vụ khác: thuê lưới, máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Cá rô phi/Điêu hồng	Con/m ²	5-7	- Cỡ giống: ≥ 7 gr/con - Cá khỏe mạnh, đều cỡ, không trầy xước, dị hình - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1.3	- Hàm lượng đạm $\geq 28\%$ - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Hạn sử dụng ≤ 3 tháng	

3	Thuốc phòng bệnh, hóa chất, chế phẩm sinh học..			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành	
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường...)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			≤ 30 người/lớp	
	Số lần	Lần	01-02		
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01-02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

11. Nuôi cá rô phi/Diêu hồng bán thâm canh trong ao/hồ

Quy mô áp dụng cho: 01ha

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Máy	02-03		
6	Dụng cụ: thuyền, chài, lưới, xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02		
7	Sử dụng các dịch vụ khác: thuê lưới, máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Cá rô phi/Diêu hồng	Con/m ²	2,5	- Cỡ giống: ≥ 5 gr/con - Cá khỏe mạnh, đều cỡ, không trầy xước, dị hình - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1.5	- Hàm lượng đạm $\geq 24\%$ - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Hạn sử dụng ≤ 3 tháng	

3	Thuốc phòng bệnh, hóa chất, chế phẩm sinh học..			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành	
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường...)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			≤ 30 người/lớp	
	Số lần	Lần	01-02		
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01-02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

12. Nuôi ghép cá rô phi/Điêu hồng là chính trong ao/hồ

Quy mô áp dụng cho: 01ha

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ hướng dẫn chi đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Máy	02-03		
6	Dụng cụ: thuyền, chài, lưới, xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02		
7	Sử dụng các dịch vụ khác: thuê lưới, máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tỷ lệ ghép cá rô phi/Điêu hồng $\geq 50\%$	Con/m ²	2,5	- Cỡ giống: Cá rô phi/Điêu hồng, Chép, Chim trắng ≥ 4 cm/con; Cá Trắm cỏ, Mè, Trôi, Trắm đen ≥ 12 cm/con - Cá khỏe mạnh, đều cỡ, không trầy xước, dị hình - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1.5	- Hàm lượng đạm $\geq 24\%$ - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Hạn sử dụng ≤ 3 tháng	

3	Thuốc phòng bệnh, hóa chất, chế phẩm sinh học..			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành	
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường...)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			≤ 30 người/lớp	
	Số lần	Lần	01-02		
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01-02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

13. Nuôi cá Trắm cỏ trong lồng/bè

Quy mô áp dụng cho: 500m³

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ hướng dẫn chi đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: thuyền, xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02		
7	Hệ thống lồng	Theo quy trình kỹ thuật, tiến bộ kỹ thuật được công nhận, phù hợp với quy mô mô hình			

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Cá Trắm cỏ	Con/m ³	20-30	- Cỡ giống: 300-50 gr/con - Cá khỏe mạnh, đều cỡ, không trầy xước, dị hình - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn	FCR	≤ 45	- Thức ăn xanh, đảm bảo chất lượng, kích cỡ phù hợp với giai đoạn phát triển của cá	

3	Thuốc phòng bệnh, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu chất lượng, theo quy định hiện hành	
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường...)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			≤ 30 người/lớp	
	Số lần	Lần	01-02		
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01-02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

14. Nuôi ghép cá Trắm cỏ là chính trong ao/hồ

Quy mô áp dụng cho: 01ha

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ hướng dẫn chi đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Máy	02-03		
6	Dụng cụ: thuyền, chài, lưới, xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02		
7	Sử dụng các dịch vụ khác: thuê lưới, máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tỷ lệ ghép cá Trắm cỏ $\geq 50\%$	Con/m ²	2,5	- Cỡ giống: Cá rô phi/Diêu hồng, Chép, Chim trắng ≥ 4 cm/con; Cá Trắm cỏ, Mè, Trôi, Trắm đen ≥ 12 cm/con - Cá khỏe mạnh, đều cỡ, không trầy xước, dị hình - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1.2	- Hàm lượng đạm $\geq 24\%$ - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Hạn sử dụng ≤ 3 tháng	

3	Thuốc phòng bệnh, hóa chất, chế phẩm sinh học..			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành	
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường...)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			≤ 30 người/lớp	
	Số lần	Lần	01-02		
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01-02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

15. Nuôi ghép cá Chép là chính trong ao/hồ

Quy mô áp dụng cho: 01ha

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ hướng dẫn chi đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Máy	02-03		
6	Dụng cụ: thuyền, chài, lưới, xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02		
7	Sử dụng các dịch vụ khác: thuê lưới, máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tỷ lệ ghép cá Chép $\geq 50\%$	Con/m ²	3	- Cỡ giống: Cá rô phi/Diêu hồng, Chép, Chim trắng ≥ 4 cm/con; Cá Trắm cỏ, Mè, Trôi, Trắm đen ≥ 12 cm/con - Cá khỏe mạnh, đều cỡ, không trầy xước, dị hình - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1.5	- Hàm lượng đạm $\geq 24\%$ - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Hạn sử dụng ≤ 3 tháng	

3	Thuốc phòng bệnh, hóa chất, chế phẩm sinh học..			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành	
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường...)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			≤ 30 người/lớp	
	Số lần	Lần	01-02		
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01-02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

16. Nuôi cá Chim trắng trong ao/hồ

Quy mô áp dụng cho: 01ha

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Máy	02-03		
6	Dụng cụ: thuyền, chài, lưới, xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02		
7	Sử dụng các dịch vụ khác: thuê lưới, máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Cá Chim trắng $\geq 50\%$	Con/m ²	2-4	- Cỡ giống: ≥ 4 cm/con; - Cá khỏe mạnh, đều cỡ, không trầy xước, dị hình - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1.8	- Hàm lượng đạm $\geq 25\%$ - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Hạn sử dụng ≤ 3 tháng	

3	Thuốc phòng bệnh, hóa chất, chế phẩm sinh học..			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành	
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường...)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			≤ 30 người/lớp	
	Số lần	Lần	01-02		
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01-02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

17. Nuôi cá Trê trong ao/hồ

Quy mô áp dụng cho: 01ha

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ hướng dẫn chi đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Máy	02-03		
6	Dụng cụ: thuyền, chài, lưới, xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02		
7	Sử dụng các dịch vụ khác: thuê lưới, máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Cá Trê	Con/m ²	20	- Cỡ giống: 3-5cm/con - Cá khỏe mạnh, đều cỡ, không trầy xước, dị hình - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1.8	- Hàm lượng đạm ≥ 18% - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Hạn sử dụng ≤ 3 tháng	

3	Thuốc phòng bệnh, hóa chất, chế phẩm sinh học..			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành	
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường...)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			≤ 30 người/lớp	
	Số lần	Lần	01-02		
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01-02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

18. Nuôi cá Nheo mỹ trong lồng/bè

Quy mô áp dụng cho: 500m³

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: thuyền, xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02		
5	Hệ thống lồng	Theo quy trình kỹ thuật, tiến bộ kỹ thuật được công nhận, phù hợp với quy mô mô hình			

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Cá Nheo mỹ	Con/m ³	10	- Cỡ giống: ≥ 10 cm/con - Cá khỏe mạnh, đều cỡ, không trầy xước, dị hình - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 2.0	- Hàm lượng đạm $\geq 30\%$ - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Hạn sử dụng ≤ 3 tháng	
3	Thuốc phòng bệnh, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu chất lượng, theo quy định hiện hành	

4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường...)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	
---	--	--	--	--	--

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			≤ 30 người/lớp	
	Số lần	Lần	01-02		
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01-02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

19. Nuôi cá Lăng nha trong lồng/bè

Quy mô áp dụng cho: $500m^3$

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	11	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: thuyền, xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02		
5	Hệ thống lồng	Theo quy trình kỹ thuật, tiến bộ kỹ thuật được công nhận, phù hợp với quy mô mô hình			

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Cá Lăng nha	Con/ m^3	20	- Cỡ giống: ≥ 15 cm/con - Cá khỏe mạnh, đều cỡ, không trầy xước, dị hình - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 2.0	- Hàm lượng đạm $\geq 35\%$ - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Hạn sử dụng ≤ 3 tháng	

3	Thuốc phòng bệnh, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu chất lượng, theo quy định hiện hành	
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường...)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			≤ 30 người/lớp	
	Số lần	Lần	01-02		
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01-02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

20. Nuôi cá Lăng chấm trong lồng/bè

Quy mô áp dụng cho: 500m³

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	11	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: thuyền, xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02		
5	Hệ thống lồng	Theo quy trình kỹ thuật, tiến bộ kỹ thuật được công nhận, phù hợp với quy mô mô hình			

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Cá Lăng chấm	Con/m ³	10	- Cỡ giống: 200-300 gr/con - Cá khỏe mạnh, đều cỡ, không trầy xước, dị hình - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn Cá tạp và phối trộn	FCR	≤ 4.5	- Đảm bảo chất lượng, không pha trộn các chất cấm sử dụng trong nuôi thủy sản - Được chế biến và bảo quản đúng quy định	

3	Thuốc phòng bệnh, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu chất lượng, theo quy định hiện hành	
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường...)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			≤ 30 người/lớp	
	Số lần	Lần	01-02		
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01-02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

21. Nuôi cá Lăng chấm trong ao/hồ

Quy mô áp dụng cho: 01ha

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Máy	02-03		
6	Dụng cụ: thuyền, chài, lưới, xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02		
7	Sử dụng các dịch vụ khác: thuê lưới, máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Cá Lăng chấm	Con/m ²	0,3-0,5	- Cỡ giống: 200-300 gr/con - Cá khỏe mạnh, đều cỡ, không trầy xước, dị hình - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn Cá tạp và phối trộn	FCR	≤ 4.5	- Đảm bảo chất lượng, không pha trộn các chất cấm sử dụng trong nuôi thủy sản - Được chế biến và bảo quản đúng quy định	
	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1.7	- Hàm lượng đạm 28-35% - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh	

				của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Hạn sử dụng ≤ 3 tháng	
3	Thuốc phòng bệnh, hóa chất, chế phẩm sinh học..			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành	
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường...)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			≤ 30 người/lớp	
	Số lần	Lần	01-02		
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01-02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

22. Nuôi cá Chiên trong lồng/bè

Quy mô áp dụng cho: 500m³

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: thuyền, xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02		
5	Hệ thống lồng	Theo quy trình kỹ thuật, tiến bộ kỹ thuật được công nhận, phù hợp với quy mô mô hình			

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Cá Chiên	Con/m ³	18-20	- Cỡ giống: ≥ 100 gr/con -- Cá khỏe mạnh, đều cỡ, không trầy xước, dị hình - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn Cá tạp và phối trộn	FCR	≤ 4.0	- Đảm bảo chất lượng, không pha trộn các chất cấm sử dụng trong nuôi thủy sản - Được chế biến và bảo quản đúng quy định	

3	Thuốc phòng bệnh, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu chất lượng, theo quy định hiện hành	
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường...)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			≤ 30 người/lớp	
	Số lần	Lần	01-02		
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01-02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

23. Nuôi Lươn trong bể

Quy mô áp dụng cho: 500m²

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: Xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02		
5	Hệ thống bể	Theo quy trình kỹ thuật, tiến bộ kỹ thuật được công nhận, phù hợp với quy mô mô hình			

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lươn giống	Con/m ²	60	- Cỡ giống: ≥ 15 cm/con - Lươn khỏe mạnh, đều cỡ, không trầy xước, dị hình - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 4.0	- Hàm lượng đạm $\geq 20\%$ - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Hạn sử dụng ≤ 3 tháng	

3	Thuốc phòng bệnh, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu chất lượng, theo quy định hiện hành	
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường...)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			≤ 30 người/lớp	
	Số lần	Lần	01-02		
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01-02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

24. Nuôi cá Chình nước ngọt trong bể

Quy mô áp dụng cho: 500m²

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: Xô, chậu, lưới, vợt...	Bộ	01-02		
5	Hệ thống bể	Theo quy trình kỹ thuật, tiến bộ kỹ thuật được công nhận, phù hợp với quy mô mô hình			

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Cá Chình nước ngọt	Con/m ²	10	- Cỡ giống: ≥ 100 gr/con - Cá khỏe mạnh, đều cỡ, không trầy xước, dị hình - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn cá tạp	FCR	≤ 10	- Đảm bảo chất lượng, kích cỡ phù hợp với giai đoạn phát triển của cá	

3	Thuốc phòng bệnh, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu chất lượng, theo quy định hiện hành	
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường...)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			≤ 30 người/lớp	
	Số lần	Lần	01-02		
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01-02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

25. Nuôi cá Chình nước ngọt trong lồng/bè

Quy mô áp dụng cho: 500m³

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: thuyền, xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02		
5	Hệ thống lồng	Theo quy trình kỹ thuật, tiến bộ kỹ thuật được công nhận, phù hợp với quy mô mô hình			

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Cá Chình nước ngọt	Con/m ³	20	- Cỡ giống: ≥ 100 gr/con - Cá khỏe mạnh, đều cỡ, không trầy xước, dị hình - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn Cá tạp và phối trộn	FCR	≤ 10	- Đảm bảo chất lượng, không pha trộn các chất cấm sử dụng trong nuôi thủy sản - Được chế biến và bảo quản đúng quy định	

3	Thuốc phòng bệnh, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu chất lượng, theo quy định hiện hành	
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường...)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			≤ 30 người/lớp	
	Số lần	Lần	01-02		
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01-02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

26. Nuôi cá Tầm trong lồng/bè

Quy mô áp dụng cho: 500m³

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: thuyền, xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02		
5	Hệ thống lồng	Theo quy trình kỹ thuật, tiến bộ kỹ thuật được công nhận, phù hợp với quy mô mô hình			

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Cá Tầm	Con/m ³	≥ 5	- Cỡ giống: ≥ 50 gr/con - Cá khỏe mạnh, đều cỡ, không trầy xước, dị hình - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1.8	- Hàm lượng đạm ≥ 35% - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Hạn sử dụng ≤ 3 tháng	

3	Thuốc phòng bệnh, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu chất lượng, theo quy định hiện hành	
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường...)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			≤ 30 người/lớp	
	Số lần	Lần	01-02		
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01-02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

27. Nuôi cá Tầm trong ao/bể

Quy mô áp dụng cho: 500m²

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: Xô, chậu, lưới, vợt...	Bộ	01-02		
5	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới, thuê máy nạo vét bờ, gia cố bờ ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Cá Tầm	Con/m ²	≥ 8	- Cỡ giống: ≥ 50 gr/con - Cá khỏe mạnh, đều cỡ, không trầy xước, dị hình - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1.8	- Hàm lượng đạm ≥ 35% - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Hạn sử dụng ≤ 3 tháng	

3	Thuốc phòng bệnh, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu chất lượng, theo quy định hiện hành	
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường...)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			≤ 30 người/lớp	
	Số lần	Lần	01-02		
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01-02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

28. Nuôi cá Chép giòn trong lồng/bè

Quy mô áp dụng cho: 500m³

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: thuyền, xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02		
5	Hệ thống lồng	Theo quy trình kỹ thuật, tiến bộ kỹ thuật được công nhận, phù hợp với quy mô mô hình			

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Cá Chép	Con/m ³	5	- Cỡ giống: ≥ 1.000 gr/con - Cá khỏe mạnh, đều cỡ, không trầy xước, dị hình - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn Đậu tằm	FCR	≤ 1.8	- Đảm bảo chất lượng, phù hợp với giai đoạn phát triển của cá	

3	Thuốc phòng bệnh, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu chất lượng, theo quy định hiện hành	
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường...)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			≤ 30 người/lớp	
	Số lần	Lần	01-02		
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01-02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

29. Nuôi cá Chép giòn trong ao/hồ

Quy mô áp dụng cho: 01ha

A. Định mức công lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Máy	02-03		
6	Dụng cụ: thuyền, chài, lưới, xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02		
7	Sử dụng các dịch vụ khác: thuê lưới, máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Cá Chép	Con/m ²	1	- Cỡ giống: ≥ 1.000 gr/con - Cá khỏe mạnh, đều cỡ, không trầy xước, dị hình - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn Đậu tằm	FCR	≤ 1.8	- Đảm bảo chất lượng, phù hợp với giai đoạn phát triển của cá	

3	Thuốc phòng bệnh, hóa chất, chế phẩm sinh học..			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành	
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường...)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			≤ 30 người/lớp	
	Số lần	Lần	01-02		
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01-02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

30. Nuôi cá Trắm giòn trong lồng/bè

Quy mô áp dụng cho: 500m³

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: thuyền, xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02		
5	Hệ thống lồng	Theo quy trình kỹ thuật, tiến bộ kỹ thuật được công nhận, phù hợp với quy mô mô hình			

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Cá Trắm	Con/m ³	5	- Cỡ giống: ≥ 1.500 gr/con - Cá khỏe mạnh, đều cỡ, không trầy xước, dị hình - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn Đậu tằm	FCR	≤ 1.7	- Đảm bảo chất lượng, phù hợp với giai đoạn phát triển của cá	

3	Thuốc phòng bệnh, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu chất lượng, theo quy định hiện hành	
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường...)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			≤ 30 người/lớp	
	Số lần	Lần	01-02		
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01-02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

31. Nuôi cá Trắm giòn trong ao/hồ

Quy mô áp dụng cho: 01 ha

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Máy	02-03		
6	Dụng cụ: thuyền, chài, lưới, xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02		
7	Sử dụng các dịch vụ khác: thuê lưới, máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Cá Trắm	Con/m ²	1	- Cỡ giống: ≥ 1.500 gr/con - Cá khỏe mạnh, đều cỡ, không trầy xước, dị hình - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn Đậu tằm	FCR	≤ 1.8	- Đảm bảo chất lượng, phù hợp với giai đoạn phát triển của cá	

3	Thuốc phòng bệnh, hóa chất, chế phẩm sinh học..			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành	
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường...)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			≤ 30 người/lớp	
	Số lần	Lần	01-02		
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01-02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

32. Nuôi cá Chạch thương phẩm trong ao/hồ

Quy mô áp dụng cho: 01ha

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Máy	02-03		
6	Dụng cụ: thuyền, chài, lưới, xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02		
7	Sử dụng các dịch vụ khác: thuê lưới, máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Cá Chạch	Con/m ²	≤ 60	- Cỡ giống: ≥ 5 cm/con; - Cá khỏe mạnh, đều cỡ, không trầy xước, dị hình - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1.8	- Hàm lượng đạm ≥ 30% - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Hạn sử dụng ≤ 3 tháng	

3	Thuốc phòng bệnh, hóa chất, chế phẩm sinh học..			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành	
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường...)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			≤ 30 người/lớp	
	Số lần	Lần	01-02		
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01-02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

33. Nuôi cá Ngạnh trong lồng/bè

Quy mô áp dụng cho: 500m³

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: thuyền, xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02		
5	Hệ thống lồng	Theo quy trình kỹ thuật, tiến bộ kỹ thuật được công nhận, phù hợp với quy mô mô hình			

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Cá Ngạnh	Con/m ³	10	- Cỡ giống: 40-50 gr/con - Cá khỏe mạnh, đều cỡ, không trầy xước, dị hình - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 2.0	- Hàm lượng đạm ≥ 40% - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Hạn sử dụng ≤ 3 tháng	
3	Thuốc phòng bệnh, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu chất lượng, theo quy định hiện hành	

4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường...)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	
---	--	--	--	--	--

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			≤ 30 người/lớp	
	Số lần	Lần	01-02		
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01-02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

34. Nuôi ốc nhồi (ốc bươu đồng) trong ao/hồ

Quy mô áp dụng cho: 01ha

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: thuyền, chài, lưới, xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02		
5	Sử dụng các dịch vụ khác: thuê lưới, máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Ốc nhồi	Con/m ²	≤ 100	- Cỡ giống: ≥ 0,5cm/con; - Ốc khỏe mạnh, đều cỡ, không dập vỡ - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 2.0	- Hàm lượng đạm ≥ 25% - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Hạn sử dụng ≤ 3 tháng	
	Thức ăn xanh	FCR	≤ 5.0	- Đảm bảo chất lượng, phù hợp với giai đoạn phát triển của ốc	

3	Thuốc phòng bệnh, hóa chất, chế phẩm sinh học..			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành	
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường...)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			≤ 30 người/lớp	
	Số lần	Lần	01-02		
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01-02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

35. Nuôi ốc nhồi (ốc bươu đồng) trong bể

Quy mô áp dụng cho: 500m²

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02		
5	Hệ thống bể				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Ốc nhồi	Con/m ³	≤ 150	- Cỡ giống: ≥ 0,5cm/con; - Ốc khỏe mạnh, đều cỡ, không dập vỡ vỏ - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn công nghiệp, hoặc thức ăn chế biến	FCR	≤ 2.0	- Hàm lượng đạm ≥ 25% - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Hạn sử dụng ≤ 3 tháng	
3	Thuốc phòng bệnh, hóa chất, chế phẩm sinh học..			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành	

4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường...)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	
---	--	--	--	--	--

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			≤ 30 người/lớp	
	Số lần	Lần	01-02		
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	01		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01-02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1,5		
	Thời gian tham quan	Ngày	0,5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

MỤC LỤC
ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT KHUYẾN NÔNG
LĨNH VỰC: LÂM NGHIỆP

MỤC LỤC:.....	1
1. Mô hình Trồng cây Bạch đàn, Keo tai tượng, Keo lai.....	3
2. Mô hình Trồng cây Keo lá tràm.....	5
3. Mô hình Trồng cây Sưa.....	7
4. Mô hình Trồng cây Bồ đề, Thông (Thông đuôi ngựa, Thông nhựa, Thông Caribe, Thông ba lá).....	9
5. Mô hình Trồng cây Sa mộc.....	11
6. Mô hình Trồng cây Sồi phẳng.....	13
7. Mô hình Trồng cây Xoan đào	15
8. Mô hình Trồng cây Mỡ	17
9. Mô hình Trồng cây Lát hoa.....	19
10. Mô hình Trồng thâm canh cây Giỏi ăn hạt bằng cây ghép	21
11. Mô hình Trồng cây Lim Xanh	23
12. Mô hình Trồng cây Vối thuốc.....	25
13. Mô hình Trồng thâm canh cây Quế	27
14. Mô hình Trồng thâm canh cây Trám bằng cây ghép	29
15. Mô hình Trồng cây Xoan ta	31
16. Mô hình Trồng cây Téch.....	33
17. Mô hình Trồng cây Gáo	35
18. Mô hình Trồng cây Đàn hương.....	37
19. Mô hình Trồng cây Sáu ghép	39
20. Mô hình Trồng Dó Tràm.....	41
21. Mô hình Trồng cây Giỏi xanh.....	43
22. Mô hình Trồng cây Sao đen.....	45
23. Mô hình Trồng cây Mắc ca theo phương thức trồng thuần	47
24. Mô hình Trồng cây Mắc ca theo phương thức trồng xen	49
25. Mô hình Trồng cây Luồng	51
26. Mô hình Trồng cây Mây nếp.....	53

27. Mô hình Trồng cây Bương Mốc	55
28. Mô hình Trồng cây Tre Điền Trúc (Bát độ).....	57
29. Mô hình Trồng cây Rau Sắng	59
30. Mô hình Trồng cây Giảo cổ lam	61
31. Mô hình Trồng thâm canh cây Ba Kích	63
32. Mô hình Trồng cây Ba Kích dưới tán rừng.....	65
33. Mô hình Trồng cây Đương Quy.....	67
34. Mô hình Trồng cây Đinh Lăng.....	69
35. Mô hình Trồng cây Địa Hoàng	71
36. Mô hình Trồng cây Diệp Hạ Châu.....	73
37. Mô hình Trồng cây Cát Cánh.....	75
38. Mô hình Trồng cây Cát Sâm	77
39. Mô hình Trồng cây Bạch truật	79
40. Mô hình Trồng cây Đảng Sâm.....	81
41. Mô hình Trồng cây Kim Tiền Thảo	83
42. Mô hình Trồng cây Khôi tía.....	85
43. Mô hình Trồng cây Sa nhân tím dưới tán rừng.....	87
44. Mô hình Trồng cây Thảo quả dưới tán rừng.....	89
45. Mô hình Trồng cây Trà hoa vàng.....	91
46. Mô hình Trồng thâm canh cây Gừng	93
47. Mô hình Trồng thâm canh cây Nghệ	95
48. Mô hình Trồng thâm canh cây Xạ Đen.....	97
49. Mô hình trồng thâm canh cây Cà gai leo	99
50. Mô hình Trồng cây Cà gai leo dưới tán rừng.....	101
51. Mô hình Trồng thâm canh cây Tam thất.....	103
52. Mô hình Sấy và bảo quản ván bóc gỗ rừng trồng	105
53. Mô hình vườn ươm giống cây lâm nghiệp.....	108

Phụ lục IV
ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT KHUYẾN NÔNG
LĨNH VỰC: LÂM NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình)

1. Mô hình Trồng cây Bạch đàn, Keo tai tượng, Keo lai

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên. Người/ điểm trình diễn	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^0$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	Cây	1660	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp	
	Giống trồng dặm	Cây	166		
2	Phân bón NPK (5:10:3)			TCCS	
	+ Trồng mới	Kg	332		
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	332		
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	332		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				

	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2		
--	---------------------------	-------	-----	--	--

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biên báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

2. Mô hình Trồng cây Keo lá trà

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^0$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	Cây	1660	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp	
2	Giống trồng dặm	Cây	166		
3	Phân bón NPK (5:10:3)			TCCS	
	+ Trồng mới	Kg	332		
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	332		
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	332		
4	Thuốc môi (DM)	Cây	33.2	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biên báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

3. Mô hình Trồng cây Sưa

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^0$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	Cây	1660	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp	
	Giống trồng dặm	Cây	166		
2	Phân bón NPK(5:10:3)			TCCS	
	+ Trồng mới	Kg	332		
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	332		
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	332		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	1	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biên báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

4. Mô hình Trồng cây Bò đê, Thông (Thông đuôi ngựa, Thông nhựa, Thông Caribe, Thông ba lá)

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^0$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	Cây	2000	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp	
	Giống trồng dặm	Cây	200		
2	Phân bón NPK (5:10:3)			TCCS	
	+ Trồng mới	Kg	400		
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	400		
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	400		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
1	Tập huấn xây dựng mô hình					
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình		
	Thời gian	Ngày	01			
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết					
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2			

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

5. Mô hình Trồng cây Sa mộc

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^{\circ}$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	Cây	2000	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp	
	Giống trồng dặm	Cây	200		
2	Phân bón NPK (5:10:3)			TCCS	
	+ Trồng mới	Kg	400		
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	400		
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	400		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	1	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
	Thời gian	Ngày	01		
2					
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biên báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...		hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

6. Mô hình Trồng cây Sồi phẳng

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^0$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	Cây	1100	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp	
	Giống trồng dặm	Cây	110		
2	Phân bón NPK(5:10:3)			TCCS	
	+ Trồng mới	Kg	330		
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	330		
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	330		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
1	Tập huấn xây dựng mô hình					
	Số lần	Lần	1	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình		
	Thời gian	Ngày	01			
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết					
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2			

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

7. Mô hình Trồng cây Xoan đào

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^0$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	Cây	1100	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp	
	Giống trồng dặm	Cây	110		
2	Phân bón NPK (5:10:3)			TCCS	
	+ Trồng mới	Kg	330		
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	330		
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	330		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

8. Mô hình Trồng cây Mỡ

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^0$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	Cây	2500	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp	
	Giống trồng dặm	Cây	250		
2	Phân bón NPK(5:10:3)			TCCS	
	+ Trồng mới	Kg	500		
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	500		
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	500		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biên báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

9. Mô hình Trồng cây Lát hoa

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^0$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	Cây	1000	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp	
	Giống trồng dặm	Cây	100		
2	Phân bón NPK (5:10:3)			TCCS	
	+ Trồng mới	Kg	200		
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	200		
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	200		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
1	Tập huấn xây dựng mô hình					
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình		
	Thời gian	Ngày	01			
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết					
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2			

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biên báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

10. Mô hình Trồng thâm canh cây Giỏi ăn hạt bằng cây ghép

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^\circ$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	Cây	500	Chiều cao cây giống từ 50-60 cm, trong đó chiều dài của cành ghép ≥ 20 cm.	
	Giống trồng dặm	Cây	50		
2	Phân bón NPK (16:16:8) + Trồng mới + Chăm sóc năm 2 + Chăm sóc năm 3	Kg	250	TCCS	
		Kg	500		
		Kg	500		
4	Phân hữu cơ vi sinh + Trồng mới + Chăm sóc năm 2 + Chăm sóc năm 3	Kg	1000		
		Kg	500		
		Kg	500		
5	Chế phẩm sinh học	Triệu đồng	3		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
	Thời gian	Ngày	01		

2	Hội nghị sơ kết, tổng kết			
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2	

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

11. Mô hình Trồng cây Lim Xanh

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^0$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	Cây	500	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp	
	Giống trồng dặm	Cây	50		
2	Phân bón NPK (5:10:3)			TCCS	
	+ Trồng mới	Kg	100		
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	100		
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	100		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

12. Mô hình Trồng cây Vối thuốc

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^{\circ}$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	Cây	1660	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp	
	Giống trồng dặm	Cây	166		
2	Phân bón NPK (5:10:3)			TCCS	
	+ Trồng mới	Kg	332		
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	332		
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	332		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
1	Tập huấn xây dựng mô hình					
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình		
	Thời gian	Ngày	01			
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết					
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2			

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

13. Mô hình Trồng thâm canh cây Quế

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^0$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	Cây	4444	Cây không sâu bệnh	
	Giống trồng dặm	Cây	444		
2	Phân bón NPK(5:10:3) 0,3kg/cây + Trồng mới, chăm sóc năm 2, năm 3	Kg	1333	TCCS	Áp dụng cho trồng thông thường
	- Hoặc phân vi sinh + Trồng mới 0,5kg/cây	Kg	2222		Áp dụng cho trồng theo hữu cơ
	+ Chăm sóc năm 2, năm 3 (Lượng bón mỗi năm)	Kg	4444		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				

	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2		
--	---------------------------	-------	-----	--	--

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

14. Mô hình Trồng thâm canh cây Trám bằng cây ghép

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 3-6 ha/cán bộ	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^0$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	Cây	500	Chiều cao cây giống từ 50-60 cm, trong đó chiều dài của cành ghép ≥ 20 cm. Cây sinh trưởng tốt, có lá xanh ở dạng bánh tẻ, vết ghép liền sẹo, cây không cong queo, sâu bệnh.	
	Giống trồng dặm	Cây	50		
2	Thuốc chống mối	Kg	10		
3	Phân bón NPK (16:16:8) + Trồng mới	Kg	250	TCCS	
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	500		
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	500		
4	Phân hữu cơ vi sinh + Trồng mới	Kg	1000	Theo TCVN 7185:2002	
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	500		
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	500		
5	Chế phẩm sinh học/ Thuốc BVTV			Lượng sử dụng cho mỗi năm	
	+ Trồng mới	Tr.đ	3		
	+ Chăm sóc năm 2	Tr.đ	3		
	+ Chăm sóc năm 3	Tr.đ	3		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
1	Tập huấn xây dựng mô hình					
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình		
	Thời gian	Ngày	01			
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết					
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2			

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình				
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

15. Mô hình Trồng cây Xoan ta

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^0$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	Cây	1650	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp	
	Giống trồng dặm	Cây	165		
2	Phân bón NPK (5:10:3)			TCCS	
	+ Trồng mới	Kg	330		
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	330		
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	330		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

16. Mô hình Trồng cây Tách

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^0$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	Cây	1660	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp	
	Giống trồng dặm	Cây	160		
2	Phân bón NPK (5:10:3)			TCCS	
	+ Trồng mới	Kg	498		
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	498		
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	498		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
1	Tập huấn xây dựng mô hình					
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình		
	Thời gian	Ngày	01			
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết					
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2			

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biên báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

17. Mô hình Trồng cây Gáo

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^0$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	Cây	625	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp	
	Giống trồng dặm	Cây	62		
2	Phân bón NPK (5:10:3)			TCCS	
	+ Trồng mới	Kg	125		
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	125		
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	125		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

18. Mô hình Trồng cây Đàn hương

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^0$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	Cây	500	Cây sinh trưởng phát triển tốt	
	Giống trồng dặm	Cây	50		
2	- Phân bón NPK + Trồng mới, chăm sóc năm 2, chăm sóc năm 3	Kg/năm	100	TCCS	
	- Phân vi sinh + Trồng mới, chăm sóc năm 2, chăm sóc năm 3	Kg/năm	1000		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biên báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

19. Mô hình Trồng cây Sấu ghép

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^0$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Cây giống	Cây	500	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp	
	Cây giống trồng dặm	Cây	50		
2	Phân bón NPK			TCCS	
	+ Năm 1	Kg	100		
	+ Năm 2	Kg	100		
	+ Năm 3	Kg	100		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

20. Mô hình Trồng Dó Trâm

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^{\circ}$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Cây giống	Cây	1660	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp	
	Cây giống trồng dặm	Cây	160		
2	Phân bón NPK (5:10:3)	Kg	498	TCCS	
	+ Trồng mới	Kg	498		
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	498		
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	498		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

21. Mô hình Trồng cây Giỏi xanh

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^0$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	Cây	1000	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp	
	Giống trồng dặm	Cây	100		
2	Phân bón NPK (5:10:3)			TCCS	
	+ Trồng mới	Kg	200		
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	200		
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	200		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
1	Tập huấn xây dựng mô hình					
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình		
	Thời gian	Ngày	01			
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết					
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2			

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

22. Mô hình Trồng cây Sao đen

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^0$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	Cây	500	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp	
	Giống trồng dặm	Cây	50		
2	Phân bón NPK (5:10:3)			TCCS	
	+ Trồng mới	Kg	100		
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	100		
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	100		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

23. Mô hình Trồng cây Mắc ca theo phương thức trồng thuần

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^0$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	Cây	280	Cây ghép ≥ 6 tháng tuổi, H_{vn} chồi ghép đã hóa gỗ ≥ 20 cm, H_{vn} cây ghép ≥ 50 cm, $D_{gốc} \geq 1$ cm.	Phân hữu cơ vi sinh thay thế sang phân hữu cơ sinh học hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân đó
2	Giống trồng dặm	Cây	28		
3	Phân bón NPK	Kg	140	TCCS	
	+ Trồng mới	Kg	56		
4	+ Chăm sóc năm 2	Kg	560		
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	560		
5	Vôi bột				
	+ Trồng mới	Kg	84		
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	28		
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	28		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				

	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...		hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

24. Mô hình Trồng cây Mắc ca theo phương thức trồng xen

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^0$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	Cây	110	Cây ghép ≥ 6 tháng tuổi, H_{vn} chồi ghép đã hóa gỗ ≥ 20 cm, H_{vn} cây ghép ≥ 50 cm, $D_{gốc} \geq 1$ cm.	Phân hữu cơ vi sinh thay thế sang phân hữu cơ sinh học hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân đó
2	Giống trồng dặm	Cây	11		
3	Phân bón NPK	Kg	55	TCCS	
	+ Trồng mới	Kg	22		
4	+ Chăm sóc năm 2	Kg	220		
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	220		
5	Vôi bột				
	+ Trồng mới	Kg	33		
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	11		
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	11		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				

	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật
	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết			
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2	

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

25. Mô hình Trồng cây Luồng

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^0$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Cây giống	Cây	300	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp	
	Cây giống trồng dặm	Cây	30		
2	Phân bón NPK (0.3kg/cây) + Năm 1 + Năm 2 + Năm 3	Kg Kg Kg	90 90 90	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

26. Mô hình Trồng cây Mây nếp

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	19	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 9 tháng Năm 2: 6 tháng Năm 3: 4 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^0$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Cây giống	Cây	3333	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp	
	Cây giống trồng dặm	Cây	333		
2	+ Năm 1: Phân bón vi sinh (0.4kg/kg)	Kg	1332	TCCS	
	+ Năm 2: Phân bón NPK (0.2kg/cây)	Kg	666		
	+ Năm 3: Phân bón NPK (0.2kg/cây)	Kg	666		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

27. Mô hình Trồng cây Bương Múc

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^0$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	Cây	400	Cây không sâu bệnh	
2	Cây giống trồng dặm	Cây	40		
3	Phân bón NPK (5:10:3)			TCCS	Phân hữu cơ vi sinh thay thế sang phân hữu cơ sinh học hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân đó
	+ Trồng mới	Kg	200		
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	200		
4	Phân hữu cơ vi sinh			TCCS	
	+ Trồng mới	Kg	800		
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	800		
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	800		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	

2	Hội nghị sơ kết, tổng kết			
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2	

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

28. Mô hình Trồng cây Tre Điền Trúc (Bát độ)

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^0$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Cây giống	Cây	500	Tuân thủ các qui định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp	
	Cây giống trồng dặm	Cây	50		
2	Phân bón NPK (0.3kg/cây)			TCCS	
	+ Năm 1	Kg	150		
	+ Năm 2	Kg	150		
	+ Năm 3	Kg	150		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

29. Mô hình Trồng cây Rau Sắng

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	12	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 4 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^0$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	Cây	2500	Cây không sâu bệnh	
	Giống trồng dặm	Cây	250		
2	Phân bón NPK			TCCS	
	+ Trồng mới	Kg	550		
	+ Năm 2	Kg	550		
	+ Năm 3	Kg	550		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

30. Mô hình Trồng cây Giáo cổ lam

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 9 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^0$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	Cây	250.000		
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	250	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	65		
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	150		
5	Chế phẩm sinh học	Triệu đồng	5		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

31. Mô hình Trồng thâm canh cây Ba Kích

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên Người/điểm trình diễn	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^{\circ}$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	Cây	2000	Cây không sâu bệnh	
2	Cây giống trồng dặm (15%)	Cây	300		
3	Phân Lân bón lót (0.2kg/cây)	Kg/năm	400	TCCS	
4	Phân vi sinh bón lót (1kg/cây) Năm thứ 1, năm 2, năm 3	Kg/năm	2000		
5	Phân bón NPK (15:15:15) hoặc (16:16:8) (0.3kg/cây) Năm thứ 1, năm 2, năm 3	Kg/năm	600		
6	Chế phẩm sinh học Thuốc BVTV	Triệu đồng	2		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	

2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

32. Mô hình Trồng cây Ba Kích dưới tán rừng

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	19	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 9 tháng Năm 2: 6 tháng Năm 3: 4 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^0$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	Cây	1000	Cây không sâu bệnh	TCCS
2	Cây giống trồng dặm (10%)	Cây	100		
3	Phân bón vi sinh (0.4kg/cây) Năm thứ 1	Kg	400		
4	Phân bón NPK (0.2kg/cây) + Năm 2 + Năm 3	Kg Kg	200 200		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
1	Tập huấn xây dựng mô hình					
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình		
	Thời gian	Ngày	01			
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết					
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2			

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

33. Mô hình Trồng cây Đương Quy

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 9 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^0$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	Cây	125000	Cây không sâu bệnh	
2	Đạm Urê	Kg	275	TCCS	Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân đó
3	Supe lân	Kg	312		
4	Kali clorua	Kg	125		
5	Phân hữu cơ sinh học	Tấn	5		
6	Chế phẩm sinh học	Triệu đồng	5		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
1	Tập huấn xây dựng mô hình					
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình		
	Thời gian	Ngày	01			
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết					
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2			

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

34. Mô hình Trồng cây Đinh Lăng

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^0$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	Cây	25.000	Cây sinh trưởng tốt	
2	Cây giống trồng dặm (5%)	Cây	1250		
3	Phân hữu cơ vi sinh + Năm 1, năm 2, năm 3	Kg/năm	2500	Theo TCVN 7185:2002	
4	Đạm nguyên chất (N) + Năm 1, năm 2, năm 3	Kg/năm	100	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
5	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅) + Năm 1, năm 2, năm 3	Kg/năm	100		
6	Kali nguyên chất (K ₂ O) + Năm 1, năm 2, năm 3	Kg/năm	150		
7	Chế phẩm sinh học/Thuốc BVTV + Trồng mới + Năm 2 và năm 3	Triệu đồng/năm	5 1		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	1	- Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	

2	Hội nghị sơ kết, tổng kết			
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2	

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biên báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

35. Mô hình Trồng cây Địa Hoàng

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 9 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^{\circ}$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Củ giống	Kg	500	Đường kính củ 1,0-1,5cm, không dập nát, sạch sâu bệnh TCCS	
2	Củ giống trồng dặm (5%)	Kg	25		
3	Đạm Urê	Kg	415		
4	Lân Supe	Kg	416		
5	Kali sunfat	Kg	280		
6	Vôi bột	Kg	250		
7	Chế phẩm sinh học	Triệu đồng	5		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

36. Mô hình Trồng cây Diệp Hạ Châu

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 9 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^0$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Cây giống	Cây	300.00 0	Sạch sâu bệnh	
3	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	1500	TCCS	
4	Phân NPK (15:15:15)	Kg	300		
5	Đạm Urê	Kg	100		
7	Chế phẩm sinh học	Triệu đồng	5		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
1	Tập huấn xây dựng mô hình					
	Số lần	Lần	1	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình		
	Thời gian	Ngày	01			
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết					
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2			

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

37. Mô hình Trồng cây Cát Cánh

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	15	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^{\circ}$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống Hạt giống hoặc Cây giống	Kg Cây	5 200.00 0	- Hạt có màu đen, bóng, không nhăn nheo, hạt chắc. - Cây không sâu bệnh	
2	Phân hữu cơ Phân Đạm Urê Phân Supe Lân Phân Kali clorua	Kg Kg Kg Kg	8000 220 200 100	TCCS	
3	Chế phẩm sinh học	Triệu đồng	3		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

38. Mô hình Trồng cây Cát Sâm

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^0$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Cây giống	Cây	5.000	Cây không sâu bệnh	
2	Cây giống trồng dặm	Cây	500		
3	Phân Lân nguyên chất (P ₂ O ₅) + Năm 1 + Năm 2	Kg	70	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
		Kg	60		
4	Phân Đạm nguyên chất (N) + Năm 1 + Năm 2	Kg	45		
		Kg	40		
5	Phân Kali nguyên chất (K ₂ O) + Năm 1 + Năm 2	Kg	30		
		Kg	30		
6	Chế phẩm sinh học Bokashi + Năm 1 + Năm 2	Kg	4		
		Kg	3		
7	Phân hữu cơ vi sinh năm 1	Kg	250		
8	Thuốc BVTV năm 1	Triệu đồng/ha	1		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

39. Mô hình Trồng cây Bạch truat

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	12	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 4 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^0$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống Hạt giống hoặc Cây giống	Kg Cây	8 250.000	- Hạt chắc mẩy. - Cây không sâu bệnh	
2	Phân bón + Phân vi sinh + Phân Đạm Urê + Phân Supe Lân + Phân Kali sunfat	Kg Kg Kg Kg	3000 348 750 234	TCCS	Cách bón theo quy trình kỹ thuật đã được ban hành

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

40. Mô hình Trồng cây Đẳng Sâm

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	15	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^0$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
	Năm 1				
1	Cây giống/Củ giống	Cây	84.000	Sạch sâu bệnh	Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân đó
2	+ Phân hữu cơ sinh học	Kg	3000	TCCS	
	+ Chế phẩm sinh học	Triệu đồng	5		
	Năm 2				
1	+ Phân hữu cơ sinh học	Kg	2000	TCCS	
	+ Chế phẩm sinh học	Triệu đồng	5		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	

2	Hội nghị sơ kết, tổng kết			
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2	

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

41. Mô hình Trồng cây Kim Tiền Thảo

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 9 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^0$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Cây giống	Cây	2.500	Cây không sâu bệnh	
	Cây giống trồng dặm	Cây	250		
2	Phân bón NPK + Năm 1	Kg	1500	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
1	Tập huấn xây dựng mô hình					
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình		
	Thời gian	Ngày	01			
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết					
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2			

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp	

	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5	Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

42. Mô hình Trồng cây Khôi tía

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 9 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^0$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	Cây	10.000		
2	Cây giống trồng dặm (5%)	Cây	1.000		
3	Phân hữu cơ vi sinh + Trồng mới + Năm 2 và năm 3	Kg/năm Kg/năm	2.000 2.400	Theo TCVN 7185:2002	
4	Đạm nguyên chất (N) + Trồng mới + Năm 2 và năm 3	Kg/năm Kg/năm	100 100		
5	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅) + Trồng mới + Năm 2 và năm 3	Kg/năm Kg/năm	90 90		Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng
6	Kali nguyên chất (K ₂ O) + Trồng mới + Năm 2 và năm 3	Kg/năm Kg/năm	120 120		
7	Chế phẩm sinh học/Thuốc BVTV + Trồng mới, năm 2, năm 3	Triệu đồng/năm	1		Lượng sử dụng cho mỗi năm

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
1	Tập huấn xây dựng mô hình					
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình		
	Thời gian	Ngày	01			
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết					
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2			

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...		phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

43. Mô hình Trồng cây Sa nhân tím dưới tán rừng

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^0$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	Cây	2.000	Sạch sâu bệnh	
2	Giống trồng dặm	Cây	200		
3	Phân NPK (5:10:3)	Kg	400	TCCS	
4	Phân vi sinh	Kg	1000		
	+ Trồng mới	Kg	1000		
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	1000		
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	1000		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

44. Mô hình Trồng cây Thảo quả dưới tán rừng

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^0$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	Cây	1.660	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp	
	Giống trồng dặm	Cây	166		
2	Phân bón NPK + Năm 1 + Năm 2 + Năm 3	Kg Kg Kg	332 332 332	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

45. Mô hình Trồng cây Trà hoa vàng

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^0$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	Cây	2.500	Cây sinh trưởng tốt	
2	Cây giống trồng dặm (5%)	Cây	250		
3	Phân hữu cơ vi sinh + Trồng mới + Năm 2 và năm 3	Kg/năm Kg/năm	1.500 2.000	Theo TCVN 7185:2002	
4	Đạm nguyên chất (N) + Trồng mới + Năm 2 và năm 3	Kg/năm Kg/năm	80 150	TCCS Các loại đạm, lân, kali nguyên chất được quy đổi ra phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỉ lệ tương ứng	
5	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅) + Trồng mới + Năm 2 và năm 3	Kg/năm Kg/năm	80 150		
6	Kali nguyên chất (K ₂ O) + Trồng mới + Năm 2 và năm 3	Kg/năm Kg/năm	90 180		
7	Chế phẩm sinh học/Thuốc BVTV + Trồng mới + Năm 2 và năm 3	Triệu đồng/năm	1 1		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

46. Mô hình Trồng thâm canh cây Gừng

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 9 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^{\circ}$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Củ giống	Kg	1.300	Củ không sâu bệnh	
2	Phân bón NPK + Năm 1	Kg	520	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp.	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5	Người chưa tham gia mô hình	

	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		
--	---------------------	------	-----	--	--

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

47. Mô hình Trồng thâm canh cây Nghệ

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	12	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 4 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^{\circ}$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú	
1	Giống	Củ Kg	50.000 4000	Củ sạch bệnh, đồng đều	Áp dụng cho trồng thuần	
2	+ Phân vi sinh + Đạm nguyên chất (N) + Lân nguyên chất ((P ₂ O ₅) + Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg Kg Kg Kg	2000 200 120 200	TCCS		
1	Giống	Củ Kg	25.000 2000	Củ sạch bệnh, đồng đều		Áp dụng cho trồng xen
2	+ Phân vi sinh + Đạm nguyên chất (N) + Lân nguyên chất ((P ₂ O ₅) + Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg Kg Kg Kg	2000 100 90 100	TCCS		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

48. Mô hình Trồng thâm canh cây Xạ Đen

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	19	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 9 tháng Năm 2: 6 tháng Năm 3: 4 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^{\circ}$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	Cây	3000	Cây không sâu bệnh	
2	Cây giống trồng dặm (10%)	Cây	300		
3	Phân chuồng ủ hoai			Có thể sử dụng phân hữu cơ vi sinh với tỷ lệ quy đổi tương ứng 10%	
	+ Năm 1	Kg	15.000		
	+ Năm 2	Kg	9.000		
4	Phân Supe Lân				
	+ Năm 1	Kg	60		
	+ Năm 2	Kg	30		
5	Phân Đạm Urê	+ Năm 3	Kg	30	
		+ Năm 2	Kg	25	
6	Phân Kali clorua	+ Năm 3	Kg	25	
		+ Năm 2	Kg	15	
		+ Năm 3	Kg	15	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
1	Tập huấn xây dựng mô hình					
	Số lần	Lần	02	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình		
	Thời gian	Ngày	01			
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết					
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2			

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

49. Mô hình trồng thâm canh cây Cà gai leo

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	15	Trình độ: Trung cấp trở lên Người/điểm trình diễn	Năm 1: 9 tháng Năm 2: 6 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^0$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	Cây	50.000		
2	Cây giống trồng dặm	Cây	5000		
3	Phân chuồng ủ hoai + Năm 1, năm 2	Kg/năm	100.000	Có thể sử dụng phân hữu cơ vi sinh với tỷ lệ quy đổi tương ứng 10%	
4	Phân Supe Lân + Năm 1, năm 2	Kg/năm	1.500		
5	Phân Đạm Urê + Năm 1, năm 2	Kg/năm	1.000		
6	Phân Kali clorua + Năm 1, năm 2	Kg/năm	800		
7	Vôi bột + Năm 1	Kg	200		
8	Thuốc BVTV	Triệu đồng	5		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	02	- Theo quy trình kỹ thuật	

	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

50. Mô hình Trồng cây Cà gai leo dưới tán rừng

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	15	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 9 tháng Năm 2: 6 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^0$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	Cây	15.000		
2	Cây giống trồng dặm	Cây	1000		
3	Phân chuồng ủ hoai + Năm 1, năm 2	Kg/năm	30.000	Có thể sử dụng phân hữu cơ vi sinh với tỷ lệ quy đổi tương ứng 10%	
4	Phân Supe Lân + Năm 1, năm 2	Kg/năm	450		
5	Phân Đạm Urê + Năm 1, năm 2	Kg/năm	300		
6	Phân Kali clorua + Năm 1, năm 2	Kg/năm	240		
7	Thuốc BVTV	Triệu đồng	1		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	02	- Theo quy trình kỹ thuật	

	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

51. Mô hình Trồng thâm canh cây Tam thất

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	19	Trình độ: Trung cấp trở lên; Người/điểm trình diễn	Năm 1: 9 tháng Năm 2: 6 tháng Năm 3: 4 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^{\circ}$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	Cây	10.000		
2	Cây giống trồng dặm	Cây	1000		
3	Phân chuồng ủ hoai + Năm 1, năm 2, năm 3	Kg/năm	20.000	Có thể sử dụng phân hữu cơ vi sinh với tỷ lệ quy đổi tương ứng 10%	
4	Phân Supe Lân + Năm 1, năm 2, năm 3	Kg/năm	300		
5	Phân Đạm Urê + Năm 1, năm 2, năm 3	Kg/năm	200		
6	Phân Kali clorua + Năm 1, năm 2, năm 3	Kg/năm	160		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	02	- Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	

2	Hội nghị sơ kết, tổng kết			
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2	

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng.	

52. Mô hình Sấy và bảo quản ván bóc gỗ rừng trồng

A. Định mức lao động

TT	Định mức lao động	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Vận hành máy sấy và hệ thống ngâm tẩm gỗ ...tính cho 10m ³ ván bóc/mẻ sấy và bảo quản.	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trình độ: Trung cấp trở lên	Tính cho 01MH/năm/1 cán bộ chỉ đạo

B. Định mức máy móc, thiết bị

Định mức cho 01 mô hình

TT	Tên máy, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
I	Hệ thống thiết bị sấy			Công suất 10m ³ /mẻ sấy (24h)	Mức hỗ trợ theo các quy định hiện hành
1	Nồi hơi:	Nồi	1	P=6-8kg/cm ² ; Nhiệt độ hơi nước bão hòa t _{bh} =135 - 183 ⁰ C	
2	Hệ thống truyền tải nhiệt				
-	Ống dẫn hơi	Bộ	10	D25mm, dài 1,5m; cánh tản nhiệt nhôm đúc D55mm	
-	Van điều khiển nhiệt tự động	Cái	4	TCCS	
-	Van điều khiển thủ công	Cái	20		
-	Ngưng tách nước		4		
3	Hệ thống bể chứa nước hồi	Bộ	1	Dung tích 2.000 lít (2 m ³ và bơm tự động cấp nước vào nồi hơi, công suất 1,5 kw	
4	Khung và vỏ hầm sấy	Bộ	1	Kích thước (d x r x c): 25 x 1,5 x 2,8 m, khung thép hộp; vách hầm bọc tôn 2 mặt, cách nhiệt bằng sợi bông thủy tinh; mái hầm sấy lợp tôn lạnh bọc PU cách nhiệt, trần phụ điều hướng gió bằng khung thép hộp và tôn sóng; cum thoát ẩm trên mái hầm sấy (7 cum)	
5	Cum băng truyền tải ván sấy	Cum	1	Bộ truyền động và thanh ray 2 bên; giá gài ván kích thước (d x r x c): 900 x 800 x 50 mm. Động cơ + hộp số, công	

				suất 2,5 kw; Biến tần 3 pha điều khiển tốc độ bằng truyền.	
6	Bộ phận điều khiển khí sấy	Cái	10	Quạt đối lưu D800, công suất 2,2 kw	
7	Bộ phận điều khiển hệ thống sấy, gồm: - Tủ điều khiển cụm băng tải, khí sấy - Tủ điều khiển nhiệt độ hầm sấy - Tủ điều khiển cụm nồi hơi - Hệ thống dây dẫn điện và dây tín hiệu	Bộ	1	TCCS Mới 100%	
8	Vật tư, phụ kiện kèm theo	Bộ	1	TCCS	
II Hệ thống bảo quản					
1	Bể pha thuốc	Bể	1	Chất liệu composite chịu hóa chất V = 2 m ³ Kích thước 2 x 1 x 1 m	
2	Bể ngâm tẩm hóa chất	Bể	1	Chất liệu inox chịu hóa chất có bánh xe, van gạt V = 3,5m ³ kích thước 3 x 1,1 x 0,95m.	
3	Máng thu hồi dung dịch hóa chất	Máng	1	Chất liệu inox chịu hóa, chất có van gạt, kích thước 4 x 1,4m	
4	Lồng xếp ván, ghim và ngâm tẩm	Lồng	8	Chất liệu inox chịu hóa chất, kích thước 1,4 x 1 x 0,35m	
5	Palăng xoay 360°	Cái	1	TCCS, Tải trọng 500kg	
6	Máy bơm chịu hóa chất			TCCS, Công suất 15m ³ /h	
7	Ống dẫn	m	15	Ống cao su chịu hóa chất Φ30	
8	Bạt nilon	m ²	50		
9	Bomme kê	Cái	1	TCCS	

C. Định mức vật tư, hóa chất*(Tính cho 01 mẻ sấy, bảo quản)*

TT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hóa chất LN5	Kg	135	TCCS	Mức hỗ trợ theo các quy định hiện hành
2	Còn 90°	Lít	1		
3	Acid HCl	Lít	0,5		

4	Axit salixilic	Kg	1		
5	Cucumin	Gram	50		
6	Vật tư rẻ tiền mau hỏng phục vụ sản xuất				Theo thực tế, tối đa không quá 30% so với tổng dự toán kinh phí nguyên vật liệu, nhiên liệu
7	Nhiên liệu, năng lượng				

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

53. Mô hình vườn ươm giống cây lâm nghiệp

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	15	Trình độ: Đại học trở lên; Quy mô: 01 vườn ươm	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Khung nhà giâm	Bộ	01	Kết cấu khung bằng thép hộp mạ kẽm liên kết bằng hàn	
2	Hệ thống che điều tiết ánh sáng phía trên	Hệ thống	01	Các dải lưới cùng được kéo ra và dồn lại dọc theo chiều luống ươm cây	
4	Hệ thống che, điều tiết ánh sáng xung quanh	Hệ thống	01	04 dải lưới chuyên dụng che vườn ươm có tỷ lệ che 50% độc lập ở 4 mặt vách nhà	
5	Hệ thống tưới phun sương	Hệ thống	01	Phù hợp với yêu cầu kỹ thuật và quy mô của vườn ươm	
6	Hệ thống tưới phun mưa	Hệ thống	01	Phù hợp với yêu cầu kỹ thuật và quy mô của vườn ươm	
7	Hệ thống luống giâm hom	Hệ thống	01	Phù hợp với yêu cầu kỹ thuật và quy mô của vườn ươm	
8	Hệ thống bể chứa nước chìm	Hệ thống	01	Phù hợp với yêu cầu kỹ thuật và quy mô của vườn ươm	

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 1.000 m²

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Cây mô mầm	Cây	200.000	Cây mầm đảm bảo tiêu chuẩn	Tỷ lệ sống $\geq 85\%$
2	Vỏ bầu	Cái	200.000	Kích thước: 7 x 12 cm hoặc 8 x 12 cm	
3	Đất để đóng bầu	m ³	95	Phù hợp với kỹ thuật TCCS	
4	Phân vi sinh	Tấn	5		
5	Phân lân	Kg	500		
6	Phân NPK bón thúc	Kg	30	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết, tổng kết	HN/MH	1-2		

E. Định mức đào tạo tập huấn

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn lan rộng mô hình	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp. Người chưa tham gia mô hình	
	Thời gian lý thuyết, thực hành	Ngày	1.5		
	Thời gian thăm quan	Ngày	0.5		

F. Định mức thông tin tuyên truyền

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Biển báo mô hình	Chiếc	Số lượng phù hợp với quy mô mô hình	- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, dễ nhận biết	
2	Tin bài, tờ gấp, clip, phóng sự...			- Đảm bảo tính thông tin và tuyên truyền, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng	

MỤC LỤC
ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT KHUYẾN NÔNG
Lĩnh vực: Đào tạo, tập huấn khuyến nông

I. Tập huấn khuyến nông.....	2
1. Tập huấn: Đào tạo giảng viên khuyến nông nòng cốt.	2
2. Tập huấn nghiệp vụ phương pháp khuyến nông.....	3
3. Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ HTX nông nghiệp.....	4
4. Tập huấn phương pháp, kỹ năng truyền thông trong khuyến nông.....	5
5. Tập huấn tổ chức sản xuất, liên kết sản xuất.	6
6. Tập huấn chuỗi giá trị, cấp mã vùng sản xuất.	7
7. Tập huấn quy trình sản xuất an toàn (VietGAP).	8
8. Tập huấn chuyển giao công nghệ trong dự án khuyến nông.	9
9. Tập huấn nhân rộng công nghệ dự án khuyến nông.....	10
10. Tập huấn chuyển giao kỹ thuật cho cán bộ khuyến nông.....	11
11. Tập huấn tư vấn khuyến nông.....	12
II. Khảo sát học tập trong nước.....	13
1. Đoàn khảo sát học tập trong nước.....	13

Phụ lục V
ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT KHUYẾN NÔNG
Lĩnh vực: Đào tạo, tập huấn khuyến nông

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình)

I. Tập huấn khuyến nông.

1. Tập huấn: Đào tạo giảng viên khuyến nông nòng cốt.

- Thời gian: 05 ngày (Lý thuyết, thực hành: 04 ngày; thăm quan mô hình: 01 ngày).
- Số lượng học viên: 40 người.
- Đối tượng học viên: Cán bộ khuyến nông.

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng bài	Ngày/người	04	Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện	
2	Công thu thập tài liệu	Ngày/người	04		
3	Công trợ giảng	Ngày/người	04		
4	Công hướng dẫn tham quan	Ngày/người	02		
5	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	06		
6	Công tổ chức tập huấn	Ngày/người	10		
7	Công quản lý	Ngày/người	05		

B. Định mức học liệu, vật tư

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	42	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức. Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt.	
2	Bút, vở, túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	40		

3	Vật tư học tập, thực hành theo nội dung chuyên ngành	Lớp	01	Theo nội dung, yêu cầu lớp học	
---	--	-----	----	--------------------------------	--

2. Tập huấn nghiệp vụ phương pháp khuyến nông.

- Thời gian: 03 ngày (Lý thuyết, thực hành: 02 ngày; thăm quan mô hình 01 ngày).
- Số lượng học viên: 40 người/lớp.
- Đối tượng: Cán bộ khuyến nông, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp, khuyến nông viên.

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng bài	Ngày/người	02	Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện	
2	Công thu thập tài liệu	Ngày/người	02		
3	Công trợ giảng	Ngày/người	02		
4	Công hướng dẫn tham quan	Ngày/người	02		
5	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	04		
6	Công tổ chức tập huấn	Ngày/người	06		
7	Công quản lý	Ngày/người	03		

B. Định mức học liệu, vật tư

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	42	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức. Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt	
2	Bút, vở, túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	40		

3	Vật tư học tập, thực hành theo nội dung chuyên ngành	Lớp	01	Theo nội dung, yêu cầu lớp học	
---	--	-----	----	--------------------------------	--

3. Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ HTX nông nghiệp.

- Thời gian: 02 ngày (Lý thuyết, thực hành: 1,5 ngày; tham quan mô hình 0,5 ngày)
- Số lượng học viên: 30 người/lớp
- Đối tượng: Cán bộ hợp tác xã, cán bộ xã nông thôn mới

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng bài	Ngày/người	1,5	Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện	
2	Công thu thập tài liệu	Ngày/người	1,5		
3	Công trợ giảng	Ngày/người	1,5		
4	Công hướng dẫn tham quan	Ngày/người	01		
5	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	03		
6	Công tổ chức tập huấn	Ngày/người	04		
7	Công quản lý	Ngày/người	02		

B. Định mức học liệu, vật tư

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	32	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức. Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt	
2	Bút, vở, túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	30		

3	Vật tư học tập, thực hành theo nội dung chuyên ngành	Lớp	01	Theo nội dung, yêu cầu lớp học	

4. Tập huấn phương pháp, kỹ năng truyền thông trong khuyến nông

- Thời gian: 03 ngày (Lý thuyết, thực hành: 02 ngày; tham quan mô hình: 01 ngày).

- Số lượng học viên: 30 người/lớp.

- Đối tượng: Cán bộ khuyến nông, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp, khuyến nông viên.

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng bài	Ngày/người	02		
2	Công thu thập tài liệu	Ngày/người	02		
3	Công trợ giảng	Ngày/người	02		
4	Công hướng dẫn tham quan	Ngày/người	02		
5	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	04		
6	Công tổ chức tập huấn	Ngày/người	06		
7	Công quản lý	Ngày/người	03		

Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện

B. Định mức học liệu, vật tư

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	32	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức. Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt	
	Bút, vở, túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	30		

2					
3	Vật tư học tập, thực hành theo nội dung chuyên ngành	Lớp	01	Theo tiêu nội dung, yêu cầu lớp học	

5. Tập huấn tổ chức sản xuất, liên kết sản xuất.

- Thời gian: 03 ngày (Lý thuyết, thực hành: 02 ngày; tham quan mô hình: 01 ngày).
- Số lượng học viên: 40 người/lớp.
- Đối tượng: Cán bộ khuyến nông, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp, khuyến nông viên.

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng bài	Ngày/người	02	Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện	
2	Công thu thập tài liệu	Ngày/người	02		
3	Công trợ giảng	Ngày/người	02		
4	Công hướng dẫn tham quan	Ngày/người	02		
5	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	04		
6	Công tổ chức tập huấn	Ngày/người	06		
7	Công quản lý	Ngày/người	03		

B. Định mức học liệu, vật tư

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	42	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức. Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt	
	Bút, vở, túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	40		

2					
3	Vật tư học tập, thực hành theo nội dung chuyên ngành	Lớp	01	Theo tiêu nội dung, yêu cầu lớp học	

6. Tập huấn chuỗi giá trị, cấp mã vùng sản xuất.

- Thời gian: 02 ngày (Lý thuyết, thực hành: 1,5 ngày; tham quan mô hình: 0,5 ngày)

- Số lượng học viên: 30 người/lớp.

- Đối tượng: Cán bộ khuyến nông, cán bộ bảo vệ thực vật, chủ trang trại, thành viên HTX, tổ hợp tác, nông dân

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng bài	Ngày/người	1,5		
2	Công thu thập tài liệu	Ngày/người	1,5		
3	Công trợ giảng	Ngày/người	1,5		
4	Công hướng dẫn tham quan	Ngày/người	02		
5	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	03		
6	Công tổ chức tập huấn	Ngày/người	04		
7	Công quản lý	Ngày/người	02		

B. Định mức học liệu, vật tư

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	32	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức. Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt	
	Bút, vở, túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	30		

2					
3	Vật tư học tập, thực hành theo nội dung chuyên ngành	Lớp	01	Theo tiêu nội dung, yêu cầu lớp học	

7. Tập huấn quy trình sản xuất an toàn (VietGAP).

- Thời gian: 02 ngày (Lý thuyết, thực hành: 1,5 ngày; tham quan mô hình: 0,5 ngày)

- Số lượng học viên: 30 người/lớp.

- Đối tượng: Cán bộ khuyến nông, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp, chủ trang trại, nông dân, thành viên HTX.

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng bài	Ngày/người	1,5		
2	Công thu thập tài liệu	Ngày/người	1,5		
3	Công trợ giảng	Ngày/người	1,5		
4	Công hướng dẫn tham quan	Ngày/người	01		
5	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	03		
6	Công tổ chức tập huấn	Ngày/người	04		
7	Công quản lý	Ngày/người	02		

Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện

B. Định mức học liệu, vật tư

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	32	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức. Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt	
	Bút, vở, túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	30		

2					
3	Vật tư học tập, thực hành theo nội dung chuyên ngành	Lớp	01	Theo tiêu nội dung, yêu cầu lớp học	

8. Tập huấn chuyển giao công nghệ trong dự án khuyến nông.

- Thời gian: 01 ngày (Lý thuyết, thực hành 01 ngày).

- Số lượng học viên: 30 người/lớp.

- Đối tượng: Nông dân, chủ trang trại, tổ viên hợp tác, thành viên HTX.

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng bài	Ngày/người	01		
2	Công thu thập tài liệu	Ngày/người	01		
3	Công trợ giảng	Ngày/người	01		
4	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	02		
5	Công tổ chức tập huấn	Ngày/người	02	Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện	
6	Công quản lý	Ngày/người	01		

B. Định mức học liệu, vật tư

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	32	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức. Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt	
	Bút, vở, túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	30		

2					
3	Vật tư học tập, thực hành theo nội dung chuyên ngành	Lớp	01	Theo tiêu nội dung, yêu cầu lớp học	

9. Tập huấn nhân rộng công nghệ dự án khuyến nông.

- Thời gian: 02 ngày (Lý thuyết, thực hành 1,5 ngày; tham quan mô hình 0,5 ngày).

- Số lượng học viên: 30 người/lớp.

- Đối tượng: Cán bộ khuyến nông, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp, nông dân, chủ trang trại, tổ viên hợp tác, thành viên HTX.

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng bài	Ngày/người	1,5		
2	Công thu thập tài liệu	Ngày/người	1,5		
3	Công trợ giảng	Ngày/người	1,5		
4	Công hướng dẫn tham quan	Ngày/người	01		
5	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	03		
6	Công tổ chức tập huấn	Ngày/người	04		
7	Công quản lý	Ngày/người	02		

Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện

B. Định mức học liệu, vật tư

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	32	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức. Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt	
	Bút, vở, túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	30		

2					
3	Vật tư học tập, thực hành theo nội dung chuyên ngành	Lớp	01	Theo tiêu nội dung, yêu cầu lớp học	

10. Tập huấn chuyên giao kỹ thuật cho cán bộ khuyến nông.

- Thời gian: 02 ngày (Lý thuyết, thực hành 1,5 ngày; tham quan mô hình 0,5 ngày).

- Số lượng học viên: 30 người/lớp.

- Đối tượng: Cán bộ khuyến nông, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp, nông dân, chủ trang trại, tổ viên hợp tác, thành viên HTX.

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng bài	Ngày/người	1,5		
2	Công thu thập tài liệu	Ngày/người	1,5		
3	Công trợ giảng	Ngày/người	1,5		
4	Công hướng dẫn tham quan	Ngày/người	01		
5	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	03		
6	Công tổ chức tập huấn	Ngày/người	04		
7	Công quản lý	Ngày/người	02		

Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện

B. Định mức học liệu, vật tư

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	32	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức. Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt	
	Bút, vở, túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	30		

2					
3	Vật tư học tập, thực hành theo nội dung chuyên ngành	Lớp	01	Theo tiêu nội dung, yêu cầu lớp học	

11. Tập huấn tư vấn khuyến nông.

- Thời gian: 01 ngày (Lý thuyết, thực hành 01 ngày)

- Số lượng học viên: 45 người/lớp.

- Đối tượng: Cán bộ khuyến nông, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp, nông dân, chủ trang trại, tổ viên hợp tác, thành viên HTX.

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng bài	Ngày/người	01		
2	Công thu thập tài liệu	Ngày/người	01		
3	Công trợ giảng	Ngày/người	01		
4	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	02		
5	Công tổ chức tập huấn	Ngày/người	02	Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện	
6	Công quản lý	Ngày/người	01		

B. Định mức học liệu, vật tư

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	47	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức. Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt	

2	Bút, vở, túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	45		
3	Vật tư học tập, thực hành theo nội dung chuyên ngành	Lớp	01	Theo tiêu nội dung, yêu cầu lớp học	

II. Khảo sát học tập trong nước

1. Đoàn khảo sát học tập trong nước.

- Thời gian: 05 ngày.

- Số lượng học viên: 30 người/đoàn.

- Đối tượng: Cán bộ khuyến nông, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp, nông dân, chủ trang trại, tổ viên hợp tác, thành viên HTX

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công báo cáo, hướng dẫn tham quan	Ngày/người	10	Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện	
2	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	05		
3	Công tổ chức	Ngày/người	10		
4	Công quản lý	Ngày/người	05		

B. Định mức học liệu, vật tư

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	32	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức. Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt	

2	Bút, vở, túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	30		
3	Vật tư tham quan	Đoàn	01	Theo thực tế	

MỤC LỤC
ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT KHUYẾN NÔNG
Lĩnh vực: Thông tin tuyên truyền

I. ĐỊNH MỨC SẢN XUẤT VIDEO CLIP, TỌA ĐÀM TRUYỀN HÌNH	4
1. Clip tin khuyến nông ngắn.....	4
1.1. Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật.....	4
1.2. Định mức	4
2. Phóng sự Khuyến nông.....	4
2.1. Tiêu chuẩn yêu cầu, kỹ thuật.....	4
2.2. Thành phần công việc	4
2.3. Định mức	5
2.3.1. Công tác triển khai	5
2.3.2. Thực hiện ghi/dựng hình:	5
3. Tọa đàm truyền hình	5
3.1. Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật.....	5
3.2. Thành phần công việc	6
3.3. Định mức	6
3.3.1. Công tác tổ chức	6
3.3.2. Công tác ghi/dựng hình	6
II. ĐỊNH MỨC HOẠT ĐỘNG BẢN TIN KHUYẾN NÔNG HÒA BÌNH	7
1. Quy trình vận hành một số Bản tin Khuyến nông Hòa Bình	7
2. Danh mục định mức.....	7
3. Định mức	7
3.1. Định mức công tác xây dựng và biên tập bản thảo thể loại tin, bài phản ánh thể hiện bằng chữ viết tiếng Việt Nam.....	7
3.1.1. Thành phần công việc.....	7
3.1.2. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại tin, bài phản ánh	8
3.2. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại chính luận.....	10
3.2.1. Thành phần công việc.....	10
3.2.2. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại bài chính luận.....	10

3.3. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại phóng sự, ký sự, điều tra.....	12
3.3.1. Thành phần công việc.....	12
3.3.2. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại phóng sự, ký sự, điều tra	12
3.4. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại bài phỏng vấn, bài nghiên cứu trao đổi.....	14
3.4.1. Thành phần công việc.....	14
3.4.2. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại bài phỏng vấn, bài nghiên cứu trao đổi.....	15
3.5. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại ảnh báo chí.....	17
3.5.1. Thành phần công việc.....	17
3.5.2. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại tin ảnh.....	17
3.6. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại trả lời bạn đọc.....	18
3.6.1. Thành phần công việc.....	18
3.6.2. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại trả lời bạn đọc	18
III. ĐỊNH MỨC XUẤT BẢN ÁN PHẨM KHUYẾN NÔNG	20
1. Quy trình xuất bản ấn phẩm khuyến nông.....	20
2. Định mức	20
2.1. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo	20
2.1.1. Thành phần công việc.....	20
2.1.2. Bảng định mức	21
2.2. Định mức công tác biên tập bản thảo	21
2.2.1. Thành phần công việc.....	21
2.2.2. Bảng định mức	21
2.2.2.1. Định mức công tác biên tập ngôn ngữ	21
2.2.2.2. Định mức công tác biên tập tranh, ảnh.....	22
2.3. Định mức KTKT công tác thiết kế, trình bày maket	22
2.3.1. Thành phần công việc.....	22
2.3.2. Bảng định mức	23

IV. ĐỊNH MỨC VẬN HÀNH TRANG WEB KHUYẾN NÔNG HÒA BÌNH	24
1. Quy trình vận hành.....	24
2. Danh mục định mức KTKT.....	24
3. Định mức	24
3.1. Định mức KTKT công tác biên tập tin, bài, ảnh, video/clip	24
3.1.1. Thành phần công việc.....	24
3.1.2. Định mức	24
3.2. Định mức công tác cập nhật tin, bài, ảnh video/clip	25
V. ĐỊNH MỨC TỔ CHỨC SỰ KIỆN KHUYẾN NÔNG	26
1. Quy trình chung tổ chức 01 sự kiện khuyến nông	26
2. Danh mục các định mức tổ chức sự kiện khuyến nông	26
3. Định mức	27
3.1. Tổ chức diễn đàn Khuyến nông @ nông nghiệp, Khuyến nông @ kỹ thuật nông nghiệp, tọa đàm khuyến nông.....	27
3.2. Định mức tổ chức cuộc thi chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng nghề trong lĩnh vực nông nghiệp và PTNT (thi sơ khảo và thi chung kết).....	30
3.3. Định mức tổ chức hội thi về sản phẩm nông nghiệp (Thi sơ khảo và thi chung kết)	34
VI. ĐỊNH MỨC TỔ CHỨC HỘI CHỢ	37
1. Tiêu chí, tiêu chuẩn	37
2. Nội dung dịch vụ	37
3. Quy trình	37
4. Định mức	38
VII. ĐỊNH MỨC HỘI THẢO ĐẦU BỜ KHUYẾN NÔNG	42
1. Tiêu chí, tiêu chuẩn	42
2. Nội dung dịch vụ	42
3. Quy trình	42
4. Định mức	43

Phụ lục VI
ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT KHUYẾN NÔNG

Lĩnh vực: Thông tin tuyên truyền Khuyến nông

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND, ngày tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

I. ĐỊNH MỨC SẢN XUẤT VIDEO CLIP, TỌA ĐÀM TRUYỀN HÌNH

1. Clip tin khuyến nông ngắn

1.1. Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật

- “Clip tin khuyến nông ngắn” là bản tin chuyển tải các tin tức, sự kiện, vấn đề nông nghiệp và khuyến nông... có thời lượng không quá 5 phút, đăng tải trên website khuyến nông Việt Nam, app Khuyến nông xanh.

- Chương trình sản xuất mới, không có thời lượng tư liệu khai thác lại.

1.2. Định mức

Áp dụng theo Thông tư 03/2018/TT-BTTTT, ngày 20/4/2018, mục 01.03.01.10.00 “Bản tin truyền hình ngắn”

2. Phóng sự Khuyến nông

2.1. Tiêu chuẩn yêu cầu, kỹ thuật

- “Phóng sự” là các video clip chuyển tải nội dung thông tin, thông điệp, phân tích, đánh giá và định hướng dư luận xã hội về những sự kiện, sự việc và vấn đề đang được xã hội quan tâm.

- Đăng tải trên truyền hình hoặc website khuyến nông Việt Nam, app Khuyến nông xanh.

- Thời lượng phóng sự: 5-15 phút/phóng sự tùy theo mục đích tuyên truyền.

- Chương trình sản xuất mới, không có thời lượng tư liệu khai thác lại.

2.2. Thành phần công việc

- Xây dựng kịch bản.

- Xây dựng kế hoạch sản xuất chi tiết.

- Liên hệ mời chuyên gia trả lời phỏng vấn.

- Khảo sát địa điểm ghi hình.

- Chuẩn bị, xây dựng bối cảnh và mẫu vật.

- Tổ chức sản xuất video clip (ghi hình + dựng hình).

- Hội đồng thẩm định video clip.

- Hoàn thiện sản phẩm.

2.3. Định mức

2.3.1. Công tác triển khai

ĐVT: 01 Phóng sự

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức cho các thời lượng			Ghi chú
			05 phút	10 phút	15 phút	
I	Định mức công lao động					
1	Xây dựng, thẩm định kế hoạch, dự toán	Ngày công	3	5	7	Căn cứ phụ lục 06, Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL ngày 15/4/2020
2	Khảo sát tiền trạm	Ngày công	-	6	6	Thực hiện theo quy định của Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND, ngày 13/7/2017
3	Xây dựng kịch bản					Căn cứ phụ lục 06, Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL ngày 15/4/2020
3.1	Viết kịch bản	Ngày công	3	5	7	
3.2	Biên tập	Ngày công	1.5	2	3	
4	Xây dựng kế hoạch sản xuất chi tiết	Ngày công	5	5	5	
5	Chuyên gia phỏng vấn hiện trường	Người	1 - 2	2 - 4	2 - 4	
II	Định mức tiêu hao vật tư					
1	Văn phòng phẩm (mực in, giấy, bút...)		Theo quy mô			
2	Mẫu vật, vật tư và dụng cụ thực hành		Theo thực tế			
3	Nhiên liệu xăng xe, phục vụ đi lại, đưa đón ban tổ chức, chuyên gia, khách mời quan trọng.					

2.3.2. Thực hiện ghi/dựng hình:

Áp dụng theo Thông tư 03/2018/TT-BTTTT, ngày 20/4/2018, mục 01.03.03.10.00 “Phóng sự chính luận”.

3. Tọa đàm truyền hình

3.1. Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật

- “Tọa đàm khuyến nông” là Chương trình thể hiện các nội dung trao đổi,

thảo luận nhằm tư vấn, giải đáp các vướng mắc trong sản xuất nông nghiệp.

- Thời lượng phát sóng: 30 phút/chương trình.
- Chương trình sản xuất mới, không có thời lượng tư liệu khai thác lại.

3.2. Thành phần công việc

- Bước 1: Xác định quy mô, chủ đề, đối tượng tham gia tọa đàm.
- Bước 2: Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí tổ chức.
- Bước 3: Làm việc với cơ quan, đơn vị phối hợp tại địa phương; Khảo sát, tiền trạm (Địa điểm tổ chức, khách sạn...).
- Bước 4: Làm việc với đơn vị truyền thông thực hiện ghi hình tọa đàm để thống nhất kịch bản chương trình, bối cảnh, mẫu vật....
- Bước 5: Liên hệ, trao đổi nội dung chi tiết kịch bản với chuyên gia, khách mời.
- Bước 6: Gửi giấy mời và xác nhận đại biểu tham dự.
- Bước 7: Thiết kế, duyệt maket và tổ chức in ấn thi công lắp đặt phòng chính, standsdee...
- Bước 8: Các hoạt động hậu cần khác cho sự kiện như:
 - + Đưa đón chuyên gia và đại biểu khách mời;
 - + Chuẩn bị chỗ ăn, nghỉ cho ban tổ chức, chuyên gia và đại biểu khách mời;
 - + Rà soát, kiểm tra địa điểm ghi hình và các hoạt động khác có liên quan.
- Bước 9: Đón tiếp đại biểu khách mời và người tham dự sự kiện; tổ chức, thực hiện, điều phối sự kiện diễn ra theo đúng kịch bản.
- Bước 10: Tổ chức sản xuất tọa đàm (ghi hình + dựng hình).
- Bước 11: Báo cáo kết quả thực hiện, nghiệm thu và thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

3.3. Định mức

3.3.1. Công tác tổ chức

Áp dụng theo Định mức kinh tế- kỹ thuật tổ chức diễn đàn Khuyến nông @ nông nghiệp, tọa đàm khuyến nông.

Đối với tọa đàm truyền hình được tổ chức, ghi hình ngoài hiện trường, việc lắp đặt nhà bạt, thuê các trang thiết bị phục vụ tọa đàm tùy thuộc vào quy mô, số lượng đại biểu tham gia ghi hình.

3.3.2. Công tác ghi/dựng hình

Áp dụng theo Thông tư 03/2018/TT-BTTTT, ngày 20/4/2018, mục 01.03.07.22.00 “Tọa đàm ngoại cảnh ghi hình phát sau”.

II. ĐỊNH MỨC HOẠT ĐỘNG BẢN TIN KHUYẾN NÔNG HÒA BÌNH

1. Quy trình vận hành một số Bản tin Khuyến nông Hòa Bình

- Tổ chức khai thác tin, bài, ảnh... từ cộng tác viên.
- Xây dựng đề cương chi tiết.
- Tổ chức biên tập tin, bài, ảnh,... về mặt hình thức, ngôn ngữ, kết cấu, bố cục...
- Tổ chức biên tập tin, bài, ảnh về mặt kỹ thuật.
- Gửi tin, bài, ảnh đã biên tập hoàn chỉnh để thiết kế Bản tin.
- Chỉnh sửa các bản maket (bản bông) cùng thiết kế cho tới khi hoàn thiện.
- Chốt in để chuyển bản maket cuối cho nhà in.
- Tiếp nhận, nghiệm thu sản phẩm và tổ chức phát hành.

2. Danh mục định mức

- Định mức công tác tổ chức xây dựng và biên tập thể loại tin (tin vắn, tin ngắn, tin sâu), bài phản ánh.
- Định mức công tác tổ chức xây dựng và biên tập thể loại chính luận.
- Định mức công tác tổ chức xây dựng và biên tập thể loại phóng sự, ký sự, điều tra.
- Định mức công tác tổ chức xây dựng và biên tập thể loại bài phỏng vấn, nghiên cứu trao đổi.
- Định mức công tác tổ chức xây dựng và biên tập thể loại ảnh báo chí.
- Định mức công tác tổ chức xây dựng và biên tập thể loại trả lời bạn đọc.

3. Định mức

3.1. Định mức công tác xây dựng và biên tập bản thảo thể loại tin, bài phản ánh thể hiện bằng chữ viết tiếng Việt Nam

3.1.1. Thành phần công việc

- Xây dựng kế hoạch đề tài gồm: Khảo sát, thu thập dữ liệu; nghiên cứu xây dựng ý tưởng, lập đề cương sáng tác, hoàn thiện kế hoạch đề tài;
- Chuẩn bị bản tin: Tìm, thu thập bản tin; khai thác, xử lý bản tin; lựa chọn hình thức thể hiện; dịch và hiệu đính bản tin viết bằng tiếng dân tộc khác ra tiếng Việt Nam (nếu có);
- Thể hiện bản tin: Viết vắn bản tin, bài; đưa ảnh, tranh vào tin, bài; đọc lại bản thảo tin, bài; chỉnh sửa bản thảo tin, bài;
- Biên tập bản thảo tin, bài: Đọc và xem để đánh giá, phân tích, nhận xét, ghi chú bên lề bản thảo tin, bài hoàn thành; kiểm tra thông tin trong bản thảo; làm thủ tục xử lý bản thảo tin, bài; chỉnh sửa bản thảo tin, bài và hoàn hiện bản thảo.

3.1.2. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại tin, bài phản ánh.

ĐVT: 01 tin, bài phản ánh

Thành phần hao phí	Đơn vị	Tin không sử dụng tư liệu khai thác lại	Ghi chú
Nhân công			
Chuyên viên CC viết bài bậc 3/6	Công	0,08 - 0,33	
Chuyên viên chính viết bài bậc 5/8	Công	0,14 - 0,54	
Chuyên viên viết bài bậc 5/9	Công	0,75 - 3,27	
Chuyên viên CC biên tập bậc 3/6	Công	0,03 - 0,18	
Chuyên viên chính biên tập bậc 5/8	Công	0,05 - 0,5	
Chuyên viên biên tập bậc 5/9	Công	0,15 - 1,14	
Máy sử dụng			
Máy tính và phần mềm chuyên dụng	Ca	0,942 - 4,767	
Máy in laser A4	Ca	0,0003 - 0,0025	
Vật liệu sử dụng			
Giấy A4	Tờ	4 - 30	
Mực in laser A4	Hộp	0,002 - 0,012	
Vật liệu phụ	%	10	

ĐVT: 01 tin, bài phản ánh

Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài trong nước				Ghi chú
		Đến 30%	Trên 30 đến 50%	Trên 50 đến 70%	Trên 70%	
Nhân công						
Chuyên viên CC viết bài bậc 3/6	Công	0,07 - 0,28	0,07 - 0,27	0,06 - 0,25	0,05 - 0,22	
Chuyên viên chính viết bài bậc 5/8	Công	0,12 - 0,46	0,11 - 0,43	0,10 - 0,41	0,09 - 0,35	
Chuyên viên viết bài bậc 5/9	Công	0,64 - 2,78	0,60 - 2,62	0,56 - 2,45	0,49 - 2,13	
Chuyên viên CC biên tập bậc 3/6	Công	0,03 - 0,18	0,03 - 0,18	0,03 - 0,18	0,03 - 0,18	
Chuyên viên chính biên tập bậc 5/8	Công	0,05 - 0,5	0,05 - 0,5	0,05 - 0,5	0,05 - 0,5	
Chuyên viên biên tập bậc 5/9	Công	0,15 - 1,14	0,15 - 1,14	0,15 - 1,14	0,15 - 1,14	

Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài trong nước				Ghi chú
		Đến 30%	Trên 30 đến 50%	Trên 50 đến 70%	Trên 70%	
Máy sử dụng						
Máy tính và phần mềm chuyên dụng	Ca	0,80 - 4,05	0,76 - 3,81	0,71 - 3,58	0,61 - 3,10	
Máy in laser A4	Ca	0,0003-0,0025	0,0003-0,0025	0,0003-0,0025	0,0003-0,0025	
Vật liệu sử dụng						
Giấy A4	Tờ	4 - 30	4 - 30	4 - 30	4 - 30	
Mực in laser A4	Hộp	0,002 - 0,012	0,002 - 0,012	0,002 - 0,012	0,002 - 0,012	
Vật liệu phụ	%	10	10	10	10	

ĐVT: 01 tin, bài phản ánh

Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài				Ghi chú
		Đến 30%	Trên 30 đến 50%	Trên 50 đến 70%	Trên 70%	
Nhân công						
Chuyên viên CC viết bài bậc 3/6	Công	0,08 - 0,30	0,07 - 0,28	0,07 - 0,27	0,06 - 0,23	
Chuyên viên chính viết bài bậc 5/8	Công	0,13 - 0,49	0,12 - 0,46	0,11 - 0,43	0,1 - 0,38	
Chuyên viên viết bài bậc 5/9	Công	0,68 - 2,94	0,64 - 2,78	0,6 - 2,62	0,53 - 2,29	
Chuyên viên CC biên tập bậc 3/6	Công	0,03 - 0,18	0,03 - 0,18	0,03 - 0,18	0,03 - 0,18	
Chuyên viên chính biên tập bậc 5/8	Công	0,05 - 0,5	0,05 - 0,5	0,05 - 0,5	0,05 - 0,5	
Chuyên viên biên tập bậc 5/9	Công	0,15 - 1,14	0,15 - 1,14	0,15 - 1,14	0,15 - 1,14	
Máy sử dụng						
Máy tính và phần mềm chuyên dụng	Ca	0,85 - 4,29	0,8 - 4,05	0,76 - 3,81	0,66 - 3,34	
Máy in laser A4	Ca	0,0003-0,0025	0,0003-0,0025	0,0003-0,0025	0,0003-0,0025	
Vật liệu sử dụng						
Giấy A4	Tờ	4 - 30	4 - 30	4 - 30	4 - 30	
Mực in laser A4	Hộp	0,002 - 0,012	0,002 - 0,012	0,002 - 0,012	0,002 - 0,012	
Vật liệu phụ	%	10	10	10	10	

3.2. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại chính luận

3.2.1. Thành phần công việc

- Xây dựng kế hoạch đề tài gồm: Khảo sát, thu thập thông tin về những vấn đề sự thật của đời sống đang diễn ra cần được nghiên cứu, đánh giá, phân tích, giải thích, bàn luận; lựa chọn một vấn đề quan trọng, mang tính thời sự của xã hội làm chủ đề của bài chính luận; lập đề cương sáng tác; hoàn thiện kế hoạch;

- Chuẩn bị: Tìm, thu thập tư liệu phục vụ cho viết bài chính luận; nghiên cứu, phân tích, tổng hợp thông tin về chủ đề của bài chính luận; lựa chọn hình thức thể hiện bài chính luận;

- Thể hiện tác phẩm: Viết bài, đưa ảnh, tranh vào bài; đọc lại và sửa bản thảo

- Biên tập bản thảo: Đọc và xem để đánh giá, phân tích, nhận xét, ghi chú bên lề bản thảo hoàn thành; kiểm tra thông tin trong bản thảo; làm thủ tục xử lý bản thảo; chỉnh sửa bản thảo, hoàn thiện bản thảo bài chính luận.

3.2.2. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại bài chính luận

DVT: 01 bài chính luận

Thành phần hao phí	Đơn vị	Tin không sử dụng tư liệu khai thác lại	Ghi chú
Nhân công			
Chuyên viên CC viết bài bậc 4/6	Công	3,69	
Chuyên viên chính viết bài bậc 5/8	Công	5,98	
Chuyên viên viết bài bậc 5/9	Công	0,44	
Chuyên viên CC biên tập bậc 4/6	Công	2,77	
Chuyên viên chính biên tập bậc 5/8	Công	5,96	
Máy sử dụng			
Máy tính và phần mềm chuyên dụng	Ca	15,067	
Máy in laser A4	Ca	0,0125	
Vật liệu sử dụng			
Giấy A4	Tờ	150	
Mực in laser A4	Hộp	0,06	
Vật liệu phụ 10%	%	10	

DVT: 01 bài chính luận

Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài trong nước				Ghi chú
		Đến 30%	Trên 30 đến 50%	Trên 50 đến 70%	Trên 70%	
Nhân công						
Chuyên viên CC viết bài bậc 4/6	Công	3,13	2,95	2,77	2,4	
Chuyên viên chính viết bài bậc 5/8	Công	5,08	4,78	4,48	3,89	
Chuyên viên viết bài bậc 5/9	Công	0,37	0,35	0,33	0,28	
Chuyên viên CC biên tập bậc 4/6	Công	2,77	2,77	2,77	2,77	
Chuyên viên chính biên tập bậc 5/8	Công	5,96	5,96	5,96	5,96	
Máy sử dụng						
Máy tính chuyên dụng	Ca	12,81	12,05	11,30	9,79	
Máy in laser A4	Ca	0,0125	0,0125	0,0125	0,0125	
Vật liệu sử dụng						
Giấy A4	Tờ	150	150	150	150	
Mực in laser A4	Hộp	0,06	0,06	0,06	0,06	
Vật liệu phụ	%	10	10	10	10	

DVT: 01 bài chính luận

Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài				Ghi chú
		Đến 30%	Trên 30 đến 50%	Trên 50 đến 70%	Trên 70%	
Nhân công						
Chuyên viên CC viết bài bậc 4/6	Công	3,32	3,13	2,95	2,58	
Chuyên viên chính viết bài bậc 5/8	Công	5,38	5,08	4,78	4,19	
Chuyên viên viết bài bậc 5/9	Công	0,39	0,37	0,35	0,31	
Chuyên viên CC biên tập bậc 4/6	Công	2,77	2,77	2,77	2,77	
Chuyên viên chính biên tập bậc 5/8	Công	5,96	5,96	5,96	5,96	

Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài				Ghi chú
		Đến 30%	Trên 30 đến 50%	Trên 50 đến 70%	Trên 70%	
Máy sử dụng						
Máy tính chuyên dụng	Ca	12,81	12,05	11,30	9,79	
Máy in laser A4	Ca	0,0125	0,0125	0,0125	0,0125	
Vật liệu sử dụng						
Giấy A4	Tờ	150	150	150	150	
Mực in laser A4	Hộp	0,06	0,06	0,06	0,06	
Vật liệu phụ	%	10	10	10	10	

3.3. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại phóng sự, ký sự, điều tra.

3.3.1. Thành phần công việc

- Xây dựng kế hoạch đề tài gồm: Khảo sát, thu thập thông tin về những vấn đề sự thật của đời sống đang diễn ra cần được phản ánh; lựa chọn một hiện tượng đặc biệt diễn ra trong xã hội làm chủ đề của phóng sự, ký sự, điều tra; lập đề cương sáng tác; hoàn thiện kế hoạch;

- Chuẩn bị: Điều tra, thâm nhập thực tế và phỏng vấn nhiều người để có tư liệu phục vụ cho viết bài; nghiên cứu, phân tích, tổng hợp thông tin về chủ đề của bài viết; lựa chọn hình thức thể hiện bài phóng sự, ký sự, điều tra;

- Thể hiện tác phẩm: Viết bài, đưa ảnh, tranh vào bài; đọc lại và sửa bản thảo;

- Biên tập bản thảo bài phóng sự, ký sự, điều tra: Đọc và xem để đánh giá, phân tích, nhận xét, ghi chú bên lề bản thảo hoàn thành; kiểm tra thông tin trong bản thảo; làm thủ tục xử lý bản thảo; chỉnh sửa bản thảo, hoàn thiện bản thảo bài phóng sự, ký sự, điều tra.

3.3.2. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại phóng sự, ký sự, điều tra

ĐVT: 01 bài ký sự 1 kỳ/bài phóng sự 1 kỳ/bài điều tra 1 kỳ

Thành phần hao phí	Đơn vị	Tin không sử dụng tư liệu khai thác lại	Ghi chú
Nhân công			
Chuyên viên CC viết bài bậc 3/6 (bậc 4/6 với bài điều tra)	Công	0,13 - 0,38	
Chuyên viên chính viết bài bậc 5/8	Công	4,06 - 4,52	
Chuyên viên viết bài bậc 5/9	Công	10,17 - 11,1	
Chuyên viên CC biên tập bậc 3/6 (bậc 4/6 với bài điều tra)	Công	0,25 - 0,33	

Thành phần hao phí	Đơn vị	Tin không sử dụng tư liệu khai thác lại	Ghi chú
Chuyên viên chính biên tập bậc 5/8	Công	2,17 - 2,5	
Chuyên viên biên tập bậc 5/9	Công	6,13 - 6,17	
Máy sử dụng			
Máy tính và phần mềm chuyên dụng	Ca	18,95 - 19,367	
Máy ghi âm chuyên dụng		10,369 - 10,879	
Máy in laser A4	Ca	0,01	
Vật liệu sử dụng			
Giấy A4	Tờ	120	
Mực in laser A4	Hộp	0,048	
Vật liệu phụ	%	10	

ĐVT: 01 bài ký sự 1 kỳ/bài phóng sự 1 kỳ/bài điều tra 1 kỳ

Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài trong nước				Ghi chú
		Đến 30%	Trên 30 đến 50%	Trên 50 đến 70%	Trên 70%	
Nhân công						
Chuyên viên CC viết bài bậc 3/6 (bậc 4/6 với bài điều tra)	Công	0,11 - 0,32	0,10 - 0,3	0,09 - 0,28	0,08 - 0,24	
Chuyên viên chính viết bài bậc 5/8	Công	3,45 - 3,84	3,25 - 3,62	3,05 - 3,39	2,64 - 2,94	
Chuyên viên viết bài bậc 5/9	Công	8,64 - 9,44	8,13 - 8,88	7,63 - 8,33	6,61 - 7,22	
Chuyên viên CC biên tập bậc 3/6 (bậc 4/6 với bài điều tra)	Công	0,25 - 0,33	0,25 - 0,33	0,25 - 0,33	0,25 - 0,33	
Chuyên viên chính biên tập bậc 5/8	Công	2,17 - 2,5	2,17 - 2,5	2,17 - 2,5	2,17 - 2,5	
Chuyên viên biên tập bậc 5/9	Công	6,13 - 6,17	6,13 - 6,17	6,13 - 6,17	6,13 - 6,17	
Máy sử dụng						
Máy tính chuyên dụng	Ca	16,11 - 16,46	15,16 - 15,49	14,21 - 14,53	12,32 - 12,59	
Máy ghi âm chuyên dụng	Ca	8,81 - 9,25	8,30 - 8,70	7,78 - 8,16	6,74 - 7,07	
Máy in laser A4	Ca	0,01	0,01	0,01	0,01	
Vật liệu sử dụng						
Giấy A4	Tờ	120	120	120	120	
Mực in laser A4	Hộp	0,048	0,048	0,048	0,048	
Vật liệu phụ	%	10	10	10	10	

ĐVT: 01 bài ký sự 1 kỳ/bài phóng sự 1 kỳ/bài điều tra 1 kỳ

Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài				Ghi chú
		Đến 30%	Trên 30 đến 50%	Trên 50 đến 70%	Trên 70%	
<i>Nhân công</i>						
Chuyên viên CC viết bài bậc 3/6 (bậc 4/6 với bài điều tra)	Công	0,11 - 0,34	0,11 - 0,32	0,10 - 0,30	0,09 - 0,26	
Chuyên viên chính viết bài bậc 5/8	Công	3,66 - 4,07	3,45 - 3,84	3,25 - 3,62	2,84 - 3,16	
Chuyên viên viết bài bậc 5/9	Công	9,15 - 9,99	8,64 - 9,44	8,13 - 8,88	7,12 - 7,77	
Chuyên viên CC biên tập bậc 3/6 (bậc 4/6 với bài điều tra)	Công	0,25 - 0,33	0,25 - 0,33	0,25 - 0,33	0,25 - 0,33	
Chuyên viên chính biên tập bậc 5/8	Công	2,17 - 2,5	2,17 - 2,5	2,17 - 2,5	2,17 - 2,5	
Chuyên viên biên tập bậc 5/9	Công	6,13 - 6,17	6,13 - 6,17	6,13 - 6,17	6,13 - 6,17	
<i>Máy sử dụng</i>						
Máy tính chuyên dụng	Ca	17,06 - 17,43	16,11 - 16,46	15,16 - 15,49	13,27 - 13,56	
Máy ghi âm chuyên dụng	Ca	9,33 - 9,79	8,81 - 9,25	8,30 - 8,70	7,26 - 7,62	
Máy in laser A4	Ca	0,01	0,01	0,01	0,01	
<i>Vật liệu sử dụng</i>						
Giấy A4	Tờ	120	120	120	120	
Mực in laser A4	Hộp	0,048	0,048	0,048	0,048	
Vật liệu phụ	%	10	10	10	10	

3.4. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại bài phỏng vấn, bài nghiên cứu trao đổi.

3.4.1. Thành phần công việc

- Xây dựng kế hoạch đề tài gồm:

+ Đối với bài phỏng vấn: Khảo sát, thu thập thông tin về những vấn đề thời sự của đời sống đang diễn ra cần được phản ánh, thông tin cơ bản về đối tượng và người được phỏng vấn; lựa chọn chủ đề, mục tiêu của cuộc phỏng vấn, cách thức phỏng vấn; lập đề cương sáng tác; hoàn thiện kế hoạch;

+ Đối với bài nghiên cứu trao đổi: Khảo sát, thông tin cơ bản về nhu cầu tìm hiểu những hiện tượng của đời sống xã hội, những tri thức mới của con người; lựa chọn chủ đề nghiên cứu, tác phẩm đăng báo; lập kế hoạch đăng báo; hoàn thiện kế hoạch;

- Chuẩn bị:

+ Đối với bài phỏng vấn: Chuẩn bị câu hỏi và phỏng vấn; phán đoán các phương án trả lời để có sự nhạy bén và chính xác trong phản ứng và bổ sung các câu hỏi, tìm hiểu để hiểu rõ về vấn đề được phỏng vấn; nghiên cứu, phân tích, tổng hợp thông tin từ băng ghi âm; lựa chọn hình thức thể hiện bài phỏng vấn;

+ Đối với bài nghiên cứu trao đổi: Điều tra, thâm nhập thực tế và phỏng vấn nhiều người để có số liệu, bằng chứng khoa học phục vụ cho viết bài nghiên cứu trao đổi; nghiên cứu phân tích, tổng hợp thông tin về chủ đề của bài nghiên cứu;

- Thể hiện tác phẩm: Viết bài, đưa ảnh, tranh vào bài; đọc lại và sửa bản thảo;

- Biên tập bản thảo:

+ Đối với bài phỏng vấn: Đọc và xem để đánh giá, phân tích, nhận xét, ghi chú bên lề bản thảo hoàn thành; kiểm tra thông tin trong bản thảo; làm thủ tục xử lý bản thảo; chỉnh sửa bản thảo, hoàn thiện bản thảo bài phỏng vấn.

+ Đối với bài nghiên cứu trao đổi: Đọc và xem để đánh giá, phân tích, nhận xét, ghi chú bên lề bản thảo bài nghiên cứu trao đổi, bài báo khoa học hoàn thành; viết báo cáo (phiếu) biên tập bản thảo của chuyên viên biên tập; đề xuất phương hướng hoàn thiện bản thảo, thuê thẩm định (nếu có); làm việc với chuyên gia thẩm định và tác giả (nếu có) để xử lý bản thảo theo phương hướng hoàn thiện bản thảo được duyệt; đọc bản bông để phát hiện lỗi còn chưa sửa; chỉnh sửa các lỗi của bản thảo trong phạm vi trách nhiệm của chuyên viên biên tập để hoàn thiện bản thảo; hoàn thiện bản thảo bài nghiên cứu trao đổi.

3.4.2. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại bài phỏng vấn, bài nghiên cứu trao đổi

DVT: 01 bài phỏng vấn/bài nghiên cứu trao đổi

Thành phần hao phí	Đơn vị	Tin không sử dụng tư liệu khai thác lại	Ghi chú
<i>Nhân công</i>			
Chuyên viên CC viết bài bậc 3/6	Công	0,13 - 0,42	
Chuyên viên chính viết bài bậc 5/8	Công	3,48 - 4,75	
Chuyên viên viết bài bậc 5/9	Công	5,19 - 9,02	
Chuyên viên CC biên tập bậc 3/6	Công	0,25 - 0,29	
Chuyên viên chính biên tập bậc 5/8	Công	1,63 - 2,00	
Chuyên viên biên tập bậc 5/9	Công	3,56 - 4,46	
<i>Máy sử dụng</i>			
Máy tính và phần mềm chuyên dụng	Ca	11,65 - 16,483	
Máy ghi âm chuyên dụng	Ca	9,727	
Máy in laser A4	Ca	0,0067 - 0,01	
<i>Vật liệu sử dụng</i>	%	10	

DVT: 01 bài phỏng vấn /bài nghiên cứu trao đổi

Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài trong nước				Ghi chú
		Đến 30%	Trên 30 đến 50%	Trên 50 đến 70%	Trên 70%	
Nhân công						
Chuyên viên CC viết bài bậc 3/6	Công	0,11 - 0,35	0,10 - 0,33	0,09 - 0,31	0,08 - 0,27	
Chuyên viên chính viết bài bậc 5/8	Công	2,96 - 4,04	2,78 - 3,8	2,61 - 3,56	2,26 - 3,09	
Chuyên viên viết bài bậc 5/9	Công	4,41 - 7,67	4,15 - 7,72	3,89 - 6,77	3,37 - 5,86	
Chuyên viên CC biên tập bậc 3/6	Công	0,25 - 0,29	0,25 - 0,29	0,25 - 0,29	0,25 - 0,29	
Chuyên viên chính biên tập bậc 5/8	Công	1,63 - 2	1,63 - 2	1,63 - 2	1,63 - 2	
Chuyên viên biên tập bậc 5/9	Công	3,56 - 4,46	3,56 - 4,46	3,56 - 4,46	3,56 - 4,46	
Máy sử dụng						
Máy tính chuyên dụng	Ca	9,90 - 14,01	9,32 - 13,19	8,74 - 12,36	7,57 - 10,71	
Máy ghi âm chuyên dụng	Ca	8,27	7,78	7,30	6,32	
Máy in laser A4	Ca	0,0067 - 0,01	0,0067 - 0,01	0,0067 - 0,01	0,0067 - 0,01	
Vật liệu sử dụng						
Giấy A4	Tờ	80 - 120	80 - 120	80 - 120	80 - 120	
Mực in laser A4	Hộp	0,032 - 0,048	0,032 - 0,048	0,032 - 0,048	0,032 - 0,048	
Vật liệu phụ	%	10	10	10	10	

DVT: 01 bài phỏng vấn /bài nghiên cứu trao đổi

Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài				Ghi chú
		Đến 30%	Trên 30 đến 50%	Trên 50 đến 70%	Trên 70%	
Nhân công						
Chuyên viên CC viết bài bậc 3/6	Công	0,11 - 0,38	0,11 - 0,35	0,10 - 0,33	0,09 - 0,29	
Chuyên viên chính viết bài bậc 5/8	Công	3,13 - 4,28	2,96 - 4,04	2,78 - 3,80	2,44 - 3,33	
Chuyên viên viết bài bậc 5/9	Công	4,67 - 8,12	4,41 - 7,67	4,15 - 7,22	3,63 - 6,31	
Chuyên viên CC biên tập bậc 3/6	Công	0,25 - 0,29	0,25 - 0,29	0,25 - 0,29	0,25 - 0,29	
Chuyên viên chính biên tập bậc 5/8	Công	1,63 - 2	1,63 - 2	1,63 - 2	1,63 - 2	
Chuyên viên biên tập bậc 5/9	Công	3,56 - 4,46	3,56 - 4,46	3,56 - 4,46	3,56 - 4,46	

Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài				Ghi chú
		Đến 30%	Trên 30 đến 50%	Trên 50 đến 70%	Trên 70%	
Máy sử dụng						
Máy tính chuyên dụng	Ca	10,49 - 14,84	9,90 - 14,01	9,32 - 13,19	8,16 - 11,54	
Máy ghi âm chuyên dụng	Ca	8,75	8,27	7,78	6,81	
Máy in laser A4	Ca	0,0067 - 0,01	0,0067 - 0,01	0,0067 - 0,01	0,0067 - 0,01	
Vật liệu sử dụng						
Giấy A4	Tờ	80 - 120	80 - 120	80 - 120	80 - 120	
Mực in laser A4	Hộp	0,032 - 0,048	0,032 - 0,048	0,032 - 0,048	0,032 - 0,048	
Vật liệu phụ	%	10	10	10	10	

3.5. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại ảnh báo chí.

3.5.1. Thành phần công việc

- Xây dựng kế hoạch đề tài gồm: Nghiên cứu, xây dựng ý tưởng, lập đề cương sáng tác gồm: đề tài và chủ đề lấy ảnh, nơi xảy ra, việc làm, nhân vật chủ thể và những vấn đề quan tâm, thời điểm chụp, thời gian hoàn thành; hoàn thiện kế hoạch đề tài;

- Chuẩn bị tư liệu: Tìm, lựa chọn không gian, thời gian, khung cảnh, đối tượng trong ảnh, bố trí bố cục ảnh, lựa chọn góc nhìn, ánh sáng, khung hình và khoảng cách để chụp ảnh, chớp thời cơ bấm máy; xây dựng tập tư liệu ảnh về chủ đề ảnh, khai thác, xử lý tư liệu;

- Thể hiện tác phẩm: Lựa chọn những bức ảnh đã chụp được phù hợp nhất với nội dung và chủ đề cần thể hiện, chỉnh sửa ảnh; viết chú thích, lời bình cho ảnh; đọc, xem lại bản thảo tác phẩm ảnh; chỉnh sửa bản thảo tác phẩm ảnh;

- Biên tập bản thảo: Đọc và xem để đánh giá, phân tích, nhận xét, ghi chú bên lề bản thảo tác phẩm ảnh hoàn thành; kiểm tra thông tin trong bản thảo tác phẩm ảnh; làm thủ tục xử lý bản thảo tác phẩm ảnh; chỉnh sửa bản thảo tác phẩm ảnh; hoàn thiện bản thảo tác phẩm ảnh.

3.5.2. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại tin ảnh

DVT: 01 bức ảnh (tin ảnh, ảnh minh họa)

Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
Nhân công			
Chuyên viên CC viết bài bậc 3/6	Công	0,17	
Chuyên viên chính viết bài bậc 4/8	Công	0,17 - 0,26	

Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
Chuyên viên viết bài bậc 5/9	Công	0,96 - 2,48	
Chuyên viên CC biên tập bậc 3/6	Công	0,02	
Chuyên viên chính biên tập bậc 4/8	Công	0,05 - 0,09	
Chuyên viên biên tập bậc 5/9	Công	0,33 - 0,6	
Máy sử dụng			
Máy tính chuyên dụng	Ca	0,906 - 2,175	
Máy ảnh chuyên dụng	Ca	0,383 - 0,992	
Máy in laser A4 màu	Ca	0,0003	
Vật liệu sử dụng	%	10	
Giấy A4	Tờ	4	
Mực in laser A4 màu	Hộp	0,0016	
Vật liệu phụ	%	10	

3.6. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại trả lời bạn đọc.

3.6.1. Thành phần công việc

- Xây dựng kế hoạch đề tài gồm: Tiếp nhận, tập hợp, phân loại câu hỏi của bạn đọc gửi đến tòa soạn, cơ quan đơn vị, lập kế hoạch trả lời;

- Chuẩn bị tư liệu: Tìm, thu thập thông tin có liên quan, soạn và gửi văn bản yêu cầu kèm câu hỏi của bạn đọc đến cơ quan có liên quan để lấy ý kiến trả lời; theo dõi và tiếp nhận trả lời của các cơ quan có liên quan;

- Thể hiện tác phẩm: Viết văn bản trả lời bạn đọc; đọc lại bản thảo trả lời bạn đọc; chỉnh sửa bản thảo trả lời bạn đọc;

- Biên tập bản thảo: Đọc để đánh giá, phân tích, nhận xét, ghi chú bên lề bản thảo trả lời bạn đọc hoàn thành; kiểm tra thông tin trong bản thảo; làm thủ tục xử lý, chỉnh sửa và hoàn thiện bản thảo trả lời bạn đọc.

3.6.2. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại trả lời bạn đọc

ĐVT: 01 tin/trả lời bạn đọc

Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
Nhân công			
Chuyên viên CC biên tập bậc 3/6	Công	0,02	
Chuyên viên chính biên tập bậc 5/8	Công	0,75	
Chuyên viên biên tập bậc 5/9	Công	2,36	

Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
<i>Máy sử dụng</i>			
Máy tính chuyên dụng	Ca	2,508	
Máy in laser A4 màu	Ca	0,005	
<i>Vật liệu sử dụng</i>	%	10	
Giấy A4	Tờ	60	
Mực in laser A4	Hộp	0,024	
Vật liệu phụ khác	%	10	

III. ĐỊNH MỨC XUẤT BẢN ẤN PHẨM KHUYẾN NÔNG

1. Quy trình xuất bản ấn phẩm khuyến nông

- 1.1. Tổ chức khai thác bản thảo.
- 1.2. Biên tập bản thảo.
- 1.3. Thiết kế, trình bày maket.
- 1.4. In ấn phẩm.
- 1.5. Phát hành ấn phẩm.

2. Định mức

Áp dụng cho: Sách kỹ thuật; sách sưu tầm, tuyển tập, hợp tuyển; sách dịch (từ tiếng Việt ra tiếng dân tộc, tiếng nước ngoài và ngược lại); tờ rơi, tờ gấp, áp phích, poster, tranh, ảnh, lịch khuyến nông.

- 2.1. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo.
- 2.2. Định mức công tác biên tập bản thảo.
- 2.3. Định mức công tác thiết kế, trình bày maket.

2.1. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo

2.1.1. Thành phần công việc

- **Xây dựng kế hoạch xuất bản ấn phẩm:** Xác định nhu cầu, gửi công văn đăng ký và tổng hợp nhu cầu tới Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp; Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện; UBND các xã phường, thị trấn trong tỉnh và các đơn vị liên quan (gửi bưu điện, email, gọi điện, ...).

- Thẩm định kế hoạch:

- + Tổng hợp góp ý của các phòng chuyên môn.
- + Xin báo giá, lập dự toán.
- + Trình phê duyệt.

- Đặt hàng biên soạn ấn phẩm:

- + Lựa chọn, liên hệ tác giả để đặt hàng (soạn, trình văn bản, hợp đồng biên soạn).
- + Giám sát thực hiện hợp đồng: Đơn đốc thực hiện theo đúng tiến độ.

- Nghiệm thu ấn phẩm:

- + Thành lập hội đồng và xin ý kiến phòng chuyên môn.
- + Chuẩn bị văn bản, tài liệu phục vụ hội đồng, tổng hợp, chỉnh sửa sau họp hội đồng.
- + Thanh quyết toán Hội đồng.

2.1.2. Bảng định mức

ĐVT: 01 bản thảo

Thành phần hao phí	Đơn vị	Sách kỹ thuật		Sách sưu tầm, tuyển tập, hợp tuyển		Sách dịch (từ tiếng Việt ra tiếng dân tộc, tiếng nước ngoài và ngược lại)		Tờ rơi, tờ gấp, áp phích, poster, tranh, ảnh, lịch khuyến nông		Ghi chú	
		Trị số mức	Theo TT 42 (Mục I, 2, 2.4.3, tr 15)	Trị số mức	Theo TT 42 (I, 2, 2.4.7, tr 17)	Trị số mức	Theo TT 42 (I, 2, 2.4.8, tr 18)	Trị số mức	Theo TT 42 (Mục III, 1, tr 32)		
Vật liệu sử dụng											
Giấy in A4	Ram	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2	0,01	0,01	(Căn cứ Chương I, Phần II Thông tư 42/2020/TT-BTTTT, 31/12/2020 của Bộ TTTT ban hành Định mức KTKT hoạt động xuất bản)	
Mực in laser A4	Hộp	0,04	0,04	0,04	0,04	0,04	0,04	0,002	0,002		
Bút bi	Cái	2	2	2	2	2	2	1	1		
Nhân công											
Chuyên viên	Công	0,35	0,35	0,32	0,32	0,38	0,38	0,11	0,11		
Máy sử dụng											
Máy tính chuyên dụng	Ca	3,24	3,24	2,98	2,98	3,75	3,75	1,31	1,31		
Máy in laser A4	Ca	0,008	0,008	0,008	0,008	0,008	0,008	0,0004	0,0004		

2.2. Định mức công tác biên tập bản thảo

2.2.1. Thành phần công việc

- Đọc bản thảo, phát hiện và chỉnh sửa lỗi.
- Trao đổi với tác giả, chuyên gia thẩm định về bản thảo.

2.2.2. Bảng định mức

2.2.2.1. Định mức công tác biên tập ngôn ngữ

ĐVT: 01 bản thảo; 01 tờ rơi, tờ gấp 700 chữ

Thành phần hao phí	Đơn vị	Sách kỹ thuật		Sách sưu tầm, tuyển tập, hợp tuyển		Sách dịch (từ tiếng Việt ra tiếng dân tộc, tiếng nước ngoài và ngược lại)		Tờ rơi, tờ gấp, áp phích, poster, tranh, ảnh, lịch khuyến nông		Ghi chú
		Trị số mức	Theo TT 42 (Mục 4.1.5 tr 15)	Trị số mức	Theo TT 42 (4.2.2, tr 42)	Trị số mức	Theo TT 42 (4.3.1, 4.3.2, tr 42)	Trị số mức	Theo TT 42 (4.2.1, tr 50)	
Vật liệu sử dụng										
Giấy in A4	Ram	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,01	0,01	
Mực in laser A4	Hộp	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,002	0,002	

Thành phần hao phí	Đơn vị	Sách kỹ thuật		Sách sưu tầm, tuyển tập, hợp tuyển		Sách dịch (từ tiếng Việt ra tiếng dân tộc, tiếng nước ngoài và ngược lại)		Tờ rơi, tờ gấp, áp phích, poster, tranh, ảnh, lịch khuyến nông		Ghi chú
		Trị số mức	Theo TT 42 (Mục 4.1.5 tr 15)	Trị số mức	Theo TT 42 (4.2.2, tr 42)	Trị số mức	Theo TT 42 (4.3.1, 4.3.2, tr 42)	Trị số mức	Theo TT 42 (4.2.1, tr 50)	
Bút bi	Cái	2	2	2	2	2	2	1	1	(Căn cứ Chương II, Phần II Thông tư 42/2020/TT-BTTTT, 31/12/2020 của Bộ TTTT ban hành Định mức KTKT hoạt động xuất bản)
<i>Nhân công</i>										
Chuyên viên	Công	1,88	1,88	1,52	1,52	2,48	2,48	0,37	0,37	
<i>Máy sử dụng</i>										
Máy tính chuyên dụng	Ca	12,29	12,29	8,12	8,12	12,86	12,86	2,62	2,62	
Máy in laser A4	Ca	0,02	0,02	0,02	0,02	0,02	0,02	0,0004	0,0004	

2.2.2.2. Định mức công tác biên tập tranh, ảnh

DVT: 01 bức tranh, 01 ảnh

Thành phần hao phí	Đơn vị	Tranh, ảnh (minh họa cho sách)		Tờ rơi, tờ gấp, áp phích, poster, tranh, ảnh, lịch khuyến nông		Ghi chú
		Trị số mức	Theo TT 42	Trị số mức	Theo TT 42 (4.2.2, tr 50)	
<i>Vật liệu sử dụng</i>						(Căn cứ Chương II, Phần II Thông tư 42/2020/TT-BTTTT, 31/12/2020 của Bộ TTTT ban hành Định mức KTKT hoạt động xuất bản)
Giấy in A4	Ram	0,004	0,004	0,004	0,004	
Mực in laser A4	Hộp	0,0008	0,0008	0,0008	0,0008	
Bút bi	Cái	1	1	1	1	
<i>Nhân công</i>						
Chuyên viên	Công	0,02	0,02	0,02	0,02	
<i>Máy sử dụng</i>						
Máy tính chuyên dụng	Ca	0,26	0,26	0,26	0,26	
Máy in laser A4	Ca	0,0002	0,0002	0,0002	0,0002	

2.3. Định mức KTKT công tác thiết kế, trình bày maket

2.3.1. Thành phần công việc

- Đề xuất ý tưởng thiết kế maket
- Trao đổi với nhà xuất bản trình bày ý tưởng thiết kế.
- Lên ý tưởng cho maket ấn phẩm, sửa maket ấn phẩm, biên tập ấn phẩm.
- Xin giấy phép xuất bản.

2.3.2. Bảng định mức

Thành phần hao phí	Đơn vị	Bìa ngoài sách (ĐVT: 01 trang)		Ruột sách (ĐVT: 100 trang)		Tờ rơi, tờ gấp, áp phích, poster, tranh, ảnh, lịch khuyến nông (ĐVT: 01 trang, A4)		Ghi chú
		Trị số mức	Theo TT 42 (I, 4, 4.1.2, tr 52)	Trị số mức	Theo TT 42 (I, 4, 4.2.4, tr 55)	Trị số mức	Theo TT 42 (I, 4, 4.4.2, tr 57)	
<i>Vật liệu sử dụng</i>								Căn cứ Chương III, Phần II Thông tư 42/2020/TT-BTTTT, 31/12/2020
Giấy in A4	Ram	0,008	0,008	0,8	0,8	0,008	0,008	
Mực in laser A4	Hộp	0,002	0,002	0,16	0,16	0,002	0,002	
Bút bi	Cái	2	2	2	2	1	1	
<i>Nhân công</i>								
Chuyên viên	Công	0,52	0,52	2,20	2,20	0,5	0,5	
<i>Máy sử dụng</i>								
Máy tính chuyên dụng	Ca	3,07	3,07	11,52	11,52	2,95	2,95	
Máy in laser A4	Ca	0,0003	0,0003	0,0333	0,0333	0,0003	0,0003	

IV. ĐỊNH MỨC VẬN HÀNH TRANG WEB KHUYẾN NÔNG HÒA BÌNH

1. Quy trình vận hành

- Tổ chức khai thác tin, bài, ảnh, video/clip... từ cộng tác viên.
- Tổ chức khai thác tin, bài, ảnh, video/clip...
- Thiết kế bản thảo cập nhật lên trang web → trình duyệt bản thảo.
- Hiệu chỉnh (nếu cần) → Xuất bản tin, bài, ảnh clip đã hoàn thiện.
- Thu thập và cập nhật cơ sở dữ liệu khuyến nông lên trang web.

2. Danh mục định mức KTKT

- Định mức KTKT công tác biên tập tin, bài, ảnh, video/clip.
- Định mức KTKT công tác cập nhật tin, bài, ảnh, video/clip, cơ sở dữ liệu.

3. Định mức

3.1. Định mức KTKT công tác biên tập tin, bài, ảnh, video/clip

(Do bạn đọc và cộng tác viên sáng tạo gửi đăng, thể hiện bằng chữ viết tiếng Việt Nam).

3.1.1. Thành phần công việc

- Xây dựng kế hoạch đề tài gồm: Nghiên cứu xây dựng ý tưởng, lập đề cương sáng tác, hoàn thiện kế hoạch đề tài;

- Biên tập: Đọc và xem để đánh giá, phân tích, nhận xét, ghi chú bên lề bản thảo tin, bài, ảnh hoàn thành; kiểm tra thông tin trong bản thảo; đề xuất phương hướng hoàn thiện bản thảo; thuê thẩm định (nếu cần); làm việc với chuyên gia thẩm định và tác giả (nếu có) để xử lý bản thảo theo phương hướng; đọc bài để phát hiện lỗi; chỉnh sửa lỗi; hoàn thiện bản thảo được duyệt làm thủ tục xử lý bản thảo tin, bài, ảnh; chỉnh sửa bản thảo tin, bài, ảnh, chú thích ảnh và hoàn thiện bản thảo.

3.1.2. Định mức

DVT: 01 tin, bài, ảnh

Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức	Ghi chú
Nhân công	Công		Căn cứ Thông tư 18/2021/TT-BTTTT, 30/11/2021. Các mức công tùy thuộc thể loại tin (tin ngắn, tin sâu), bài viết (bài phản ánh, phóng sự, khoa học), trả lời bạn đọc, thể loại ảnh.
Chuyên viên bậc 5/9	Công	0,41 - 6,79	
Chuyên viên chính 4/8	Công	0,20 - 2,75	
Chuyên viên CC bậc 3/6	Công	0,11 - 0,71	
Máy sử dụng			
Máy tính và phần mềm chuyên dụng	Ca	0,57 - 8,5	
Máy in laser A4	Ca	0,0005 - 0,01	
Vật liệu khác	%	10	

3.2. Định mức công tác cập nhật tin, bài, ảnh video/clip

(Do bạn đọc và cộng tác viên sáng tạo gửi đăng, thể hiện bằng chữ viết tiếng Việt Nam) và cơ sở dữ liệu.

ĐVT: 01 tin, bài, ảnh, 1 trang cơ sở dữ liệu

Thành phần hao phí	Nội dung công việc	Đơn vị	Mức	Ghi chú
Nhân công				Căn cứ Thông tư 18/2021/TT-BTTTT, 30/11/2021. Các mức công tùy thuộc thể loại tin (tin ngắn, tin sâu), bài viết (bài phản ánh, phóng sự, khoa học), trả lời bạn đọc, thể loại ảnh.
Chuyên viên bậc 3/9	Trang layout CSDL	Công	0,071	
	Trang trượt CSDL	Công	0,27 – 0,35	
	Trình bày chữ	Công	0,077	
	Trình bày ảnh	Công	0,010	
	Trình bày bảng biểu	Công	0,084	
Máy sử dụng				
Máy tính và phần mềm chuyên dụng		Ca	0,283 - 0,383	

Lưu ý:

- Định mức này tính cho trường hợp thiết kế trình bày có yêu cầu thông thường về mỹ thuật và kỹ thuật. Trường hợp thiết kế trình bày có yêu cầu cao về mỹ thuật và kỹ thuật thì định mức hao phí nhân công và hao phí máy tính chuyên dụng được nhân với hệ số $K = 1,2$.

- Đối với các tác phẩm video/clip, audio, khi xây dựng đơn giá cơ quan căn cứ các quy định hiện hành và thực tế của đơn vị để đề xuất định mức theo quy định.

V. ĐỊNH MỨC TỔ CHỨC SỰ KIỆN KHUYẾN NÔNG

1. Quy trình chung tổ chức 01 sự kiện khuyến nông

- Bước 1: Xác định quy mô, chủ đề, đối tượng tham gia sự kiện.
- Bước 2: Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí tổ chức sự kiện.
- Bước 3: Làm việc với cơ quan, đơn vị phối hợp tại địa phương; Khảo sát địa điểm tổ chức (Hội trường, khách sạn, mô hình tham quan).
- Bước 4: Lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ và các trang thiết bị phục vụ.
- Bước 5: Ban hành các văn bản liên quan đến công tác tổ chức sự kiện (quyết định, công văn, giấy mời...).
- Bước 6: Chuẩn bị các tài liệu cần thiết phục vụ sự kiện, như: tài liệu hội thảo hội nghị, quy chế hội thi, bộ câu hỏi đáp án và đề thi, video clip phóng sự tuyên truyền...
- Bước 7: Lập danh sách thành phần tham gia sự kiện: Ban tổ chức, chủ tọa, cố vấn, chuyên gia, báo cáo viên, ban giám khảo cuộc thi, đại biểu khách mời; gửi giấy mời và xác nhận đại biểu tham dự.
- Bước 8: Ban hành công văn hướng dẫn đăng ký tham gia sự kiện gửi các địa phương/đơn vị; Tổng hợp đăng ký tham gia của địa phương/đơn vị và đại biểu.
- Bước 9: Thiết kế bộ nhận diện sự kiện: Sân khấu, mặt bằng thi công, pa-nô, phong sân khấu và hội trường, băng rôn, cờ phướn, cờ lưu niệm, giấy mời, giấy khen...
- Bước 10: Xây dựng kịch bản tổng thể cho sự kiện; nội dung chi tiết từng hoạt động; xây dựng bài phát biểu của lãnh đạo.
- Bước 11: Các hoạt động hậu cần – kỹ thuật để tổ chức sự kiện, gồm:
 - + Chuẩn bị hội trường, sân khấu, trang trí khánh tiết và các trang thiết bị cần thiết khác phục vụ tổ chức sự kiện.
 - + Đưa đón ban tổ chức, giám khảo, chủ tọa, cố vấn, chuyên gia và khách mời quan trọng.
 - + Chuẩn bị chỗ ăn, nghỉ cho ban tổ chức, giám khảo, chủ tọa, cố vấn, chuyên gia và khách mời quan trọng.
- Bước 12: Tổ chức và điều phối sự kiện diễn ra theo đúng kịch bản.
- Bước 13: Báo cáo kết quả thực hiện, nghiệm thu và thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

2. Danh mục các định mức tổ chức sự kiện khuyến nông

- Tổ chức diễn đàn KN@NN, KN@KTNN, tọa đàm khuyến nông.
- Tổ chức hội thảo, Hội nghị khuyến nông, Hội thảo đầu bờ, Hội nghị tổng kết.
- Tổ chức cuộc thi về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng nghề trong lĩnh vực nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Tổ chức hội thi về sản phẩm nông nghiệp.

3. Định mức

3.1. Tổ chức diễn đàn Khuyến nông @ nông nghiệp, Khuyến nông @ kỹ thuật nông nghiệp, tọa đàm khuyến nông

DVT: 01 Sự kiện

STT	Nội dung, quy trình	ĐVT	Định mức theo quy mô			Ghi chú
			200-300 đại biểu	100-150 đại biểu	30-50 đại biểu	
I	Định mức công lao động					
1	Công tác chuẩn bị tổ chức					
1.1	Xây dựng, thẩm định kế hoạch, dự toán	Ngày công	10	10	07	Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL 15/4/2020 (Phụ lục 11)
1.2	Khảo sát, tiền trạm địa điểm tổ chức, mô hình tham quan (không tính thời gian di chuyển)	Người/ngày	05 x 04	05 x 04	05 x 02	Thực hiện theo Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND tỉnh Hòa Bình, ngày 13/7/2017
1.3	Công tác chuẩn bị nội dung, công tác tổ chức	Ngày công	14	9	8	
1.4	Thiết kế backdrop hội trường, pa-nô, standee, băng rôn, pa no...	Ngày công	05	05	05	Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL 15/4/2020 (Phụ lục 11)
2	Tổ chức thực hiện					
2.1	Ban tổ chức, tổ thư ký (đi lại, ăn, nghỉ)	Người/ngày	10 x 04	10 x 04	10 x 03	Thực hiện theo Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND tỉnh Hòa Bình, ngày 13/7/2017
2.2	Chủ trì, điều hành	Người	05	03	01	Thực hiện theo Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND tỉnh Hòa Bình, ngày 11/11/2015
2.3	Chuyên gia, cố vấn	Người	10	08	05	
2.4	Báo cáo viên, tham luận tại diễn đàn, hội thảo, hội nghị	Người	10	05	03	
2.5	Hướng dẫn tham quan, thực hành	Người	04	02	01	
2.6	Bộ phận phục vụ	Ngày công	04	02	01	
2.7	Dẫn chương trình	Người	01	01	01	

STT	Nội dung, quy trình	ĐVT	Định mức theo quy mô			Ghi chú
			200-300 đại biểu	100-150 đại biểu	30-50 đại biểu	
II	Định mức thiết bị, máy móc					
1	Hội trường (phòng họp, máy chiếu, màn chiếu, màn hình Led, micro, thiết bị âm thanh ánh sáng, thiết bị tổ chức trực tuyến, cán bộ kỹ thuật...)					Thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC
-	Thời gian	Ngày	02	02	01	Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL 15/4/2020 (Phụ lục 11)
-	Sức chứa	Chỗ ngồi	Theo quy mô số lượng đại biểu của từng sự kiện (tối đa bằng 150% số đại biểu)			
2	Backdrop trong phòng	M ²	40	30	20	
3	Standee	Chiếc	20	10	10	
4	Băng rôn, pano, phướn	M ²	200	100	50	
III	Định mức vật tư tiêu hao					
1	Văn phòng phẩm (mực in, giấy, bút...)	Bộ	200-300	100-150	30-50	Thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC
2	Thức ăn, hoá chất, mẫu vật, vật tư và dụng cụ thực hành	Đồng	Theo thực tế			Áp dụng theo định mức của chuyên môn
3	Nhiên liệu, xăng xe, phục vụ đi lại, đưa đón Ban tổ chức, Ban chủ tọa, chuyên gia, cố vấn, khách mời quan trọng.	Đồng	Theo thực tế			Thực hiện theo Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND tỉnh Hòa Bình, ngày 13/7/2017
IV	Các hạng mục khác liên quan					
1	Video clip phóng sự về chủ đề diễn đàn (10 phút)	Clip	01	01	01	
2	Tài liệu diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, hội nghị					
2.1	Xây dựng tài liệu diễn đàn, tọa đàm (báo cáo đề dẫn, báo cáo tham luận, quy trình kỹ thuật, tài liệu tham khảo...)	Bài	30	20	10	Thực hiện theo Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND tỉnh Hòa Bình, ngày 11/11/2015
2.2	In tài liệu diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, hội nghị	Cuốn	Theo quy mô số lượng đại biểu của từng diễn đàn, tọa đàm			Thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC

STT	Nội dung, quy trình	ĐVT	Định mức theo quy mô			Ghi chú
			200-300 đại biểu	100-150 đại biểu	30-50 đại biểu	
3	Hỗ trợ nông dân tham gia diễn đàn, tọa đàm (ăn, ngủ, đi lại)	Người/ ngày	150x02	70x02	20x01	Thực hiện theo Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND tỉnh Hòa Bình, ngày 13/7/2017
3.1	Số lượng nông dân	Người	Tối đa bằng 80% tổng số đại biểu tham dự			
3.2	Số ngày được hỗ trợ	Ngày	02	02	01	
4	Bồi dưỡng khách mời	Người	50	30	10	
5	Bồi dưỡng báo chí	Người	20	10	5	Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL 15/4/2020 (Phụ lục 11)
6	Nước uống giữa giờ	Người/ ngày	300 x 02	150 x 02	50 x 01	Thực hiện theo Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND tỉnh Hòa Bình, ngày 13/7/2017

3.2. Định mức tổ chức cuộc thi chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng nghề trong lĩnh vực nông nghiệp và PTNT (thi sơ khảo và thi chung kết)

DVT: 01 Hội thi chuyên môn

STT	Nội dung, quy trình	ĐVT	Định mức theo quy mô			Ghi chú
			>50-100 thí sinh	>30-50 thí sinh	>20-30 thí sinh	
I	Định mức công lao động					
1	Công tác chuẩn bị tổ chức					
1.1	Xây dựng, thẩm định kế hoạch, dự toán	Ngày công	17	17	12	Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL 15/4/2020 (Phụ lục 15)
1.2	Khảo sát, tiền trạm địa điểm tổ chức Hội thi (không tính thời gian di chuyển)	Người/ngày	05 x 04	05 x 04	03 x 03	Thực hiện theo Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND tỉnh Hòa Bình, ngày 13/7/2017
1.3	Xây dựng Quy chế thi (dự thảo, họp lấy ý kiến, chỉnh sửa hoàn thiện)					Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL 15/4/2020 (Phụ lục 15)
-	Dự thảo, chỉnh sửa hoàn thiện và ban hành Quy chế thi	Ngày công	20	20	20	
-	Họp lấy ý kiến góp ý và phê duyệt Quy chế thi	Người/buổi	10 x 01	10 x 01	10 x 01	
-	Biên soạn tài liệu chuyên môn nghiệp vụ (nội dung ôn tập, bộ câu hỏi và đáp án)	Ngày công	50	40	30	
-	Họp lấy ý kiến của các chuyên gia thẩm định, góp ý và phê duyệt bộ đề thi	Người/buổi	10 x 02	10 x 02	10 x 02	
1.4	Đạo diễn, biên tập, dàn dựng Tiểu phẩm sân khấu hóa (cho các đội dự thi)	Ngày công	10	10	10	Tính cho 01 đội thi (Số đội thi phụ thuộc vào quy mô, tính chất của Hội thi)
1.5	Thiết kế backdrop hội trường, pa-nô, standee, băng rôn, cờ phướn, giấy khen, thẻ đeo...	Ngày công	10	10	10	Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL 15/4/2020 (Phụ lục 15)
1.6	Soạn thảo, Ban hành quyết định thành lập Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ Thư ký, công văn, giấy mời tham dự	Ngày công	05	05	05	

STT	Nội dung, quy trình	ĐVT	Định mức theo quy mô			Ghi chú
			>50-100 thí sinh	>30-50 thí sinh	>20-30 thí sinh	
2	Tổ chức thực hiện					
2.1	Ban tổ chức, Ban giám khảo, các tiểu ban và tổ thư ký, giúp việc trước và trong thời gian diễn ra hội thi	Người	40	40	30	Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL 15/4/2020 (Phụ lục 15)
2.2	Người dẫn chương trình (MC)	Người	02	02	01	
2.3	Hợp ban tổ chức, ban giám khảo, các tiểu ban và tổ thư ký, giúp việc	Buổi	03	03	03	
2.4	Tiếp nhận, theo dõi, tổng hợp đăng ký dự thi của thí sinh.	Ngày công	15	10	05	
2.5	Quay phim, chụp ảnh toàn bộ Hội thi	Ngày công	05	04	03	Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL 15/4/2020 (Phụ lục 15)
2.6	Bộ phận phục vụ, bảo vệ, vệ sinh	Ngày công	30	20	10	
II	Định mức thiết bị, máy móc					
1	Hội trường và các trang thiết bị phục vụ hội thi					
1.1	Hội trường lớn phục vụ Hội thi					Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL 15/4/2020 (Phụ lục 15)
-	Thời gian	Ngày	05	04	03	
-	Sức chứa	Chỗ ngồi	Theo quy mô số lượng đại biểu của từng sự kiện (tối đa bằng 150% số đại biểu)			
1.2	Dàn dựng sân khấu	Cái	01	01	01	
1.3	Thiết bị âm thanh, ánh sáng, chuông cho Lễ khai mạc, quá trình thi và lễ trao giải	Ngày	05	04	03	
1.4	Màn hình, máy chiếu, màn hình Led	Bộ/ngày	02 x 05	02 x 04	02 x 03	
1.5	Máy tính, máy in	Bộ/ngày	05 x 05	03 x 04	02 x 03	
1.6	Phòng làm việc cho Ban tổ chức, Ban giám khảo, Tổ Thư ký trong các ngày diễn ra hội thi					

STT	Nội dung, quy trình	ĐVT	Định mức theo quy mô			Ghi chú
			>50-100 thí sinh	>30-50 thí sinh	>20-30 thí sinh	
-	Thời gian	Ngày	05	04	03	
-	Sức chứa	Chỗ ngồi	40	40	30	
1.7	Các phòng, địa điểm để thi lý thuyết (thi viết)	Phòng, địa điểm/ buổi	04 x 02	02 x 02	01 x 02	
2	In ấn, thi công, lắp đặt bộ nhận diện cuộc thi					Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ- BVHTTDL 15/4/2020 (Phụ lục 15)
2.1	Backdrop sân khấu, pano cánh gà sân khấu/backdrop đặt tại địa điểm thi	m ²	100	80	40	Kích thước theo mỗi loại
2.2	Phurôn thả, Băng rôn	Chiếc	30	20	10	
2.3	Thẻ đeo Ban Tổ chức, Tổ thư ký và giúp việc, Ban Giám khảo, thí sinh dự thi, băng đội dự thi...(theo quy mô hội thi).	Chiếc	150	100	60	
III	Định mức vật tư tiêu hao					
1	Văn phòng phẩm (mực in, giấy, bút...) phục vụ hội thi	Bộ	150	100	70	Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ- BVHTTDL 15/4/2020 (Phụ lục 15)
2	Hỗ trợ vật liệu và dụng cụ phục vụ thí sinh dự thi	Thí sinh	100	50	30	
3	Nhiên liệu, xăng xe, phục vụ đi lại, đưa đón Ban tổ chức, Thư ký, Ban Giám khảo khách mời quan trọng.		Theo thực tế			
IV	Các hạng mục khác liên quan đến tổ chức hội thi					
1	Thông tin tuyên truyền					
1.1	Đặt bài đăng báo in, báo điện tử	Tin, bài	05	02	02	Căn cứ Quyết định số 2201/QĐ- BVHTTDL ngày 27/7/2021
1.2	Đài truyền hình đưa tin	Tin, bài	02	01	01	
1.3	Hỗ trợ điện thoại liên lạc Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, người phục vụ	Người	05	05	03	
2	Hỗ trợ thí sinh tham gia hội thi					

STT	Nội dung, quy trình	ĐVT	Định mức theo quy mô			Ghi chú
			>50-100 thí sinh	>30-50 thí sinh	>20-30 thí sinh	
2.1	Tập luyện cho hội thi	Buổi	10	10	10	Hỗ trợ chi phí đi lại, ăn, nghỉ.
2.2	Tham gia hội thi	Ngày	05	04	03	
3	Trao giải thưởng: Cờ giải, cờ lưu niệm, khung giấy khen, hoa: giải tập thể, cá nhân, giải phụ...	Căn cứ vào tính chất, quy mô của từng Hội thi, được quy định cụ thể trong Quy chế thi				
4	Bồi dưỡng báo chí	Người	20	20	10	
5	Nước uống ban tổ chức, ban giám khảo, tổ thư ký, thí sinh, khách mời, ...	Người/ ngày	150 x 05	100 x 04	60 x 03	Thực hiện theo Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND tỉnh Hòa Bình, ngày 13/7/2017

3.3. Định mức tổ chức hội thi về sản phẩm nông nghiệp (Thi sơ khảo và thi chung kết)

ĐVT: 01 Hội thi sản phẩm

STT	Nội dung, quy trình	ĐVT	Định mức theo quy mô			Ghi chú
			> 100 sản phẩm dự thi	50-100 sản phẩm dự thi	< 50 sản phẩm dự thi	
I	Định mức công lao động					
1	Công tác chuẩn bị tổ chức					
1.1	Xây dựng, thẩm định kế hoạch, dự toán	Ngày công	15	15	10	Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL 15/4/2020 (Phụ lục 14)
1.2	Khảo sát, tiền trạm địa điểm tổ chức Hội thi (không tính thời gian di chuyển)	Người/ngày	05 x 04	05 x 04	03 x 03	Thực hiện theo Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND tỉnh Hòa Bình, ngày 13/7/2017
1.3	Xây dựng Quy chế thi (dự thảo, họp lấy ý kiến, chỉnh sửa hoàn thiện)		20	20	20	Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL 15/4/2020 (Phụ lục 14)
-	Dự thảo, chỉnh sửa hoàn thiện và ban hành Quy chế thi	Ngày công	10	10	10	
-	Họp lấy ý kiến góp ý và phê duyệt Quy chế thi	Người/buổi	10 x 01	10 x 01	10 x 01	
1.4	Thiết kế backdrop hội trường, pa-nô, standee, băng rôn, cờ phướn, giấy khen, thẻ đeo, biển tên, cờ giải, cờ lưu niệm, băng đeo đội dự thi...	Ngày công	05	05	05	
1.5	Soạn thảo và ban hành các công văn phối hợp, giấy mời tham dự, Quyết định thành lập Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ Thư ký	Ngày công	07	07	06	
2	Tổ chức thực hiện					

STT	Nội dung, quy trình	ĐVT	Định mức theo quy mô			Ghi chú
			> 100 sản phẩm dự thi	50-100 sản phẩm dự thi	< 50 sản phẩm dự thi	
2.1	Ban tổ chức, các tiểu ban và tổ thư ký, giúp việc trước và trong thời gian diễn ra hội thi	Người	48	43	28	Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL 15/4/2020 (Phụ lục 14)
2.2	Ban giám khảo (thù lao, chi phí đi lại, ăn, nghỉ trong thời gian diễn ra hội thi)	Người	10	10	10	
2.3	Người dẫn chương trình (MC)	Người	02	02	01	
2.4	Bộ phận phục vụ, bảo vệ, vệ sinh	Ngày công	30	20	10	
II	Định mức thiết bị, máy móc					
1	Trung bày sản phẩm dự thi và chấm giải					
1.1	Địa điểm không gian trưng bày sản phẩm dự thi	Ngày	03	02	02	Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL 15/4/2020 (Phụ lục 14); Quyết định số 2201/QĐ-BVHTTDL ngày 27/7/2021
1.2	Vật dụng phục vụ trưng bày sản phẩm dự thi	Căn cứ vào quy mô và tính chất của từng hội thi để xem xét và quyết định				
1.3	Dàn dựng sân khấu	Cái	01	01	01	
1.4	Thiết bị âm thanh, ánh sáng, chuông cho Lễ khai mạc, quá trình thi và lễ trao giải	Ngày	05	05	05	
1.5	Màn hình, máy chiếu, màn hình Led	Bộ/ngày	02 x 03	02 x 02	02 x 02	
1.6	Máy tính, máy in	Bộ/ngày	05 x 02	03 x 02	02 x 02	
1.7	Phòng làm việc cho Ban tổ chức, Ban giám khảo, Tổ Thư ký trong các ngày diễn ra hội thi					
-	Thời gian	Ngày	05	05	05	
-	Sức chứa	Chỗ ngồi	50	40	30	
1.8	Trang thiết bị máy móc phục vụ chấm thi	Căn cứ vào quy mô và tính chất của từng hội thi để xem xét và quyết định				
2	In ấn, lắp đặt bộ nhận diện cuộc thi					
2.1	Brackdrop sân khấu, pano cánh gà sân khấu/brackdrop đặt tại địa điểm thi	M ²	100	80	40	Kích thước theo thiết kế;

STT	Nội dung, quy trình	ĐVT	Định mức theo quy mô			Ghi chú
			> 100 sản phẩm dự thi	50-100 sản phẩm dự thi	< 50 sản phẩm dự thi	
2.2	In phướn thả	Chiếc	20	10	06	Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL 15/4/2020 (Phụ lục 14)
2.3	Băng rôn	Chiếc	10	10	03	
2.4	Thẻ đeo Ban Tổ chức, Tổ thư ký và giúp việc, Ban Giám khảo, băng đeo đội thi, cờ lưu niệm	Chiếc	70	70	50	
2.5	Biển tên sản phẩm	Chiếc	Theo số lượng sản phẩm dự thi			
III	Định mức vật tư tiêu hao					
1	VPP (mực in, giấy, bút...)	Đồng	10.000.000	8.000.000	5.000.000	Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL 15/4/2020 (Phụ lục 14)
3	Nhiên liệu, xăng xe, phục vụ đi lại, đưa đón Ban tổ chức, Thư ký, Ban Giám khảo, khách mời		Theo thực tế			
IV	Các hạng mục khác liên quan đến tổ chức hội thi					
1	Thông tin tuyên truyền					
1.1	Đặt bài đăng báo in, báo điện tử	Tin, bài	05	02	02	Căn cứ Quyết định số 2201/QĐ-BVHTTDL ngày 27/7/2021
1.2	Đài truyền hình đưa tin	Tin, bài	02	01	01	
1.3	Hỗ trợ điện thoại liên lạc Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, người phục vụ	Người	05	05	03	
2	Trao giải thưởng					
-	Giải tập thể, giải cá nhân, giải phụ (tiền thưởng, cờ giải, khung giấy khen, hoa...)	Giải thưởng	Căn cứ vào quy mô và tính chất của từng hội thi, được quy định cụ thể trong Quy chế thi			Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL 15/4/2020 (Phụ lục 14)
3	Bồi dưỡng báo chí	Người	20	20	10	
5	Nước uống ban tổ chức, ban giám khảo, tổ thư ký, thí sinh, khách mời, ...	Người /ngày	150 x 03	100 x 02	50 x 02	Thực hiện theo Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND tỉnh Hòa Bình, ngày 13/7/2017

VI. ĐỊNH MỨC TỔ CHỨC HỘI CHỢ

1. Tiêu chí, tiêu chuẩn

a) Tổ chức, tham gia hội chợ, để quảng bá, kết nối các doanh nghiệp du lịch với nhau và với người tiêu dùng trong nước và quốc tế.

b) Địa điểm: Có đủ không gian, đáp ứng yêu cầu về công năng, kỹ thuật, dịch vụ theo yêu cầu sự kiện, có vị trí giao thông thuận lợi.

c) Trang thiết bị: Đáp ứng yêu cầu các hoạt động của hội chợ.

d) Khách mời quan trọng: Là người có tầm ảnh hưởng tích cực đối với hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch; diễn giả là những người có chuyên môn sâu về lĩnh vực du lịch.

đ) Phiên dịch, người dẫn chương trình có kinh nghiệm và chuyên môn nghề nghiệp phù hợp.

2. Nội dung dịch vụ

a) Tổ chức gian hàng tại hội chợ, trong nước.

b) Tổ chức các hoạt động trong khuôn khổ hội chợ: Hội báo, hội thảo, hội nghị, tổ chức đoàn khảo sát.

c) Tổ chức các hoạt động khác tại hội chợ.

3. Quy trình

Bước 1: Xây dựng đề án.

Bước 2: Thẩm định đề án.

Bước 3: Khảo sát tiền trạm.

Bước 4: Tổ chức lựa chọn nhà thầu.

Bước 5: Chuẩn bị mặt bằng gian hàng và các hạng mục liên quan theo quy định của Ban Tổ chức, gồm: Điện, nước, vệ sinh, internet, an ninh, bảo hiểm, dịch vụ chung, phụ phí gian hàng nhiều tầng.

Bước 6: Tuyên truyền, quảng bá cho hoạt động tại hội chợ.

Bước 7: Lập danh sách, gửi giấy mời, theo dõi và tổng hợp xác nhận tham gia của đại biểu.

Bước 8: Tư vấn, thiết kế gian hàng (gian hàng tiêu chuẩn/gian hàng đặc biệt/gian hàng 4 mặt mở/3 mặt mở/2 mặt mở). Thi công dàn dựng gian hàng theo thiết kế đã được phê duyệt.

Bước 9: Chuẩn bị tài liệu, quà tặng, ấn phẩm, vật phẩm phục vụ hội chợ, sự kiện, gồm: Vật phẩm xúc tiến, trưng bày, trang trí kết hợp tặng khách tham quan gian hàng; ấn phẩm, tài liệu, thiết bị điện tử ghi dữ liệu quảng bá, xúc tiến du lịch (đĩa CD, USB); quà tặng khách Vip, khách tham quan; bánh kẹo, trà tiếp tân tại hội chợ.

Bước 10: Chuẩn bị các trang thiết bị phục vụ các hoạt động tại gian hàng như: Đường truyền internet tốc độ cao, trang thiết bị phục vụ nghệ sĩ biểu diễn, thẻ ra vào hội chợ, trang thiết bị pha chế.

Bước 11: Tổ chức đoàn công tác tại hội chợ, sự kiện, gồm: Ban Tổ chức, khách mời từ các đơn vị liên quan, đoàn nghệ sỹ, nghệ nhân và khách mời quan trọng.

Bước 12: Tổ chức, thực hiện và điều phối các hoạt động tại sự kiện theo kế hoạch đã phê duyệt; thực hiện các công việc phát sinh khác (nếu có).

Bước 13: Tổ chức các hoạt động khác trong khuôn khổ hội chợ/sự kiện như: Tổ chức hội thảo, hội nghị; tổ chức các chương trình ngoài trời; tổ chức khai mạc, bế mạc; tổ chức lễ trao giải hoặc vinh danh tại hội chợ.

Bước 14: Báo cáo kết quả thực hiện và thanh quyết toán.

4. Định mức

DVT: 01 Hội chợ

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức				Ghi chú
			100m ² /gian hàng	300m ² /gian hàng	500m ² /gian hàng	1000m ² /gian hàng	
I	Công tác chuẩn bị						
1	Xây dựng đề án	Ngày công	15	15	21	25	
2	Thẩm định đề án	Ngày công	10	10	10	10	
3	Khảo sát, tiền trạm	Người /ngày	03 x 03	03 x 03	03 x 03	03 x 03	
4	Tổ chức lựa chọn nhà thầu	Ngày công	20	20	20	20	
II	Tổ chức thực hiện						
1	Mặt bằng gian hàng và các hạng mục liên quan theo quy định của Ban Tổ chức	M ²	100	300	500	1000	
2	Tuyên truyền quảng bá cho hoạt động tổ chức tại hội chợ, sự kiện	Căn cứ vào tính chất, quy mô của từng sự kiện để đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.					Hợp báo, truyền hình trực tuyến, tuyên truyền, quảng bá trên Báo, đài Trung ương, địa phương, thuê xe loa tuyên truyền, xây dựng phóng sự, SMS thông qua nhà mạng viễn thông, Thiết kế, in và công treo pano, băng zôn, cờ, phướn, catalogue...

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức				Ghi chú
			100m ² /gian hàng	300m ² /gian hàng	500m ² /gian hàng	1000m ² /gian hàng	
3	Thiết kế và dàn dựng gian hàng						
3.1	Tư vấn, thiết kế gian hàng	Ngày công	20	30	45	50	Gian hàng tiêu chuẩn/gian hàng đặc biệt/gian hàng 4 mặt mở/3 mặt mở/2 mặt mở
3.2	Thi công gian hàng theo thiết kế	Thi công theo thiết kế; Căn cứ vào tính chất, quy mô của từng sự kiện để đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định				Tùy theo tính chất sự kiện để lựa chọn sử dụng nguyên vật liệu cao cấp hay bình thường	
4	Thiết kế và dàn dựng cổng Hội chợ,						
4.1	Tư vấn thiết kế cổng Hội chợ,	Ngày công	30	45	60	70	
4.2	Thi công cổng Hội chợ theo thiết kế	Thi công theo thiết kế; Căn cứ vào tính chất, quy mô của từng sự kiện để đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định				Tùy theo tính chất sự kiện để lựa chọn sử dụng nguyên vật liệu cao cấp hay bình thường	
5	Thiết kế và dàn dựng sân khấu hội chợ,						
5.1	Tư vấn thiết kế sân khấu	Ngày công	45	60	75	80	
5.2	Thi công sân khấu theo thiết kế	Thi công theo thiết kế; Căn cứ vào tính chất, quy mô của từng sự kiện để đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định				Tùy theo tính chất sự kiện để lựa chọn sử dụng nguyên vật liệu cao cấp hay bình thường	
6	Các hạng mục dịch vụ phục vụ Hội chợ						
6.1	Lắp đặt đường điện, nước; tiền điện tiêu thụ, nước tiêu thụ	Căn cứ vào tính chất, quy mô của từng sự kiện để đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.				Tùy theo tính chất sự kiện để lựa chọn sử dụng các dịch vụ phù hợp với tính chất, quy mô sự kiện	
6.2	Thuê máy phát điện dự phòng						
6.3	Thuê dịch vụ bảo vệ						
6.4	Thuê nhà vệ sinh lưu động, thuê dọn vệ sinh hàng ngày và dọn vệ sinh trả mặt bằng						
6.5	Trực phòng cháy chữa cháy, trực an toàn giao thông						
6.6	Hỗ trợ các nhà vườn/điểm tham quan						
6.7	Thuê máy dò bom mìn						

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức				Ghi chú
			100m ² /gian hàng	300m ² /gian hàng	500m ² /gian hàng	1000m ² /gian hàng	
7	Tài liệu, quà tặng ấn phẩm, vật phẩm... phục vụ Hội chợ						
7.1	Vật phẩm xúc tiến, trưng bày, trang trí thêm kết hợp tặng khách đến tham quan	Vật phẩm	200	500	1.000	1.500	
7.2	Quà tặng khách quan trọng, điển giả hội thảo	Suất	10	10	10	10	
7.3	Quà tặng phục vụ chương trình trò chơi có thưởng	Suất	50	100	150	200	
7.4	Ấn phẩm, tài liệu, thiết bị điện tử ghi dữ liệu phục vụ quảng bá, xúc tiến du lịch	Bộ	1.000	1.500	2.000	2.500	Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL
8	Trang thiết bị phục vụ các hoạt động tại gian hàng						
8.1	Đường truyền mạng tốc độ cao phục vụ hoạt động tại gian hàng	Bộ/ngày	01 x 10	01 x 10	01 x 10	01 x 10	
8.2	Trang thiết bị cơ bản phục vụ nghệ sỹ biểu diễn tại gian hàng	Căn cứ vào tính chất, quy mô của từng sự kiện để đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.				Micro, chân micro, mixer, dây kéo, đường line, sân khấu, ánh sáng... đủ cho số lượng nghệ sỹ tham gia	
8.3	Dụng cụ phục vụ gian hàng					Máy pha cà phê, bình đun nước, bình nóng lạnh.	
8.4	Thẻ ra vào hội chợ						
-	Thẻ cho Ban Tổ chức, nghệ nhân, nghệ sỹ, lễ tân, phóng viên, báo chí và những đối tượng liên quan	Thẻ	10	20	60	80	
-	Thẻ xe ô tô	Thẻ	05	05	10	20	Cho xe chở nghệ nhân, chở đồ, chở khách
8.5	Bánh kẹo, trà, cà phê... tại gian hàng	Suất	1.000	1.200	2.000	2.500	Gồm cả đĩa, thìa, đĩa, cốc... dùng một lần

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức				Ghi chú
			100m ² /gian hàng	300m ² /gian hàng	500m ² /gian hàng	1000m ² /gian hàng	
9	Tổ chức đoàn công tác phục vụ Hội nghị						
9.1	Đoàn Ban Tổ chức	Người /ngày	08 x 10	12 x 10	16 x 10	18 x 10	Bao gồm ngày chính thức diễn ra sự kiện và những ngày chuẩn bị trước, sau Thực hiện theo quy định của Thông tư số 40/2012/TT-BTC
9.2	Hỗ trợ cho nghệ sỹ, nghệ nhân	Căn cứ vào tính chất, quy mô của từng sự kiện để đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định					Vật liệu trình diễn, chương trình, tập luyện, khấu hao trang thiết bị, đạo cụ phục vụ biểu diễn.
9.3	Khách mời quan trọng	Người /ngày	02 x 05	02 x 05	02 x 05	02 x 05	Ăn, ở, đi lại (vé máy bay hạng thương gia, phòng ngủ tại khách sạn 5 sao)
10	Các hạng mục khác tại gian hàng chung tại Hội chợ (Gian hàng triển lãm chung)						
10.1	Lễ tân	Người /ngày	02 x 07	03 x 07	05 x 07	07 x 07	Hỗ trợ đón tiếp khách
10.2	Dẫn chương trình/hoạt náo viên phục vụ các hoạt động tại gian hàng	Người /ngày	02 x 07	02 x 07	02 x 07	02 x 07	
10.3	Nước uống	Bình/ ngày	05 x 07	10 x 07	20 x 07	30 x 07	
10.4	Tiệc nhẹ (cocktail hoặc finger food)	Suất	100	200	300	400	
11	Tổ chức các hoạt động khác trong khuôn khổ sự kiện						
11.1	Tổ chức hội nghị, hội thảo	Căn cứ vào tính chất, quy mô của từng sự kiện để đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định					Thực hiện theo quy định tại Điều 16 Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL
11.2	Tổ chức các sự kiện ngoài trời, các chương trình khai mạc, bế mạc hội chợ hoặc các sự kiện lớn						
11.3	Tổ chức lễ trao giải thưởng hoặc vinh danh trong sự kiện						Thực hiện theo quy định tại Điều 18 Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL

VII. ĐỊNH MỨC HỘI THẢO ĐẦU BỜ KHUYẾN NÔNG

1. Tiêu chí, tiêu chuẩn

- Tổ chức các hội thảo đầu bờ nhằm tuyên truyền lan tỏa các mô hình dự án khuyến nông điển hình trong sản xuất, thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững, tạo sản phẩm an toàn, nâng cao giá trị; là nơi trao đổi thông tin giữa cơ quan quản lý nhà nước, nhà khoa học, doanh nghiệp và nông dân về sản xuất nông nghiệp.

- Hội thảo được tổ chức trang trọng, gần gũi, hiệu quả, đảm bảo đúng, đủ thành phần tham dự.

2. Nội dung dịch vụ

- Tổ chức hội thảo đầu bờ khuyến nông.

3. Quy trình

- Bước 1: Xác định quy mô, chủ đề, đối tượng tham gia hội thảo.

- Bước 2: Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí tổ chức.

- Bước 3: Làm việc với cơ quan, đơn vị phối hợp tại địa phương; Khảo sát địa điểm tổ chức (mô hình tham quan, hội trường, khách sạn).

- Bước 4: Lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ và các trang thiết bị phục vụ.

- Bước 5: Xây dựng tài liệu hội thảo.

- Bước 6: Lập danh sách đại biểu khách mời; gửi giấy mời và xác nhận đại biểu tham dự.

- Bước 7: Ban hành công văn hướng dẫn đăng ký tham gia hội thảo gửi các địa phương/đơn vị; Tổng hợp đăng ký tham gia của địa phương/đơn vị và đại biểu.

- Bước 8: Xây dựng kịch bản tổng thể cho hội thảo; nội dung chi tiết từng hoạt động; xây dựng bài phát biểu của lãnh đạo.

- Bước 9: Thiết kế, duyệt maket và tổ chức in ấn thi công lắp đặt phong cảnh hội trường, băng rôn, pano, cờ phướn tại mô hình dự án.

- Bước 10: Các hoạt động hậu cần khác cho hội thảo như:

+ Đưa đón đại biểu khách mời;

+ Chuẩn bị chỗ ăn, nghỉ cho ban tổ chức và đại biểu khách mời;

+ Rà soát, kiểm tra mô hình tham quan, hội trường và các hoạt động khác liên quan.

- Bước 11: Đón tiếp đại biểu khách mời và người tham dự hội thảo; điều phối hội thảo diễn ra theo đúng kịch bản.

- Bước 12: Báo cáo kết quả thực hiện, nghiệm thu và thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

4. Định mức

ĐVT: 01 Hội thảo đầu bờ

STT	Nội dung, quy trình	ĐVT	Định mức theo quy mô			Ghi chú
			200-300 đại biểu	100-150 đại biểu	30-50 đại biểu	
I	Định mức công lao động					
1	Công tác chuẩn bị tổ chức					
1.1	Xây dựng, thẩm định kế hoạch, dự toán	Ngày công	10	10	07	Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL 15/4/2020 (Phụ lục số 11)
1.2	Thẩm định kế hoạch, dự toán	Ngày công	2	2	2	
1.3	Khảo sát, tiền trạm địa điểm tổ chức hội thảo đầu bờ (không tính thời gian di chuyển)	Người/ngày	05 x 04	05 x 04	03 x 02	Thực hiện theo Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND tỉnh Hòa Bình, ngày 13/7/2017
1.4	Soạn thảo và ban hành các công văn phối hợp, giấy mời tham dự,...	Ngày công	02	01	01	Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL 15/4/2020 (Phụ lục số 11)
1.5	Liên hệ, hướng dẫn, tổng hợp đăng ký tham gia của địa phương/đơn vị và đại biểu	Ngày công	05	03	02	
1.6	Tổng hợp báo cáo, biên tập, maket tài liệu hội thảo	Ngày công	05	03	02	
1.7	Thiết kế phòng hội trường, standee, băng rôn, pano, cờ phướn tại mô hình	Ngày công	05	05	05	
2	Tổ chức thực hiện					
2.1	Ban tổ chức, tổ thư ký (đi lại, ăn, nghỉ)	Người/ngày	10 x 04	10 x 04	10 x 03	Thực hiện theo Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND tỉnh Hòa Bình, ngày 13/7/2017
2.2	Báo cáo viên, tham luận tại diễn đàn, hội thảo	Người	10	05	03	Thực hiện theo Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND tỉnh Hòa Bình, ngày 11/11/2015
2.3	Hướng dẫn tham quan, thực hành tại mô hình dự án	Người	04	02	01	
2.4	Bộ phận phục vụ	Ngày công	04	02	01	

STT	Nội dung, quy trình	ĐVT	Định mức theo quy mô			Ghi chú
			200-300 đại biểu	100-150 đại biểu	30-50 đại biểu	
II	Định mức thiết bị, máy móc					
1	Hội trường (phòng họp, máy chiếu, màn chiếu, màn hình Led, micro, thiết bị âm thanh ánh sáng, thiết bị tổ chức trực tuyến, cán bộ kỹ thuật...)					Thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC
-	Thời gian	Ngày	02	02	01	
-	Sức chứa	Chỗ ngồi	Theo quy mô số lượng đại biểu của từng sự kiện (tối đa bằng 150% số đại biểu)			
2	Backdrop hội trường	M ²	40	30	20	Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL 15/4/2020 (Phụ lục số 11)
3	Standee	Chiếc	20	10	10	
4	Băng rôn, pano, phướn	M ²	200	100	50	
III	Định mức vật tư tiêu hao					
1	Văn phòng phẩm (mực in, giấy, bút...)	Bộ	200-300	100-150	30-50	
2	Thức ăn, hoá chất, mẫu vật, vật tư và dụng cụ thực hành	Đồng	Theo thực tế (Tối đa không quá 5.000.000 đồng)			
3	Nhiên liệu, xăng xe, phục vụ đi lại, đưa đón Ban tổ chức	Đồng	Theo thực tế			Thực hiện theo Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND tỉnh Hòa Bình, ngày 13/7/2017
IV	Các hạng mục khác liên quan					
1	Tài liệu hội thảo					
-	Xây dựng tài liệu hội thảo	Bài	30	20	10	Thực hiện theo Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND tỉnh Hòa Bình, ngày 11/11/2015
-	In tài liệu Hội thảo	Cuốn	Theo quy mô số lượng đại biểu của từng Hội thảo			Thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC

STT	Nội dung, quy trình	ĐVT	Định mức theo quy mô			Ghi chú
			200-300 đại biểu	100-150 đại biểu	30-50 đại biểu	
2	Hỗ trợ nông dân tham Hội thảo (ăn, ngủ, đi lại)	Người/ ngày	150x20	70x20	20x01	Thực hiện theo Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND tỉnh Hòa Bình, ngày 13/7/2017
2.1	Số lượng nông dân	Người	Tối đa bằng 80% tổng số đại biểu tham dự			
2.2	Số ngày được hỗ trợ	Ngày	02	02	01	Theo thời gian tổ chức Hội thảo
3	Bồi dưỡng khách mời	Người	50	30	10	
4	Bồi dưỡng báo chí	Người	20	10	5	
5	Nước uống giữa giờ	Người/ ngày	300x02	150x02	50x01	Thực hiện theo Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND tỉnh Hòa Bình, ngày 13/7/2017